



**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

BÁO CÁO

**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH/ NGHỀ TIẾNG ANH
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM 2021**

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 11 năm 2021

MỤC LỤC

CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	4
PHẦN I:	5
GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM,.....	5
KHOA NGOẠI NGỮ'	5
1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM	5
1.1. Khái quát về lịch sử phát triển của trường	5
1.2. Những thành tích nổi bật của trường	7
1.3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của nhà trường	9
1.4. Quy mô đào tạo	13
1.5. Kết quả tuyển sinh	14
2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA NGOẠI NGỮ'.....	14
2.1. Giới thiệu chung.....	14
2.2. Đội ngũ nhân sự	15
2.3. Chương trình đào tạo	15
3. THÔNG TIN VỀ CTĐT NGÀNH TIẾNG ANH	16
3.1. Mục tiêu đào tạo.....	16
3.2. Chuẩn đầu ra.....	16
3.3. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học	18
PHẦN II.....	20
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	20
1. Tổng quan chung.....	20
1.1. Căn cứ tự đánh giá.....	20
1.2. Mục đích tự đánh giá.....	20
1.3. Yêu cầu tự đánh giá	20
1.4. Phương pháp tự đánh giá.....	20
1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá	21
2. Tự đánh giá	21
2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh trình độ cao đẳng	21
2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn.....	26
2.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.....	54
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CTĐT	130
1. Về công tác nhân sự	130

2. Về công tác quản lý đào tạo.....	131
3. Về công tác Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	132
4. Về công tác quản trị thiết bị vật tư.....	132
5. Về công tác nghiên cứu khoa học.....	133
PHẦN IV	134
ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	134
1. Kết luận	134
2. Kiến nghị.....	134
PHỤ LỤC	137

CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLĐTBXH	-	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
TP.HCM	-	Thành phố Hồ Chí Minh
CĐCT	-	Cao Đẳng Công Thương
CĐ	-	Cao đẳng
ĐH	-	Đại học
NN	-	Ngoại Ngữ
THPT	-	Trung học phổ thông
GDNN	-	Giáo dục nghề nghiệp
CTĐT	-	Chương trình đào tạo
CTMH	-	Chương trình môn học
TC	-	Tín chỉ
THPT	-	Trung học phổ thông
CBGD	-	Cán bộ giảng dạy
HĐTS	-	Hội đồng tuyển sinh
GV	-	Giảng viên
SV	-	Sinh viên
TT	-	Thông tư
NH	-	Năm học
HD	-	Hướng dẫn
BC	-	Báo cáo
TT-MC	-	Thông tin- minh chứng
KH	-	Kế hoạch
TN	-	Tốt nghiệp
DN	-	Doanh nghiệp

PHẦN I:
GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM,
KHOA NGOẠI NGỮ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM

Trường cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Bộ Công Thương, được thành lập ngày 20/10/1976, với tên gọi là Trường Nghiệp vụ Kỹ thuật Công nghiệp nhẹ. Đến ngày 30/7/1991 Trường được đổi tên thành Trường Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp nhẹ Thủ Đức, trực thuộc Bộ Công Nghiệp nhẹ. Đến năm 2000 Trường được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Kinh Tế Kỹ Thuật Công Nghiệp II, theo quyết định số 5945/QĐ-BGD&ĐT ngày 27 tháng 12 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến năm 2009 đổi tên thành Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 418/QĐ-BGD&ĐT ngày 20 tháng 01 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thông tin liên hệ:

Tên trường: TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (viết tắt: CĐCT)

Tên tiếng anh: Ho Chi Minh City Industry and Trade College, (viết tắt: HITC).

Cơ quan chủ quản: Bộ Lao Động – Thương Binh và Xã Hội

Địa chỉ trường: Số 20 Tăng Nhơn Phú, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37313631

Số fax: 028.38978501

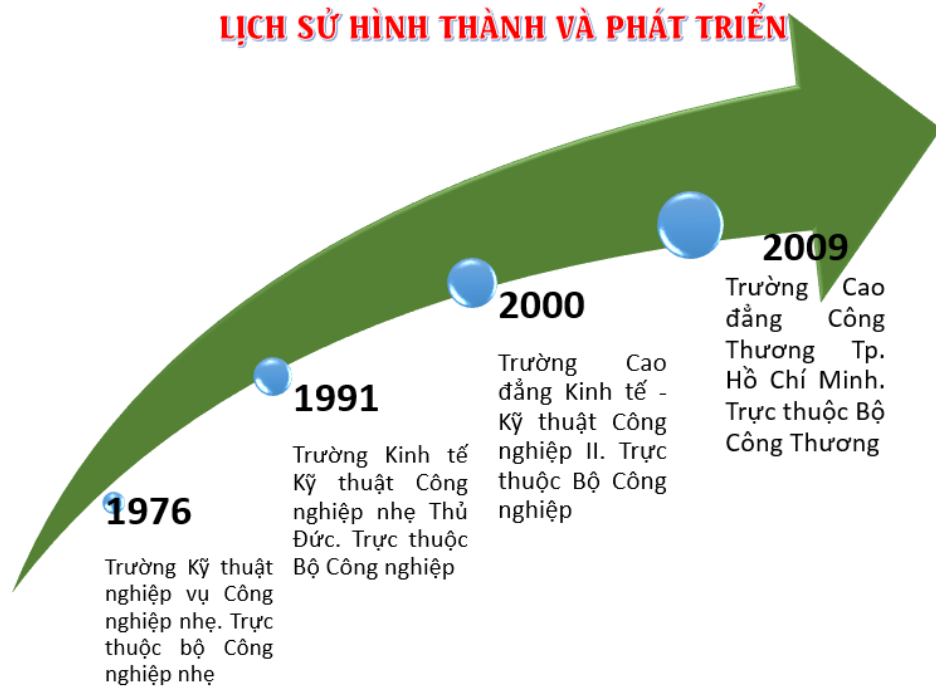
Email: tttkdcl@hitu.edu.vn;

Website: www.hitu.edu.vn

1.1. Khái quát về lịch sử phát triển của trường

Đến năm 2021, trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh đã có lịch sử phát triển 46 năm với 4 giai đoạn như sau:

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



• Giai đoạn 1 (Từ 20/10/1976 đến 30/07/1991):

Trường Nghiệp vụ Kỹ thuật Công nghiệp nhẹ trực thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ, đào tạo hệ trung cấp chuyên nghiệp, kỹ thuật viên 7 ngành kỹ thuật và nghiệp vụ thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ: dệt, sợi, may, nhuộm, giấy, tổ chức sản xuất, lao động – tiền lương. Bên cạnh đó, trường còn đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý làm việc trong ngành công nghiệp nhẹ ở khu vực miền Nam, với các chức danh từ tổ trưởng sản xuất, chuyên trưởng đến quản đốc, giám đốc xí nghiệp, thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ. Từ con số 500 sinh viên vào năm học 1976 - 1977 đến năm học 1990 - 1991 đã lên đến 2.000 sinh viên theo học tại trường.

• Giai đoạn 2 (Từ 30/07/1991 đến 27/12/2000):

Trường phát triển và đổi tên thành Trường Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp nhẹ Thủ Đức trực thuộc Bộ Công nghiệp, được phép đào tạo thêm một số ngành:

- Đào tạo thêm 5 ngành đối với trình độ trung cấp chuyên nghiệp và trung học nghề.

- Đào tạo công nhân kỹ thuật đối với 10 ngành.

- Liên kết với trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp I, đào tạo bậc cao đẳng chính quy được 3 khóa.

- Chuẩn bị đủ điều kiện để nâng cấp thành trường cao đẳng.

Trong năm học 1999 – 2000, đã có 5.000 sinh viên học tại trường.

• Giai đoạn 3 (Từ 27/12/2000 đến 20/01/2009):

Trường chính thức được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp II trực thuộc Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương), trường thực hiện thêm các nhiệm vụ sau:

- Đào tạo trình độ cao đẳng, hệ chính quy đối với 19 ngành.

- Đào tạo trung cấp nghề.
 - Đào tạo liên thông thí điểm đối với 3 ngành kế toán, công nghệ dệt, công nghệ kỹ thuật cơ khí.
 - Liên kết với 2 trường Đại học đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học.
- Năm học 2008 – 2009, số sinh viên của trường lên đến 12.804 người theo học.

• **Giai đoạn 4 (Từ 20/01/2009 đến nay: tháng 11/2021):**

Trường được đổi tên thành Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh, trực thuộc Bộ Công Thương. Đây là thời điểm đầu của giai đoạn phát triển thứ tư của nhà trường với định hướng phấn đấu trở thành Trường Cao đẳng chất lượng cao trong hệ thống các trường Đại học, Cao đẳng tại Việt Nam.

Trường Cao đẳng Công thương Thành phố Hồ Chí Minh (HITC) là địa chỉ tin cậy trong đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và kinh tế; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu xã hội; là cơ sở nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất, kinh doanh đa lĩnh vực; có năng lực hội nhập khu vực và quốc tế, giúp người học trở thành những công dân có học thức, tự tin lập thân, lập nghiệp, làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Đến năm 2025 trở thành Trường chất lượng cao, cơ bản hoàn thành chuyển đổi số. Chất lượng đào tạo không ngừng được nâng cao, quy mô đào tạo được duy trì hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao và đa dạng của xã hội.

Đến năm 2030, Trường đủ điều kiện trở thành trường đại học đào tạo đa ngành theo hướng ứng dụng, tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4, được xã hội tin nhiệm cao về chất lượng đào tạo với phương châm **“Học tập gắn liền với thực tiễn cuộc sống”**, góp phần vào sự nghiệp phát triển của đất nước.

1.2 Những thành tích nổi bật của trường

Với nhiều thành tích đóng góp cho hoạt động giáo dục trong suốt 46 năm hoạt động, trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM đã đạt được một số thành tựu sau:

- Được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động hạng ba (năm 1992), Huân chương lao động hạng nhì (năm 1997), Huân chương lao động hạng nhất (năm 2001) và Huân chương độc lập hạng ba (năm 2006), Huân chương Độc lập hạng nhì (2011), Cờ thi đua xuất sắc do Chính phủ CHXHCN Việt Nam tặng (2012); và nhiều bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương tặng (hàng năm).

- Giảng viên của trường đạt được nhiều giải thưởng trong các Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp thành phố, cấp quốc gia như: 01 giải nhất, 02 giải ba, 02 giải khuyến khích Giáo viên dạy giỏi TP.HCM năm 2014; 01 giải ba Giáo viên dạy giỏi toàn quốc năm 2015; 03 giải nhì, 01 giải ba, 02 giải khuyến khích Giáo viên dạy giỏi TP.HCM năm 2016; 01 giải nhì, 01 giải ba Giáo viên dạy giỏi TP.HCM năm 2018; 02 giải khuyến khích Giáo viên dạy giỏi cấp quốc gia năm 2018.

- Sinh viên của Trường sau khi tốt nghiệp đều có việc làm và đạt được một số thành công nhất định như: Phạm Xuân Trình (Tổng Giám đốc Tổng công ty

Phong Phú; Phạm Phú Chung (Tổng Giám đốc Công ty Dệt Đông Nam); Lê Thanh Liêm (Tổng Giám đốc Công ty Phước Long); Nguyễn Văn Đạt (Giám đốc Công ty Hưng Phát Đạt); Ngô Văn Nhiệm (Giám đốc Công ty Dệt gia dụng Phong Phú); Nguyễn Thị Kim Yên (Phó Giám đốc Công ty nhựa Bình Minh); Ngô Văn Hòa (Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Dệt May Thăng Lợi), Dương Quốc Thủy (Tổng giám đốc Công ty Đất Xanh Tây Nam Bộ, chủ tịch HĐQT Đất Xanh An Giang), Ngô Quốc Trụ (Giám đốc Nhà máy dệt, Tổng Cty Việt Thắng), Đỗ Hải (Giám đốc điều hành, Công ty cổ phần đầu tư phát triển VINATEX Thuộc Tập Đoàn Dệt May Việt Nam), Nguyễn Xuân Ninh (Giám đốc, Công ty TNHH Công nghệ Hoàng Phát), Huỳnh Cân (Giám đốc, Công ty Cổ phần Cơ điện Nam Hòa), ...

Sinh viên hiện đang theo học tại trường cũng rất tích cực tham gia cuộc thi sáng tạo Robot Việt Nam, vào được vòng chung kết toàn quốc 3 năm liền (2007, 2008 và 2013), trong đó, năm 2008, đạt được giải ba toàn quốc và giải thưởng Robot tự động tốt nhất.

- Trường chủ động liên kết đào tạo trong hợp tác quốc tế: được công nhận là cơ sở đào tạo của City and Guilds; được Tập đoàn dệt Texhong (Trung Quốc) đưa sinh viên của Trường sang Trung Quốc thực tập và nhận về làm việc trong cơ sở của họ đặt tại Việt Nam; được Trường Cao đẳng Swansea (Vương Quốc Anh) mời sang nước Anh trao đổi hợp tác đào tạo, mở ra triển vọng liên kết đào tạo bậc cao đẳng chính quy.

- Trường đã ký một số thỏa thuận liên kết đào tạo với ĐH Chosun Hàn Quốc, Học viện Genetic Computer Singapore, Học viện Hòa Xuân Đài Loan, hợp tác với cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KOICA), Trường Đại học Khoa học & Công nghệ Lumphwa, Trường Đại học Berjaya, Malaysia, Cơ quan Giáo dục IDP của Úc, Trường đang kết hợp với Hiệp hội Da – Giày – Túi xách Việt Nam (Lefaso) tham dự các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng chuyên môn gia công ngành giày da với sự hỗ trợ của Thương vụ Ý tại TP.HCM (ITA) và Hiệp hội doanh nghiệp da giày - thuộc da Ý (ASSOMAC)

- Giảng viên được đi học tập tại CHLB Đức, trường đã khai giảng lớp chất lượng cao đào tạo thí điểm cấp quốc tế ngành cắt gọt kim loại theo tiêu chuẩn của Châu Âu.

- Hoạt động hợp tác quốc tế luôn được nhà trường chú trọng:

+ Thực hiện 06 chương trình, dự án quốc tế với các nước như: Ủy ban Châu Âu 01 dự án, Đan Mạch 01 dự án, Hàn Quốc 02 dự án, Đài Loan 01 dự án, Hà Lan 01 dự án.

+ Tổ chức các hội thảo quốc tế tại trường: 02 hội thảo quốc tế trong khuôn khổ các dự án hợp tác với Ủy ban Châu Âu và Đan Mạch.

+ Số lượng giảng viên và sinh viên đi đào tạo tại nước ngoài tăng dần theo từng năm học.

+ Trường có 06 sinh viên đi học nâng cao trình độ tại Đài Loan; 04 sinh viên đi học tập ngắn hạn về ngành da giày tại Ý.

+ 21 cán bộ, giảng viên của trường đã được đi đào tạo, tham quan mô hình giảng dạy tiên tiến của các đối tác trong khuôn khổ hợp tác các dự án quốc tế với Phần Lan.

+ 03 giảng viên đi học tập và đào tạo tại Ấn Độ.

+ 03 giảng viên đi học tập tại Hàn Quốc về nghiệp vụ sư phạm giáo dục.

+ 03 giảng viên học tập khóa thiết kế giày do chuyên gia Ý đào tạo.

+ 01 giảng viên nghiên cứu sinh tiến sĩ tại Đài Loan.

+ 01 giảng viên đi giảng dạy tại Hàn Quốc trong khuôn khổ chương trình hợp tác đào tạo tại giảng dạy giữa trường CĐ Công Thương TP.HCM và ĐH Jeonju Hàn Quốc

+ 06 giảng viên học tập ngắn hạn tại Đức.

+ Nhà trường đã mời chuyên gia Hàn Quốc hỗ trợ xây dựng đào tạo ngành CNTT cho trường.

+ 01 chuyên gia Hà Lan sang đào tạo kiến thức khởi nghiệp cho giảng viên và sinh viên nhà trường trong khuôn khổ dự án PUM giữa Hà Lan và trường CĐ Công Thương TP.HCM.

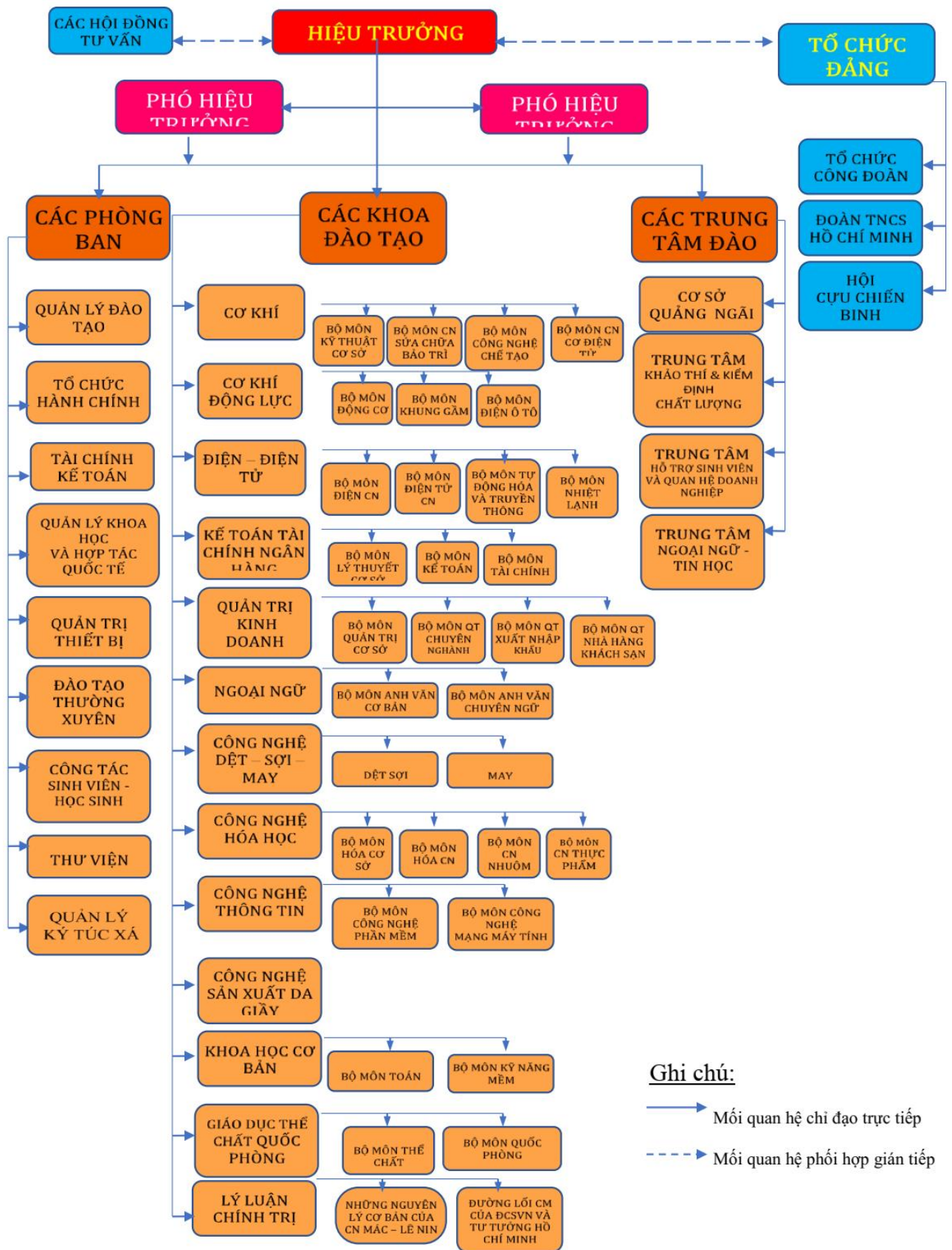
- Trường được Bộ LĐ – TBXH phê duyệt và đầu tư tập trung cho 8 ngành trọng điểm theo quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH gồm các ngành cụ thể như sau: Cắt gọt kim loại, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử, Quản trị Nhà hàng & Dịch vụ ăn uống, Công nghệ Thực phẩm, Công nghệ Da giày và Công nghệ May.

- Năm 2019 Trường được lựa chọn bổ sung vào đề án phát triển trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2020 theo quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng chính phủ.

1.3 Cơ cấu tổ chức và nhân sự của nhà trường

1.3.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức và nhân sự

Sơ đồ 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức nhân sự



1.3.2. Cán bộ, nhân viên trong trường: (tính đến thời điểm tự đánh giá)

Tổng số cán bộ quản lý, nhân viên tính đến tháng 11 năm 2021 là: 351 người, trong đó:

- Trong biên chế : 316 người
- Hợp đồng lao động : 32 người
- Hợp đồng lao động 68 : 02 người

1.3.3. Đội ngũ giáo viên: (tính đến thời điểm tự đánh giá)

Tổng số: 297 giảng viên, trong đó:

- Nam: 178 GV - Nữ: 119 GV
- Cơ hữu: 243 GV Thỉnh giảng: 54 GV

Trình độ đào tạo	Tổng số
Tiến sĩ	11
Thạc sĩ	257
Đại học	29
Cao đẳng	0
Trung cấp	0
Công nhân bậc 5/7 trở lên	0
Trình độ khác	0
Tổng số	297

1.3.4. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường

Thông tin các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh, học vị, chức vụ
1. Ban Giám hiệu			
Hiệu trưởng	Bùi Mạnh Tuấn	1971	Thạc sĩ
Phó Hiệu trưởng	Đặng Công Quốc	1968	Thạc sĩ
Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Anh Tuấn	1974	Thạc sĩ
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội HSSV			
Đảng bộ	Bùi Mạnh Tuấn	1971	ThS, Bí thư
Công đoàn	Trần Vũ Vượng	1975	ThS, Chủ tịch
Đoàn Thanh niên CSHCM	Đặng Minh Tuấn	1988	Bí thư

Thông tin các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh, học vị, chức vụ
Hội HSSV	Nguyễn Phạm Mai Trang	1987	ThS, Chủ tịch
3. Các phòng, ban chức năng			
- Phòng TCHC	Trần Vũ Vượng	1975	ThS, TP
- Phòng TCKT	Hoàng Mạnh Khiêm	1965	ThS, TP
- Phòng QTTB	Lê Thanh Hải	1969	ThS, TP
- Phòng QL Đào tạo	Nguyễn Tấn Thắng	1983	Ths, TP
- Phòng ĐTTX	Nguyễn Thị Minh	1976	ThS, TP
- Phòng CTHS-SV	Hoàng Mạnh Tùng	1980	ThS, TP
- Phòng KTX	Nguyễn Trung Hiếu	1965	CN, TP
- Phòng QLKH – HTQT	Hồ Hoài Nam	1979	TS, PTP
- Phòng Thông tin thư viện	Nguyễn Thị Thanh Giang	1978	ThS, TP
- TT Khảo thí & ĐBCL	Trần Minh Nhựt	1974	ThS, Giám đốc
- TT Hỗ trợ SV& QHDN	Lê Quang Vinh	1978	ThS, Giám đốc
- Cơ sở II (Quảng Ngãi)	Phạm Ngọc Hoàng Khôi	1978	ThS, Giám đốc
4. Các trung tâm/viện trực thuộc			
TT Ngoại ngữ - Tin học	Bùi Mạnh Tuấn	1971	ThS, HT, GĐ
5. Các khoa			
- Khoa Kế toán – Tài chính ngân hàng	Nguyễn Thị Kim Thoa	1976	GV, ThS, TK
- Khoa Cơ khí	Lê Thanh Vũ	1969	GVC, ThS, TK
- Khoa Điện – điện tử	Lâm Quang Chuyên	1972	GV, TS, TK
- Khoa CNTT	Huỳnh Trọng Đức	1968	GV, ThS TK
- Khoa CNHH & TP	Đặng Công Quốc	1968	ThS, PHT phụ trách

Thông tin các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh, học vị, chức vụ
- Khoa CN Dệt May	Đặng Phước Thịnh	1972	GV, ThS, PTK
- Khoa CN Da giày	Võ Quỳnh Liên	1977	GV, ThS, TK
- Khoa KH Cơ bản	Nguyễn Thị Lê	1974	GV, ThS, TK
- Khoa LLCT	Lê Văn Chuyên	1974	GV, ThS, TK
- Khoa Ngoại ngữ	Đỗ Thị Thanh Thủy	1975	GV, ThS, TK
- Quản trị Kinh doanh	Vũ Nhật Tân	1964	GV, ThS, TK
- GD TC- Quốc phòng	Nguyễn Trung Lục	1965	GV, ThS, TK
- Cơ khí động lực	Trương Thái Minh	1979	GV, ThS, TK

1.4. Quy mô đào tạo

Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh, qua 46 năm phát triển, hiện nay đã trở thành trường cao đẳng có quy mô đào tạo lớn của cả nước (quy mô hơn 12.000 sinh viên) và là trường đào tạo đa ngành (22 ngành).

Trong những năm gần đây, trường đã ổn định về quy mô đào tạo và áp dụng phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ đã đi vào quy củ sau 9 năm thực hiện.

Các ngành đào tạo hiện nay của trường:

STT	Ngành học	Khối xét tuyển	Chỉ tiêu
1	Công nghệ sợi, dệt	A, A1, B, D1	50
2	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	A, A1, B, D1	240
3	Công nghệ chế tạo máy	A, A1, B, D1	180
4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (chuyên ngành Điện công nghiệp và Điện tử công nghiệp)	A, A1, B, D1	330
5	Công nghệ da giày	A, A1, B, D1	150
6	Công nghệ giấy và bột giấy	A, A1, B, D1	30
7	Công nghệ kỹ thuật hóa học (chuyên ngành Hóa nhuộm, Hóa hữu cơ, Hóa phân tích)	A, A1, B, D1	210

8	Kế toán	A, A1, B, D1	390
9	Công nghệ thông tin	A, A1, B, D1	210
10	Quản trị kinh doanh (chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp, Quản trị kinh doanh xuất nhập khẩu)	A, A1, B, D1	420
11	Công nghệ may	A, A1, B, D1	390
12	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	A, A1, B, D1	70
13	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	A, A1, B, D1	70
14	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A, A1, B, D1	300
15	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	A, A1, B, D1	100
16	Tài chính - Ngân hàng	A, A1, B, D1	230
17	Công nghệ thực phẩm	A, A1, B, D1	300
18	Truyền thông và mạng máy tính	A, A1, B, D1	70
19	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	A, A1, B, D1	70
20	Tiếng Anh	A, A1, B, D1	200
21	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	A, A1, B, D1	100
22	Quản trị khách sạn	A, A1, B, D1	100

1.5. Kết quả tuyển sinh

Trường luôn hoàn thành và vượt chỉ tiêu tuyển sinh liên tục từ năm 2019 đến năm 2022. Hiện nay, chỉ tiêu của trường là 4.210.

Kết quả tuyển sinh những năm gần đây:

Trình độ	Năm		
	2019	2020	2021
Cao đẳng chính quy	4.286	4.210	4.210

2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA NGOẠI NGỮ

2.1. Giới thiệu chung

Tiền thân của khoa Ngoại Ngữ là tổ Ngoại ngữ thuộc khoa Đại Cương. Từ 01/4/2007, khoa Ngoại Ngữ được thành lập trên cơ sở tổ Ngoại ngữ giảng dạy Anh văn căn bản và Anh văn chuyên ngành cho các ngành đào tạo trong trường Cao Đẳng Công Thương TPHCM. Tháng 9 năm 2014, trường Cao Đẳng Công Thương TPHCM được Bộ GD-ĐT cấp phép mở ngành Anh văn chuyên ngữ chuyên ngành Thương mại.

Là một khoa được thành lập 15 năm, khoa Ngoại ngữ đã xây dựng và phát triển bền vững và luôn lấy mục tiêu đào tạo đáp ứng nhu cầu thực tế xã hội, tạo cơ hội cao nhất cho người học về kỹ năng nghề nghiệp làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động.

Khoa Ngoại ngữ thu hút đông đảo số lượng sinh viên và ngày càng phát triển về số lượng và chất lượng.

Kết quả tuyển sinh

TÊN NGÀNH	NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021
Tiếng Anh	219	220	217

Tỷ lệ học sinh, sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp: 100%

Hiện nay, Khoa Ngoại ngữ đã ký kết hợp tác với nhiều doanh nghiệp trên địa bàn TP.HCM và các tỉnh lân cận như: Cty TNHH MTV TMDV Giao nhận và vận tải quốc tế HBT, Công ty TNHH phát triển nguồn nhân lực Tân Cảng STC, Công ty TNHH di truyền giống vật nuôi quốc tế Genesis, Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Việt Open, Công ty Cổ phần phát triển nông nghiệp Tây Bắc..... Theo khảo sát cả trường có hơn 70% SV tìm kiếm được việc làm phù hợp ngay sau khi ra trường. 90% SV được tư vấn giới thiệu việc làm và tìm được việc làm sau 6 tháng. Sinh viên ngành Tiếng Anh 80% có việc làm đúng và gần ngành trong thời gian 3 tháng sau khi tốt nghiệp. Đặc biệt, một số sinh viên có việc làm đúng ngành ngay sau kỳ thực tập doanh nghiệp (trước khi tốt nghiệp).

2.2. Đội ngũ nhân sự

Khoa Ngoại ngữ có đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý gồm 15 người, trong đó: 10 giảng viên có trình độ thạc sĩ và 05 giảng viên có trình độ đại học đúng chuyên ngành. Các giảng viên đều đạt chuẩn về chuyên môn kỹ thuật, đều có nghiệp vụ sư phạm, có khả năng giảng dạy tích hợp, biết khai thác nguồn tài liệu trên internet, sử dụng tốt máy tính cho công việc chuẩn bị bài và giảng dạy bằng giáo án điện tử, một số giảng viên có khả năng tương đối tốt về tiếng Anh để tham khảo tài liệu chuyên môn của nước ngoài.

Đội ngũ giảng viên có trách nhiệm cao, tích cực, nhiệt huyết, yêu nghề, năng động, sáng tạo, có nhiều kinh nghiệm thực tế công tác tại các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh và các ngân hàng tổ chức tín dụng lớn.

2.3. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở đảm bảo tính ứng dụng, tính thực hành và tính linh hoạt.

- Sinh viên được trang bị kiến thức về các hệ thống kế toán doanh nghiệp, ngân hàng, đơn vị hành chính sự nghiệp.
- Chương trình thực tập mô phỏng tại trường, giúp sinh viên làm quen với môi trường làm việc thực tế.

Chương trình được thiết kế theo học chế tín chỉ, có nhiều lựa chọn cho sinh viên để xây dựng kế hoạch học tập của mình phù hợp với mục tiêu nghề nghiệp khi ra trường

3. THÔNG TIN VỀ CTĐT NGÀNH TIẾNG ANH

3.1. Mục tiêu đào tạo

Có kiến thức về ngôn ngữ và sử dụng thành thạo tiếng Anh trong cuộc sống và môi trường làm việc liên quan đến các lĩnh vực kinh doanh - thương mại, và biên - phiên dịch; đạt chuẩn trình độ tiếng Anh ở trình độ B1 trở lên theo khung năng lực Châu Âu (CEFR) hoặc tương đương.

Phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lập luận và giải quyết vấn đề, kỹ năng thuyết trình và nói trước công chúng để có thể thích ứng nhanh với môi trường làm việc, kinh doanh.

Ứng dụng được những kỹ năng tin học cơ bản phục vụ trong công việc, học tập và nghiên cứu.

Có khả năng sử dụng ngoại ngữ 2 (Tiếng Nhật, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Pháp) ở trình độ cơ bản.

3.2. Chuẩn đầu ra

Sau khi học xong chương trình đào tạo ngành tiếng Anh, người học đạt được:

3.2.1. Kiến thức

Trình bày được các quy định cơ bản, cần thiết về tính đặc thù của ngành, nghề khi làm việc với đối tác là người nước ngoài, đảm bảo không gây ảnh hưởng, phương hại đến bí mật, lợi ích và an ninh quốc gia.

Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

Trình bày và giải thích được kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, phát âm, từ vựng, cấu trúc câu được sử dụng phổ biến trong Tiếng Anh cũng như tiếng Anh trong lĩnh vực thương mại.

Trình bày được các đặc điểm văn hóa, phong tục tập quán của các quốc gia nói Tiếng Anh thể hiện thông qua ngôn ngữ.

Phân biệt được điều kiện công tác ở Việt Nam cũng như nước ngoài tại nhiều khu vực ngành, nghề khác nhau trong môi trường quốc tế hóa, toàn cầu hóa.

Lựa chọn được bố cục, văn phong và nội dung cần có của các loại hình báo cáo, thư tín, hợp đồng thương mại.

Trình bày được các kiến thức về thị trường, marketing, bán hàng và quản trị bán hàng.

Mô tả được các hoạt động hành chính văn phòng trong các phòng ban khác nhau của công ty.

Sử dụng được các kiến thức và kỹ năng biên-phiên dịch vào việc biên-phiên dịch các văn bản thương mại.

Phân tích được các thông tin trong các loại chứng từ khác nhau của hoạt động xuất-nhập khẩu.

Kiểm tra, đối chiếu và chỉnh sửa thông tin của các loại chứng từ, giấy tờ khác nhau trong công việc, đặc biệt là trong hoạt động xuất-nhập khẩu.

Tin học đạt trình độ căn bản trở lên hoặc có chứng chỉ MOS 1 trong 2 kỹ năng (Word, Excel).

3.2.2. Kỹ năng

Sử dụng thành thạo vi tính trong công việc.

Giới thiệu được các đặc điểm văn hóa, phong tục tập quán của các quốc gia nói Tiếng Anh.

Vận dụng được kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, phát âm, từ vựng, cấu trúc Tiếng Anh chuyên ngành được sử dụng trong các lĩnh vực nghề nghiệp của ngành Tiếng Anh để thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực thương mại.

Nghe hiểu để ghi nhận và chuyển tiếp thông tin đơn giản rõ ràng; xác định được ý chính trong các bài nói, cuộc đối thoại, thảo luận.

Nghe hiểu và phân biệt được các ý chi tiết để điền mẫu đơn, bảng biểu và ghi chú.

Giao tiếp, trao đổi thông tin, trình bày ý kiến về các vấn đề hàng ngày trong các tình huống trong kinh doanh và hoạt động doanh nghiệp.

Đánh giá được các loại hợp đồng và văn kiện thương mại, thư tín thương mại và email.

Soạn thảo các hợp đồng thương mại, tài liệu kinh doanh, văn kiện thương mại, thư tín thương mại và email bằng Tiếng Anh.

Viết báo cáo so sánh, đối chiếu các bảng biểu dữ liệu trong kinh doanh thương mại; viết biên bản cho các buổi họp có sử dụng Tiếng Anh.

Đọc hiểu các văn bản thương mại và các chứng từ xuất nhập khẩu.

Biên- phiên dịch được các tài liệu thông thường và tài liệu thương mại cơ bản bằng Tiếng Anh.

Tổ chức, sắp xếp các sự kiện, hội thảo, hội họp, tài liệu, xây dựng lịch làm việc theo yêu cầu của đối tác hai bên.

Tiếp nhận, đánh giá và giải quyết các tình huống phát sinh, các sự cố trong công việc.

Sử dụng thành thạo từ vựng và cấu trúc câu Tiếng Anh chuyên ngành trong công việc văn phòng, học vụ và biên dịch.

Thực hiện thành thạo các quy trình trong xuất- nhập khẩu.

Thuyết trình và báo cáo được công việc bằng tiếng Anh.

Tư vấn bán hàng, xây dựng được mối quan hệ với khách hàng và chăm sóc khách hàng hiệu quả.

3.2.3. Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm.

Chấp hành tốt các quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước, không gây ảnh hưởng phương hại đến bí mật, lợi ích và an ninh quốc gia.

Chịu trách nhiệm cá nhân với công việc được giao.

Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm hiệu quả.

Có tính chủ động trong công việc và kỹ năng giao tiếp tốt.

Có khả năng đánh giá kết quả công việc của bản thân.

Có tinh thần tự bồi dưỡng, học hỏi và nâng cao trình độ chuyên môn.

Có tính kỷ luật và đạo đức nghề nghiệp.

3.2.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp.

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Đón tiếp khách hàng hoặc đối tác nước ngoài.
- Biên dịch các tài liệu thương mại.
- Phiên dịch.
- Bán hàng qua các kênh.
- Thực hiện quy trình làm hàng nhập khẩu.
- Thực hiện quy trình làm hàng xuất khẩu

3.2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ.

Sau khi tốt nghiệp người học có khả năng tự học, tự cập nhật kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực Tiếng Anh, logistics để nâng cao kiến thức, thành thạo nghiệp vụ hoặc tự học các kiến thức, kỹ năng chuyên môn khác để thực hiện các nhiệm vụ được giao, và đảm nhận các vị trí cao hơn trong công ty như:

- Trưởng nhóm chăm sóc khách hàng, chuyên viên biên - phiên dịch, trưởng phòng kinh doanh, trưởng phòng xuất nhập khẩu;
- Tổ trưởng các tổ nghiệp vụ, kinh doanh, tiếp thị, bán hàng;
- Thư ký ban giám đốc, trợ lý giám đốc;
- Giáo viên tại các trung tâm Ngoại ngữ.

Ngoài ra, sau khi tốt nghiệp người học có thể tiếp tục học liên thông lên trình độ cao hơn trong hệ thống giáo dục của Việt nam, có thể học liên thông lên trình độ cao đúng chuyên ngành Tiếng Anh, hoặc các chuyên ngành liên quan như ngôn ngữ Anh hay sư phạm tiếng Anh.

3.3. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học: 35 môn (kể cả môn học tự chọn)
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 90 tín chỉ (không tính môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng).
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 12 tín chỉ

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 78 tín chỉ
- Khối lượng lý thuyết: **760** giờ; Khối lượng thực hành: **1220** giờ; Kiểm tra: **90** giờ

PHẦN II

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan chung

1.1. Căn cứ tự đánh giá

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL của Tổng cục GDNN ngày 25/3/2019 về việc Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

1.2. Mục đích tự đánh giá

Đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của đơn vị và các điều kiện học tập của học sinh, giảng dạy của giảng viên so với bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng;

Xác định mức độ đạt được của chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

Phát hiện những điểm mạnh, điểm cần cải thiện trong thời gian tới, qua đó giúp cho Khoa hoàn thiện chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh.

1.3. Yêu cầu tự đánh giá

Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh Có sự tham gia của tất cả các đơn vị trong toàn trường.

Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trình độ trung cấp, cao đẳng hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.

Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.

Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nhà trường, được đăng tải lên website nhà trường, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

1.4. Phương pháp tự đánh giá

Nghiên cứu các tiêu chí, tiêu chuẩn trong bộ Tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm phục vụ quá trình tự đánh giá.

Thu thập thông tin, rà soát các hoạt động của ngành Tiếng Anh và tìm những chứng cứ để chứng minh nội hàm tiêu chuẩn được phân công.

Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến của cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học và người sử dụng lao động.

Mô tả, làm rõ thực trạng của ngành Tiếng Anh, phân tích, đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại từ đó đưa ra các biện pháp khắc phục, dự kiến kế hoạch hành động để cải tiến nâng cao chất lượng Chương trình đào tạo.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Thực hiện tự đánh giá chất lượng theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành.

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh trình độ cao đẳng

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC			
Tổng điểm		100	98
Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính		6	6
1	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của CTĐT phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	Đạt
2	Tiêu chuẩn 1.2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách CTĐT và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện CTĐT; khoa/đơn vị phụ trách CTĐT hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến CTĐT.	2	Đạt
3	Tiêu chuẩn 1.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của CTĐT và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện CTĐT.	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	14	12
4	Tiêu chuẩn 2.1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 90% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	Đạt
5	Tiêu chuẩn 2.2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	Đạt
6	Tiêu chuẩn 2.3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung CTĐT, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	Đạt
7	Tiêu chuẩn 2.4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	Đạt
8	Tiêu chuẩn 2.5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	Đạt
9	Tiêu chuẩn 2.6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	Đạt
10	Tiêu chuẩn 2.7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	Không đạt
	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16
11	Tiêu chuẩn 3.1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	Đạt
12	Tiêu chuẩn 3.2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	Đạt
13	Tiêu chuẩn 3.3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc CTĐT có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.		
14	Tiêu chuẩn 3.4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	Đạt
15	Tiêu chuẩn 3.5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	Đạt
16	Tiêu chuẩn 3.6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	Đạt
17	Tiêu chuẩn 3.7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	Đạt
18	Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	Đạt
	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24	24
19	Tiêu chuẩn 4.1: CTĐT được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	Đạt
20	Tiêu chuẩn 4.2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định CTĐT.	2	Đạt
21	Tiêu chuẩn 4.3: CTĐT thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	Đạt
22	Tiêu chuẩn 4.4: CTĐT thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	Đạt
23	Tiêu chuẩn 4.5: CTĐT thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện CTĐT nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	Đạt
24	Tiêu chuẩn 4.6: CTĐT thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của CTĐT.	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
25	Tiêu chuẩn 4.7: CTĐT đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	Đạt
26	Tiêu chuẩn 4.8: CTĐT đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	Đạt
27	Tiêu chuẩn 4.9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của CTĐT.	2	Đạt
28	Tiêu chuẩn 4.10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	Đạt
29	Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong CTĐT; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	Đạt
30	Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	Đạt
	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	16
31	Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	Đạt
32	Tiêu chuẩn 5.2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của CTĐT.	2	Đạt
33	Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	Đạt
34	Tiêu chuẩn 5.4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	Đạt
35	Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
36	Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	Đạt
37	Tiêu chuẩn 5.7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	Đạt
38	Tiêu chuẩn 5.8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	Đạt
	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8
39	Tiêu chuẩn 6.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về CTĐT; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	Đạt
40	Tiêu chuẩn 6.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	Đạt
41	Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	Đạt
42	Tiêu chuẩn 6.4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	Đạt
	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
43	Tiêu chuẩn 7.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.		
44	Tiêu chuẩn 7.2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	Đạt
45	Tiêu chuẩn 7.3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	Đạt
46	Tiêu chuẩn 7.4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	Đạt
47	Tiêu chuẩn 7.5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT theo quy định.	2	Đạt
48	Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng CTĐT trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	Đạt
49	Tiêu chuẩn 7.7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	Đạt
50	Tiêu chuẩn 7.8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	Đạt

2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

2.2.1. Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính

Mở đầu

- Mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Tiếng Anh được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM đã công bố theo từng giai đoạn phát triển và xu thế hội nhập quốc tế. Các nội dung của CTĐT đáp ứng được yêu cầu của xã hội, đặc biệt là các nhà sử dụng lao động. Để đáp ứng được mục tiêu của CTĐT, nhà trường đã có các văn bản giao nhiệm

vụ cụ thể cho khoa Ngoại ngữ để thực hiện và hoàn thành. Ngoài ra, nhà trường có nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của CTĐT và có đủ nguồn lực hợp pháp để thực hiện CTĐT.

- Chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh có mục tiêu cụ thể, rõ ràng, quy định, phân bổ được thời gian đào tạo, số môn học, các tín chỉ.

Trong suốt quá trình phát triển, mục tiêu, nhiệm vụ Nhà trường được xác định một cách rõ ràng, cụ thể phù hợp với thực tế phát triển của xã hội được công bố rộng rãi trên website và các tờ rơi giới thiệu về Khoa, về Trường.

*** Những điểm mạnh**

- Mục tiêu chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh rõ ràng, cụ thể bao quát được toàn bộ các kỹ năng từ cơ bản đến nâng cao. Hàng năm, Nhà trường đều xác định mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể trong các lĩnh vực hoạt động. Định kỳ, mục tiêu, nhiệm vụ được rà soát, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế từng giai đoạn. Mục tiêu của chương trình đào tạo năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 giúp sinh viên đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng và thái độ ngành nghề, giúp Sinh viên có được tay nghề vững sau khi ra trường, đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động có tay nghề cao. Chương trình đào tạo năm 2019 có sự điều chỉnh để người học đạt được các mục tiêu kiến thức, có các kỹ năng và mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm phù hợp với xu thế phát triển mới.

- Chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh luôn có mục tiêu phù hợp mục tiêu của Nhà trường và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh đúng quy định. Theo từng năm Nhà trường có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho Khoa Ngoại ngữ và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; Khoa Ngoại ngữ luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.

- Hàng năm, Khoa Ngoại ngữ tiến hành thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo theo kế hoạch được phân công và báo cáo kết quả thực hiện tự đánh giá cho nhà Trường, từ đó rà soát bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với nền công nghệ mới cũng như đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp.

- Chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh được Nhà trường đảm bảo kinh phí bằng nguồn thu hợp pháp để thực hiện đào tạo đảm bảo chất lượng, do Nhà trường hàng năm đã nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học.

*** Những tồn tại**

- Mục tiêu và nhiệm vụ của Trường và Khoa tuy đã được phổ biến và quán triệt rộng rãi trong cán bộ, viên chức, sinh viên toàn Trường, nhưng vẫn còn một số ít chưa quan tâm, chưa nắm kỹ và sâu nội dung của mục tiêu.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

- Trong những năm tới, Khoa Ngoại ngữ sẽ đẩy mạnh công tác liên kết với doanh nghiệp bằng các thỏa thuận, hợp đồng cụ thể trong xây dựng chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, tham gia đào tạo của doanh nghiệp. Nâng số lượng doanh nghiệp được liên kết.

- Để nâng cao tính thực tiễn, cập nhật công nghệ của giảng viên, Khoa thực hiện tốt kế hoạch đi thực tế doanh nghiệp của giảng viên.

- Thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng nâng cao phương pháp dạy học, và kiến thức chuyên môn cho giảng viên.

- Trong những năm qua giảng viên của Khoa được cử đi học tập ở nước ngoài, nhưng số lượng còn hạn chế, trong những năm tới, Khoa có kế hoạch tiếp tục cử các giảng viên trẻ bồi dưỡng học tập ở các nước tiên tiến.

- Nhà trường đẩy mạnh công tác mua sắm trang thiết bị để đáp ứng khoa học công nghệ hiện nay. Đồng thời liên kết với các doanh nghiệp bằng các hợp đồng sử dụng thiết bị của doanh nghiệp trong việc đào tạo. Không ngừng cải tiến quản lý, kiểm tra đánh giá về mọi mặt hoạt động của Khoa nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền để thu hút học sinh sinh viên.

- Hàng năm tiếp tục tổ chức, kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ chung và mục tiêu cụ thể của từng chiến lược để có biện pháp điều chỉnh kế hoạch một cách có hệ thống, có lý luận chặt chẽ, đảm bảo mọi thành viên trong Trường và Khoa đều hiểu để nhận thức đúng và hành động đúng.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	6
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của CTĐT phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

“Việc xác định rõ mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý của trường được xác định tại Đề án thành lập trường CĐ Công Thương Tp.HCM và được các cấp có thẩm quyền thông qua Quyết định thành lập trường”. (***1.1.01 - Quyết định số 5945/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 27 tháng 12 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo***

dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp II trên cơ sở Trường Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Nhẹ Thủ Đức; 1.1.02 - Quyết định số 418/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 01 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp II thành Trường Cao đẳng Công thương Thành phố Hồ Chí Minh; 1.1.03 - Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 07/01/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM), nhận thấy mục tiêu của trường được xác định cụ thể:

“Trường Cao đẳng Công thương Thành phố Hồ Chí Minh (HITC) là địa chỉ tin cậy trong đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và kinh tế; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu xã hội; là cơ sở nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất, kinh doanh đa lĩnh vực; có năng lực hội nhập khu vực và quốc tế, giúp người học trở thành những công dân có học thức, tự tin lập thân, lập nghiệp, làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Đến năm 2025 trở thành Trường chất lượng cao, cơ bản hoàn thành chuyển đổi số. Chất lượng đào tạo không ngừng được nâng cao, quy mô đào tạo được duy trì hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao và đa dạng của xã hội.

- Đến năm 2030, Trường đủ điều kiện trở thành trường đại học đào tạo đa ngành theo hướng ứng dụng, tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4, được xã hội tin nhiệm cao về chất lượng đào tạo với phương châm “học tập gắn liền với thực tiễn cuộc sống”, góp phần vào sự nghiệp phát triển của đất nước.”

Nhận thấy, mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh cũng có nêu: “Chương trình cử nhân cao đẳng ngành Tiếng Anh đào tạo nhân viên làm việc ở nhiều lĩnh vực sử dụng thành thạo tiếng Anh trong cuộc sống và môi trường làm việc liên quan đến các lĩnh vực kinh doanh - thương mại, và biên - phiên dịch, có nền tảng kiến thức chuyên sâu để đảm nhận các vị trí trong công việc như trưởng nhóm chăm sóc khách hàng, chuyên viên biên - phiên dịch, trưởng phòng kinh doanh, trưởng phòng xuất nhập khẩu; trưởng các tổ nghiệp vụ, kinh doanh, tiếp thị, bán hàng, thư ký ban giám đốc, trợ lý giám đốc hoặc giáo viên tại các trung tâm Ngoại ngữ. (1.1.08 - Quyết định số 366/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Tiếng Anh năm 2019)

Bên cạnh đó, Nhà Trường luôn coi trọng việc rà soát điều chỉnh mục tiêu chương trình đào tạo, để cập nhật kịp thời với sự thay đổi của tình hình kinh tế xã hội. Việc rà soát, cập nhật mục tiêu đào tạo nói chung và CTĐT ngành tiếng Anh nói riêng được thể hiện cụ thể qua các minh chứng (1.1.05 – Kế hoạch số 454a/KH-

CDCT ngày 17/04/2019 về Kế hoạch điều chỉnh chương trình đào tạo Cao đẳng theo Hệ thống giáo dục nghề nghiệp; 1.1.06 - Quyết định số 154a/QĐ-CDCT ngày 07/5/2019 thành lập Tổ biên soạn chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh năm 2019; 1.1.07 - Quyết định số 319/QĐ-CDCT ngày 26/06/2019; số 527/QĐ-CDCT ngày 19/08/2021 thành lập Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh; 1.1.08 - Quyết định số 366/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Tiếng Anh năm 2019)

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh đã được trường công bố công khai trên Website của Trường tại địa chỉ: <https://hitu.edu.vn/>; thông tin tuyển sinh dạy nghề của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; các bảng Panô, áp phích giới thiệu trước cổng trường và trong khu vực Trường (*1.1.10-Địa chỉ website của Trường: www.hitu.edu.vn; 1.1.11-Các ấn phẩm, tờ rơi, chứng nhận phát sóng, bài báo giới thiệu về Trường hàng năm*).

- Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động, qua các minh chứng, các số liệu thông tin nhu cầu tuyển dụng ngành Tiếng Anh. Có thể thấy, theo các báo cáo phân tích thị trường lao động và dự báo nhu cầu nhân lực năm tới của thị trường lao động TP.HCM qua các năm 2018, 2019, 2020, 2021 đều cho thấy mức tuyển dụng nhân sự trong ngành Tiếng Anh luôn nằm ở những nhóm ngành cao nhất (*1.1.04-Báo cáo nhu cầu nhân lực các năm 2018, 2019, 2020, 2021*). Thêm vào đó, qua tổng hợp các thông báo tuyển dụng trong 3 năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 của các Doanh nghiệp gửi đến trường, mỗi năm nhà trường nhận được trung bình 50 thông báo tuyển dụng các ngành nghề khác nhau liên quan đến các nghề trường đang đào tạo từ các doanh nghiệp và đơn vị sử dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và khu vực lân cận. Trong đó, số lượng lao động liên quan đến ngành Tiếng Anh đang ngày càng tăng. (*1.1.12 - Hình ảnh yêu cầu tuyển dụng người lao động được đào tạo từ ngành Tiếng Anh của các doanh nghiệp, 1.1.13 - Thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp hàng năm*).

Trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến 2020 và tầm nhìn 2025 của Chính phủ, đến năm 2020 nêu rõ:” “... Mục tiêu cụ thể về kinh tế: khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng từ 58,16% - 60,07%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng từ 39,19 - 41,07% và nông nghiệp chiếm tỷ trọng từ 0,74% - 0,78%. Đến năm 2025: khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng từ 58,29% - 61,10%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng từ 38,29% - 41,05% và khu vực nông nghiệp chiếm tỷ trọng từ 0,61% - 0,66%...” (*1.1.14 - Quy hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến 2023-2030-Tầm nhìn đến năm 2045; 1.1.15 - Quyết định số 2631/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến 2020 và tầm nhìn 2025*).

Ngoài ra, trong Quy hoạch phát triển dạy nghề thành phố Hồ Chí Minh đến 2025 cũng nêu "... quy mô đào tạo bình quân là 274.550 người/năm (bao gồm cả trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và bồi dưỡng thường xuyên) chủ yếu các lĩnh vực: Tiếng Anh, Kinh doanh - Thương mại, Dịch vụ - Phục vụ, Vận tải - Kho bãi, Dệt may - Giày da, Cơ khí - Tự động hóa, Dịch vụ thông tin tư vấn - Chăm sóc khách hàng, Kinh doanh tài sản - Bất động sản, Kế toán - Kiểm toán, Dịch vụ Du lịch - Nhà hàng - Khách sạn, Điện tử - Công nghệ thông tin, Tài chính - Tín dụng - Ngân hàng,...".

Trong các năm qua, Nhà trường đã thực hiện tuyển sinh và đào tạo các ngành nghề đúng các khu vực, lĩnh vực theo các quy hoạch trên; cụ thể hoá qua các ngành nghề, quy mô, địa điểm theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp được cấp phép, trong đó có ngành Tiếng Anh (*1.1.16 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 195/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 28/06/2017 của Tổng cục Dạy nghề*).

Từ những phân tích trên, nhận thấy: Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh phù hợp với mục tiêu trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo của trường; phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách CTĐT và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện CTĐT; khoa/đơn vị phụ trách CTĐT hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến CTĐT.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nội dung các văn bản của nhà trường có quy định về cơ cấu tổ chức, bộ máy của trường (*1.1.03 - Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; 1.2.01 – Quyết định số 656/QĐ-CDCT ngày 1/11/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; 1.2.02 - Quyết định về việc thành lập Khoa Ngoại Ngữ thuộc Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM*) sự phối hợp công tác giữa các đơn vị thuộc trường; tổ chức bộ máy và chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị, trong đó có Khoa Ngoại ngữ. Cụ thể là:

Điều 15. Khoa trực thuộc Trường

1. Cơ cấu tổ chức

a) Lãnh đạo Khoa: Trưởng Khoa, các phó Trưởng Khoa.

b) Bộ môn: Trưởng bộ môn, các giảng viên.

c) Hội đồng Khoa.

2. Trưởng Khoa

a) Trưởng Khoa do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo quy định của Trường.

b) Trưởng Khoa phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ trở lên và ngành đào tạo phải có trong ngành, nghề đào tạo của Khoa, đủ tiêu chuẩn giảng dạy trình độ cao đẳng;
- Đã qua đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp;
- Đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Công Thương (nếu có);
- Có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học ít nhất 02 năm;
- Có đủ sức khỏe; bảo đảm độ tuổi để tham gia ít nhất một nhiệm kỳ Trưởng Khoa.

Trường hợp Trường chưa bổ nhiệm được Trưởng Khoa thì phụ trách Khoa phải có trình độ thạc sĩ trở lên, ngành được đào tạo phải có trong ngành, nghề đào tạo của Trường; đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Công Thương (nếu có) và được hưởng phụ cấp trách nhiệm của Trưởng theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

c) Trưởng Khoa có nhiệm kỳ 05 năm; Trưởng Khoa được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ và quản lý 01 (một) Khoa không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tiếp. Việc tiếp tục bổ nhiệm lại hoặc luân chuyển, điều động phải phù hợp với năng lực chuyên môn, năng lực quản lý và tình hình thực tế của nhà trường

3. Phó Trưởng Khoa

a) Phó Trưởng Khoa do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo quy định của Trường.

b) Khoa có tối đa 02 phó Trưởng Khoa.

c) Phó Trưởng Khoa giúp Trưởng Khoa trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của Khoa theo sự phân công của Trưởng Khoa.

d) Phó Trưởng Khoa phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ trở lên và ngành đào tạo phải có trong ngành nghề đào tạo của Khoa, đủ tiêu chuẩn giảng dạy trình độ cao đẳng;
- Đã qua đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp;
- Đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Công Thương (nếu có);
- Có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học ít nhất 02 năm;

- Có đủ sức khỏe; bảo đảm độ tuổi để tham gia ít nhất một nhiệm kỳ Phó Trưởng Khoa.

e) Phó Trưởng Khoa có nhiệm kỳ 05 năm; phó Trưởng Khoa được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ.

4. Trưởng Bộ môn

a) Trưởng Bộ môn do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức tổ quy định của Trường.

b) Trưởng Bộ môn giúp Trưởng Khoa trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của Bộ môn theo sự phân công của Trưởng Khoa.

c) Trưởng Bộ môn phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ trở lên và ngành đào tạo phải có trong ngành nghề đào tạo của Bộ môn, đủ tiêu chuẩn giảng dạy trình độ cao đẳng,
- Có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học ít nhất 02 năm;
- Có đủ sức khỏe; bảo đảm độ tuổi để tham gia ít nhất một nhiệm kỳ Trưởng Bộ môn.

Trường hợp Trưởng chưa bổ nhiệm được Trưởng Bộ môn thì phụ trách Bộ môn phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn để bổ nhiệm Trưởng Bộ môn và được hưởng phụ cấp trách nhiệm của Trưởng theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

d) Trưởng Bộ môn có nhiệm kỳ 05 năm, Trưởng Bộ môn được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ.....”

Điều 26. Khoa

1. Chức năng

Khoa là đơn vị trực thuộc Trường có chức năng tham mưu và giúp Hiệu trưởng về công tác thực hiện giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế và quản lý học sinh, viên.

2. Nhiệm vụ

a) Đề xuất chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp với năng lực của Khoa, tham gia công tác tuyển sinh nhằm đảm bảo chỉ tiêu, quy mô và nâng cao chất lượng tuyển sinh.

b) Thực hiện xây dựng chương trình đào tạo của từng ngành, nghề theo từng trình độ đào tạo thuộc Khoa mình quản lý hoặc do Hiệu trưởng giao; biên soạn chương trình môn học, mô-đun; rà soát, cập nhật, bổ sung chương trình đào tạo, xây dựng các đề án, biên soạn tài liệu giảng dạy, giáo trình đào tạo, tài liệu tham khảo; nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, sinh viên,

bảo đảm chuẩn đầu ra của học sinh, sinh viên theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động.

c) Thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học; tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào quá trình đào tạo.

d) Lập kế hoạch và tổ chức hội thảo khoa học cấp Khoa. Thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ sở đào tạo liên quan đến ngành nghề đào tạo và huy động doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo của Khoa.

e) Thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho giảng viên, nhân viên, học sinh, sinh viên. Đề xuất kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên, nhân viên. Thực hiện các hoạt động truyền thông và đối ngoại, phát triển mạng lưới cựu học sinh, sinh viên và quan hệ doanh nghiệp, nâng cao hình ảnh và vị thế của Khoa và của Trường, khai thác hiệu quả các nguồn lực phục vụ đào tạo và nghiên cứu.

g) Quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; đề xuất, xây dựng các kế hoạch bổ sung, bảo trì thiết bị đào tạo của Khoa.

h) Quản lý giảng viên, nhân viên và người học thuộc Khoa. Thực hiện đánh giá giảng viên, nhân viên trong Khoa và tham gia đánh giá viên chức quản lý.

Điều 27. Bộ môn trực thuộc Khoa

Bộ môn trực thuộc Khoa chức năng tham mưu và giúp Trường Khoa thực hiện nhiệm vụ của Khoa theo quy định tại Điều 26 và theo sự phân công của Trường Khoa”.

Qua các báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của Khoa Ngoại ngữ, có thể nhận thấy Khoa Ngoại ngữ đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo tại các minh chứng (***1.2.03 - Kế hoạch công tác năm Khoa Ngoại ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 1.2.04 - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của Khoa Ngoại ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 1.2.05 - Báo cáo tổng kết hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 1.2.06 - Các Quyết định công nhận danh hiệu thi đua của tập thể, cá nhân Khoa Ngoại ngữ từ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021***). Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Khoa Ngoại ngữ quản lý đào tạo ngành Tiếng Anh; căn cứ nội dung, số liệu trong các minh chứng, các thành tích chủ yếu của Khoa Ngoại ngữ 3 năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 như sau:

* Thành tích 3 năm:

Năm học 2018-2019:

- + Có 02 nhà giáo được khen thưởng trong năm học 2018-2019
- + Có 02 nhà giáo Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 14 nhà giáo Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2018-2019
- + Tập thể Lao động tiên tiến trong năm học 2018-2019

Năm học 2019-2020:

- + Có 04 nhà giáo Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 12 nhà giáo Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2019-2020
- + Tập thể Lao động tiên tiến trong năm học 2019-2020

Năm học 2020 -2021:

- + Có 16 nhà giáo Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2020-2021 (Theo Quyết định số 579/QĐ-CĐCT ngày 06 tháng 10 năm 2021).
- + Tập thể Lao động tiên tiến trong năm học 2020-2021 (Theo Quyết định số 579/QĐ-CĐCT ngày 06 tháng 10 năm 2021).

* Công tác nghiên cứu khoa học: Trong 3 năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 các nhà giáo Khoa Ngoại ngữ đã hoàn thành:

- Viết báo đăng trên Tạp chí Quốc tế: 1 bài
- Bài viết cho hội nghị, hội thảo cấp trường, Khoa: 62 bài.
- Giảng viên tham gia dạy giỏi cấp Trường: 7 giảng viên.
- Giảng viên tham gia dạy giỏi cấp Thành phố: 3 giảng viên.
- Giảng viên tham gia dạy giỏi cấp Quốc gia: 1 giảng viên (giải khuyến khích hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp toàn quốc năm 2021, giải Nhất cuộc thi thiết kế dạy học trực tuyến trong giáo dục nghề nghiệp toàn quốc năm 2021)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của CTĐT và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện CTĐT.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Định mức kinh tế kỹ thuật ngành Tiếng Anh của trường được xây dựng theo Thông tư số 14/2017/TT-BLĐTBXH; Thông tư số 07/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH để làm căn cứ xây dựng định mức chi tối thiểu cho một người học (***1.3.01 - Định mức kinh tế kỹ thuật ngành Tiếng Anh năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021***); từ đó Trường xây dựng và ban hành định mức chi tối thiểu cho một người học (***1.3.02 - Định mức chi tối thiểu cho một sinh viên năm 2019, 2020, 2021***). Trường khi xác định định mức chi tối thiểu cho một người học hàng năm có xác định rõ từng nội dung cụ thể theo khoản, mục; nội dung khoản thu phản ánh được số liệu năm trước chuyển sang, nội dung khoản chi phản ánh rõ các chỉ tiêu

sử dụng kinh phí cơ bản là: tiền lương, chi phí thường xuyên, trang thiết bị, dụng cụ thực hành nghề, mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ, nguyên vật liệu. Nguồn tài chính hàng năm tại Trường đều được sử dụng đúng mục đích, rõ ràng, công khai và được cơ quan chủ quản (Bộ Công Thương) thẩm tra phê duyệt theo từng năm (**1.3.03. Báo cáo tài chính năm 2019, 2020, 2021; 1.3.04 - Biên bản xét duyệt quyết toán và thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách các năm 2019, 2020, 2021**).

Qua nghiên cứu báo cáo tài chính của trường, và tổng hợp được các số liệu thu, chi đối với các lớp đào tạo ngành Tiếng Anh trình độ Cao đẳng trong 3 năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 như sau:

Định mức chi tối thiểu theo tính toán là:

Năm 2019: 6,997,000 đồng/ SV;

Năm 2020: 7,271,558 đồng/ SV

Năm 2021: 7,936,305 đồng/ SV

Thu, chi thực tế của ngành Tiếng Anh, trình độ Cao đẳng là:

Năm 2019: Tổng thu: 10,280,798,000 đồng; Tổng chi: 5,660,928,577 đồng; Trong đó mức chi cho mỗi HSSV là: 8,763,047 đồng;

Năm 2020: Tổng thu: 8,611,433,000 đồng; Tổng chi: 7,159,409,671 đồng; Trong đó mức chi cho mỗi HSSV là: 8,763,047 đồng;

Năm 2021: Tổng thu: 6,565,665,000 đồng; Tổng chi: 5,503,193,725 đồng; Trong đó mức chi cho mỗi HSSV là: 8,763,047 đồng.

(1.3.05. Bảng tổng hợp thu chi ngành tiếng Anh)

Như vậy, trong 3 năm 2019, 2020 và 2021, tổng số thu của ngành Tiếng Anh, trình độ Cao đẳng của Trường luôn lớn hơn tổng số chi và mức chi cho mỗi HSSV đều lớn hơn định mức chi tối thiểu. Trường đảm bảo mức chi thực tế cao hơn định mức chi mức tối thiểu cho một người học và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh, trình độ Cao đẳng.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 2 điểm

2.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Mở đầu

- Để đảm bảo chất lượng trong quá trình dạy và học, kế hoạch đào tạo ngành tiếng Anh được xây dựng và thực hiện nghiêm túc, phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn và nhu cầu của doanh nghiệp. Kế hoạch tuyển sinh được xây dựng dựa trên nhu cầu của thị trường lao động và triển khai đúng theo quy định. Với chất lượng đào tạo và công tác truyền thông hợp lý, kết quả tuyển sinh hàng năm đều đạt 100% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

- Kết quả tuyển sinh hàng năm của Nhà trường ở hầu hết các ngành nghề, trong đó có ngành tiếng Anh đạt trên 80%, có năm vượt chỉ tiêu là do các hoạt động tuyển sinh hợp lý, có chất lượng dạy và học trong các quá trình đào tạo các ngành nghề tốt. Nhà trường đã có chủ trương và thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo dạy nghề dài hạn tập trung, ngắn hạn; phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của các môn học ngành tiếng Anh.

- Công tác dạy và học ngành tiếng Anh được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Việc tuyển sinh đúng thủ tục, đúng quy chế. Nhà trường cũng đa dạng hoá hình thức tổ chức, chương trình đào tạo theo yêu cầu đào tạo gắn với việc làm, theo nhu cầu của người học, người sử dụng lao động và xã hội. Bên cạnh đó, Khoa Ngoại Ngữ luôn kết nối, phối hợp với các đơn vị sử dụng lao động để tạo cơ hội cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động.

*** Những điểm mạnh**

- Công tác tuyển sinh được thực hiện theo quy định của Bộ LĐ-TB&XH, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

- Trường có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định. Khoa Ngoại Ngữ có phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực ngôn ngữ với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học;

- Khoa Ngoại Ngữ phối hợp tốt với doanh nghiệp trong việc tổ chức, hướng dẫn, đánh giá việc người học thực tập tại các doanh nghiệp, phù hợp với chuyên ngành Tiếng Anh trong quá trình học;

- Nhà trường tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định, có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

- Hàng năm, nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, kết quả tuyển sinh ngành tiếng Anh luôn đạt chỉ tiêu. Kết quả tuyển sinh ngành tiếng Anh trình độ cao đẳng của Khoa Ngoại Ngữ năm 2019 là 219 sinh viên năm 2020 là 214 Sinh viên, năm 2021 là 217 Sinh viên.

- Các giảng viên trong khoa đều thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

- Trong công tác đào tạo ngành tiếng Anh, nhà trường đã thiết lập được mối liên hệ chặt chẽ với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhằm tạo điều kiện cho

100% sinh viên trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành đào tạo.

*** Những tồn tại**

- Trường cũng như Khoa luôn đối diện với các thách thức trong tuyển sinh cao đẳng nghề do tâm lý người học vẫn thích lựa chọn đào tạo đại học.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

- Thường xuyên nâng cao chất lượng chuyên môn cho đội ngũ giảng viên thông qua các buổi dự giờ, đánh giá chất lượng giảng dạy, tổ chức rút kinh nghiệm và đưa ra các kiến nghị nhằm cải thiện phương pháp giảng dạy, giúp người học tăng tính tích cực, năng động trong học tập và làm việc sau này. Ngoài ra, Khoa còn tổ chức các buổi hội thảo về chuyên môn, về đổi mới phương pháp giảng dạy cho giảng viên nhằm trau dồi, cập nhật các thông tin về chuyên môn giảng dạy và nâng cao các kỹ năng sử dụng các công cụ giảng dạy hiện đại. Đảm bảo 90% giảng viên áp dụng phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hoá người học một cách hiệu quả.

- Mở rộng hơn quan hệ giao lưu với các trường bạn và hợp tác quốc tế nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ, giáo viên nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

- Thực hiện tốt việc gắn kết đào tạo giữa doanh nghiệp và Nhà trường để đảm bảo thời lượng đào tạo tại doanh nghiệp theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	12
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	0

Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh – Trình độ Cao đẳng của Nhà trường có trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp với quy mô tuyển sinh/ năm là 200 chỉ tiêu (**1.1.16 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 195/2017/GCNĐKHH-TCDN ngày 28/06/2017 của Tổng cục Dạy nghề**).

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT - BLĐT BXH, ngày 02/3/2017, Thông tư số 07/2019/TT - BLĐT BXH ngày 07/3/2019, Thông tư 05/2021/TT-BLĐT BXH ngày 07/7/2021 Nhà trường đã xây dựng, ban hành quy chế tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021 (**2.1.01 - Quyết định số 70/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy 2020 Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 27/2/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 265/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy 2021 Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 27/2/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM**).

Trường căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh được cấp phép đào tạo và xây dựng Đề án tuyển sinh cao đẳng năm 2019, 2020, 2021 (**2.1.02 – Đề án tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021**): Năm 2020 đề án số 244/ĐATS - CDCT ngày 10/12/2019; năm 2021 đề án số 19/ĐATS-CDCT ngày 14/01/2021. Trong đó xác định rõ phương án, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu cụ thể từng ngành, nghề và ngành tiếng Anh trình độ cao đẳng có chỉ tiêu tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021 là 200 chỉ tiêu/ năm.

Căn cứ Đề án tuyển sinh từng năm, phòng Quản lý Đào tạo xây dựng, trình duyệt các kế hoạch tuyển sinh (**2.1.03 - Kế hoạch tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021**); thông báo tuyển sinh (**2.1.04 - Thông báo tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021**); thành lập Hội đồng tuyển sinh (HĐTS), Ban thư ký HĐTS, Ban tư vấn tuyển sinh, Ban truyền thông tuyển sinh (**2.1.05 - Các quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021; 2.1.06 - Các quyết định thành lập Ban thư ký hội đồng tuyển sinh, Ban tư vấn tuyển sinh, Ban truyền thông tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021**) và triển khai thực hiện (**2.1.07 - Biên bản họp xét tuyển của Hội đồng tuyển sinh 2020, 2021, 2022; 2.1.08 - Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển năm 2019, 2020, 2021: Quyết định số 268a/QĐ-CDCT ngày 25/8/2021**).

Căn cứ vào số lượng thí sinh trúng tuyển nhập học, Nhà trường biên chế các lớp ngành Tiếng Anh trình độ Cao đẳng (**2.1.09 - Quyết định biên chế các lớp và quyết định thí sinh đã trúng tuyển năm 2019, 2020, 2021**):

Quyết định số 537a/QĐ-CDCT ngày 30/9/2019: 219 sinh viên – 07 lớp (01 Lớp CLC)

Quyết định số 311a/QĐ-CDCT ngày 30/10/2020: 214 sinh viên- 07 lớp (01 Lớp CLC)

Quyết định số 269a/QĐ-CDCT ngày 25/8/2021: 217 sinh viên - 07 lớp (01 Lớp CLC)

Kết quả tuyển sinh hàng năm: Trường có báo cáo gửi Bộ Công Thương, Sở LĐTĐ&XH TP.HCM theo quy định (**2.1.10 - Báo cáo công tác tuyển sinh, tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021; 2.1.11 - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật trong việc quản lý, điều hành công tác tuyển sinh, quản lý đào tạo năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**); công khai trên website Trường <https://hitu.edu.vn/906-TRACUUTHONGTINDANGKY> (**2.1.12 - Ảnh chụp tra cứu kết quả tuyển sinh năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**).

Hồ sơ nhập học có các giấy tờ quy định: Học bạ; Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (Bằng tốt nghiệp THPT); Giấy khai sinh; Sơ yếu lý lịch, Giấy chứng nhận ưu tiên (**2.1.13 - Hồ sơ thí sinh trúng tuyển nhập học ngành Tiếng Anh năm 2019, 2020, 2021**).

Công tác tuyển sinh của Trường thực hiện theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Trường xây dựng đề án tuyển sinh hàng năm, tuyển sinh công khai, kết quả xét tuyển khách quan và không có khiếu nại. Về chuẩn đầu ra của ngành tiếng Anh được công bố trên trang website của Trường www.hitu.edu.vn (**1.1.10 – Địa chỉ website của Trường: www.hitu.edu.vn**) và tại các buổi sinh hoạt đầu khóa, sổ tay sinh viên (**2.1.14 – Sổ tay HSSV**).

Thông kê kết quả tuyển sinh của Khoa Ngoại Ngữ:

Năm	Chỉ tiêu theo GCN GDNN	Kết quả tuyển sinh đã thực hiện báo cáo	Tỷ lệ Kết quả tuyển sinh/ Chỉ tiêu theo GCN GDNN (%)
2019	200	219	111.2%
2020	200	214	109.3%
2021	200	217	109.3%

Như vậy, Trường đã thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng quy định và kết quả tuyển sinh ngành tiếng Anh đạt hơn 100% kế hoạch của Trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh – Trình độ Cao đẳng (**1.1.08 - Quyết định số 366/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Tiếng Anh năm 2019**) của Nhà trường có trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề

nghiệp (**1.1.16 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 195/2017/GCNĐKHĐ-TCDN ngày 28/06/2017 của Tổng cục Dạy nghề**).

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT - BLĐT BXH ngày 13/3/2017 quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, Nhà trường đã xây dựng ban hành Quy chế đào tạo của trường (**2.2.01 - Quyết định số 508/QĐ-CDCT ngày 5/9/2019 ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM**).

Căn cứ vào chương trình đào tạo ngành tiếng Anh, phòng Quản lý Đào tạo phối hợp với Khoa Ngoại Ngữ thực hiện lập kế hoạch đào tạo (**2.2.03 - Kế hoạch học tập và giảng dạy hàng năm của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**). Kế hoạch đào tạo thể hiện toàn bộ thời gian giảng dạy, học tập của chương trình đào tạo; xác định thời điểm bắt đầu và kết thúc của mỗi học kỳ, năm học, khóa học; thời gian, thời lượng đào tạo các môn học, mô-đun, tín chỉ của chương trình đào tạo; thời gian đào tạo lý thuyết, thực hành, thực tập doanh nghiệp; kế hoạch và tổ chức các hoạt động bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; thời gian thi hết môn học, mô-đun, thời gian nghỉ hè, lễ tết, khai giảng, bế giảng; thời gian học tập ngoại khóa.... Căn cứ vào kế hoạch đào tạo của Trường, phòng và khoa xây dựng tiến độ đào tạo (**2.2.04 - Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**); thời khóa biểu (**2.2.05 - Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên Khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**) và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Khi có kế hoạch đào tạo (KHĐT), thời khóa biểu học kỳ, giảng viên lập kế hoạch giảng dạy (**2.2.06 - Kế hoạch giảng dạy của giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**); soạn giáo án (**2.2.07 - Giáo án giảng dạy của giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**); lên lớp thực hiện ghi chép vào sổ lên lớp, sổ tay giảng viên (**2.2.08 - Sổ lên lớp của giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.09 - Sổ tay của giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**); Các hồ sơ sổ sách của giảng viên được khoa ký phê duyệt, kiểm tra trong từng học kỳ của năm học và nộp cho phòng Khảo thí và kiểm định chất lượng để kiểm tra. Mẫu biểu hồ sơ của trường, giảng viên theo quy định của Thông tư số 23/2018/TT- BLĐT BXH ngày 06/12/2018.

Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học thường xuyên như kiểm tra giáo viên dạy theo thời khóa biểu, giờ ra vào lớp. Việc kiểm tra, giám sát này có ghi nhận biên bản (**2.2.10 - Tập biên bản thanh kiểm tra về công tác đào tạo năm 2019, 2020, 2021**) và báo cáo theo quy định (**2.2.11 - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**). Bên cạnh đó, Trường và Khoa cũng thực

hiện giám sát chất lượng dạy và học qua việc dự giờ giảng viên và báo cáo kết quả theo học kỳ (**2.2.12** - *Kế hoạch dự giờ, Phiếu dự giờ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.13* - *Báo cáo kết quả dự giờ, đánh giá giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*). Trong năm học 2020 - 2021, 2021-2022, 2020-2021, tất cả giảng viên Khoa Ngoại Ngữ đã thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy của Nhà trường, đúng nội dung chương trình môn học; giảng viên khi lên lớp đều chuẩn bị đầy đủ hồ sơ giảng dạy cũng như việc tổ chức kiểm tra, đánh giá điểm quá trình đúng quy định; Hoàn thành tốt công tác giảng dạy trong năm học đúng tiến độ theo kế hoạch đào tạo. (**2.2.14** - *Báo cáo tổng kết năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 của Khoa Ngoại Ngữ, Phòng Khảo thí và kiểm định chất lượng*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khoa Ngoại Ngữ được giao nhiệm vụ thực hiện đào tạo ngành Tiếng Anh-chuyên ngành Thương mại - Trình độ Cao đẳng (**1.2.02** - *Quyết định số 25/QĐ-CĐCNII ngày 22/03/2007 về việc thành lập Khoa Ngoại Ngữ thuộc Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; 1.1.03* - *Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/2/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM*).

Chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh - Trình độ Cao đẳng được ban hành lần đầu năm 2017 khi chuyển đổi cơ quan quản lý sang Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; Trường thực hiện rà soát điều chỉnh năm 2019 và năm 2022 (**1.1.08** - *Quyết định số 366/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Tiếng Anh năm 2019*).

Trường, Khoa đã căn cứ vào chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh và các quy định liên quan xây dựng kế hoạch, tiến độ đào tạo ngành Tiếng Anh theo từng khóa học, năm học (**2.2.03** - *Kế hoạch học tập và giảng dạy hàng năm của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.04* - *Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.05* - *Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên Khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Giảng viên của khoa giảng dạy ngành Tiếng Anh trình độ Cao đẳng đã thực hiện giảng dạy theo phân công (**2.2.06 - Kế hoạch giảng dạy của giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**); áp dụng phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực sử dụng tiếng Anh với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học thể hiện qua hồ sơ giảng dạy của giáo viên (**2.2.07 - Giáo án giảng dạy của giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.08 - Sổ lên lớp của giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.09 - Sổ tay của giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**).

Năm 2021 TP. Hồ Chí Minh bị ảnh hưởng nặng trong dịch bệnh Covid - 19, các trường phải học online để đảm bảo tiến độ năm học. Thực hiện chủ trương chung, Nhà trường triển khai dạy học trực tuyến cho các ngành nghề Trường đang đào tạo (**2.3.01 – Thông báo số 87/TB - CĐCT ngày 07/5/2021 V/v dạy học online, phòng chống dịch Covid -19**): 100% giảng viên ngành, nghề của Trường và nói riêng giảng viên ngành Tiếng Anh đã biên soạn bài giảng điện tử để phục vụ giảng dạy trực tuyến.

Chương trình đào tạo ngành tiếng Anh năm 2019 cũng như năm 2022 đều có các môn học chung, môn học cơ sở, môn học chuyên sâu của ngành để trang bị cho người học không những kiến thức chuyên môn mà còn năng lực thực hành- cụ thể là năng lực sử dụng tiếng Anh trong đời sống cũng như trong công việc (**2.3.02 - Chương trình đào tạo ngành tiếng Anh năm 2019**). Các môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo đều chú trọng việc phát huy khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo cặp/ nhóm của người học: cụ thể là: trong mục đánh giá của các chương trình môn học đều thể hiện mục đánh giá sinh viên qua các hoạt động không chỉ theo cá nhân, theo cặp mà còn theo nhóm, thuyết trình (**2.3.03 - Chương trình môn học các môn chuyên ngành tiếng Anh theo CTĐT năm 2019**).

Các giảng viên Khoa Ngoại Ngữ luôn chú trọng việc áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy. Ngoài việc sử dụng giáo án điện tử cho 100% các môn chuyên ngành mà Khoa phụ trách (**2.3.04 - Giáo án điện tử các môn học chuyên ngữ**), các giảng viên còn sử dụng các file âm thanh, video để minh họa cho bài giảng ở một số môn như môn Nói, Nghe, Phiên dịch, Phiên dịch thương mại (**2.3.05 - File âm thanh, Video sử dụng trong giảng dạy môn các môn Nói, Nghe và Phiên dịch**). Bên cạnh đó, các phần mềm hỗ trợ việc giảng dạy như Audacity, Liveworksheet, Kahoot!, Quizlet, Quizziz.. luôn được dùng trong các môn học để các bài giảng sinh động và hiệu quả. (**2.3.06 - Hình chụp các bài tập, bài kiểm tra, trò chơi, .. được thiết kế sử dụng các phần mềm hỗ trợ giảng dạy**)

Thống kê các môn học mô đun của chương trình đào tạo có ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học:

Chương trình	Số MH/MĐ chuyên ngành (Tính cả các môn học tự chọn)	Số MH/MĐ ứng dụng CNTT	Tỷ lệ %
Chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh – năm 2019	32	29	90.6%

Trong đó có các Môn học, mô đun chuyên ngành ứng dụng công nghệ thông tin như:

*** Chương trình đào tạo năm 2019**

TT	Môn học, mô đun chuyên ngành	Các phần mềm hỗ trợ bài giảng
1	Nghe 1	Powerpoint, Canva, Zalo, Kahoot!, Quiziz, Audacity, Liveworksheet, edusoft.net
2	Nghe 2	Powerpoint, Canva, Zalo, Kahoot!, Quiziz, Audacity, Liveworksheet, edusoft.net
3	Đọc 1	Powerpoint, Zalo, Kahoot!, Quiziz, Liveworksheet, edusoft.net, McMix
4	Đọc 2	Powerpoint, Zalo, Kahoot!, Quiziz, Liveworksheet, edusoft.net, McMix
5	Viết 1	Powerpoint, Zalo, Kahoot!, Quizlet, McMix, edusoft.net
6	Viết 2	Powerpoint, Zalo, Kahoot!, Quizlet, edusoft.net, McMix
7	Nói 1	Powerpoint, Canva, SlidesGo, Zalo, Kahoot!, Quizlet, edusoft.net
8	Nói 2	Powerpoint, Canva, SlidesGo, Zalo, Kahoot!, Quizlet, edusoft.net
9	Phát âm	Powerpoint, Canva, SlidesGo, Zalo, Kahoot!, Quizlet, edusoft.net
10	Ngữ pháp	Powerpoint, Canva, SlidesGo, Zalo, Kahoot!, Quizlet, edusoft.net
11	Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh	Powerpoint, Zalo, Capcut, edusoft.net
12	Nghe thương mại	Powerpoint, Canva, Zalo, Kahoot!, Quiziz, Audacity, Liveworksheet, edusoft.net

TT	Môn học, mô đun chuyên ngành	Các phần mềm hỗ trợ bài giảng
13	Độc thương mại	Powerpoint, Zalo, Kahoot!, Quiziz, Liveworksheet, edusoft.net, McMix
14	Nói thương mại	Powerpoint, Canva, SlidesGo, Zalo, Kahoot!, Quizlet, edusoft.net, liveworksheet, audacity
15	Viết thương mại	Powerpoint, Canva, SlidesGo, Zalo, Kahoot!, Quizlet, edusoft.net, liveworksheet
16	Biên dịch	Powerpoint, Canva, SlidesGo, Zalo, Kahoot!, Quizlet, edusoft.net, liveworksheet
17	Phiên dịch	Powerpoint, Canva, Zalo, Kahoot!, Quiziz, Audacity, Liveworksheet, PMT-PMS
18	Biên dịch TM	Powerpoint, Canva, SlidesGo, Zalo, Kahoot!, Quiziz, PMT-PMS
19	Phiên dịch TM	Powerpoint, Canva, Zalo, Kahoot!, Quiziz, Audacity, Liveworksheet, PMT-PMS
20	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	Powerpoint, Canva, SlidesGo, Zalo, Kahoot!, Quizlet, edusoft.net, liveworksheet
21	Quản trị nhân sự (Tiếng Anh)	Powerpoint, Canva, SlidesGo, Zalo, Kahoot!, Quizlet, edusoft.net, liveworksheet
22	Tiếng Anh giao tiếp qua điện thoại	Powerpoint, Canva, SlidesGo, Zalo, Kahoot!, Quizlet, edusoft.net, liveworksheet, Audacity
23	Tiếng Anh chuyên ngành tài chính ngân hàng	Powerpoint, Canva, SlidesGo, Zalo, Kahoot!, Quizlet, edusoft.net, liveworksheet
24	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	Powerpoint, Canva, SlidesGo, Zalo, Kahoot!, Quizlet, edusoft.net, liveworksheet
25	Marketing căn bản	Powerpoint, Canva, SlidesGo, Zalo, Kahoot!, Quizlet, edusoft.net, liveworksheet
26	Quản trị bán hàng	Powerpoint, Canva, SlidesGo, Zalo, Kahoot!, Quizlet, edusoft.net, liveworksheet
27	Quản trị hành chính văn phòng	Powerpoint, Canva, SlidesGo, Zalo, Kahoot!, Quizlet, edusoft.net, liveworksheet

TT	Môn học, mô đun chuyên ngành	Các phần mềm hỗ trợ bài giảng
28	Thương mại điện tử	Powerpoint, Canva, SlidesGo, Zalo, Kahoot!, Quizlet, edusoft.net, liveworksheet
29	Giao dịch thương mại quốc tế	Powerpoint, Canva, SlidesGo, Zalo, Kahoot!, Quizlet, edusoft.net, liveworksheet

Bên cạnh đó, trường có Phần mềm quản lý đào tạo: Phần mềm hệ thống quản lý đào tạo (edusoft.net), được thực hiện theo hợp đồng số 004/HĐ/2019 ngày 22/01/2019 do công ty Anh Quân thiết kế và cung cấp.

Phần mềm được sử dụng có hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý thời khóa biểu dạy và học; giảng viên, Sinh viên có tài khoản vào truy cập và tra cứu được các thông tin về: tuyển sinh; thời khóa biểu; lịch thi, kiểm tra; tra cứu điểm hết môn, học phần; điểm đánh giá rèn luyện; kết quả công nhận tốt nghiệp (*2.3.07- Hợp đồng gói thầu: phần mềm quản lý đào tạo của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM với Công ty TNHH Công nghệ Anh Quân; 2.3.08 - Các ảnh chụp: website kết nối phần mềm Edusoft; truy cập và tra cứu được các thông tin về: tuyển sinh; thời khóa biểu; lịch thi, kiểm tra; tra cứu điểm hết môn, học phần; điểm đánh giá rèn luyện; kết quả công nhận tốt nghiệp*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường luôn coi trọng mối liên kết giữa cơ sở đào tạo và các đơn vị sử dụng lao động, luôn phối hợp tốt với đơn vị sử dụng lao động để tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành và thực tập tại doanh nghiệp. Đối với ngành tiếng Anh, các công ty như: Cty TNHH MTV TMDV Giao nhận và vận tải quốc tế HBT, Công ty TNHH phát triển nguồn nhân lực Tân Cảng STC, Công ty TNHH di truyền giống vật nuôi quốc tế Genesis, Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Việt Open, Công ty Cổ phần phát triển nông nghiệp Tây Bắc, đã ký biên bản ghi nhớ với Trường, nhận sinh viên của Trường tới học tập, thực hành, thực tập. (*2.4.01 - Biên bản ghi nhớ hợp tác với doanh nghiệp về việc cho sinh viên thực hành, thực tập tại các doanh nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Môn học Thực tập tốt nghiệp được khoa Ngoại Ngữ thực hiện hàng năm, đúng theo tiến độ đào tạo. Mỗi học kỳ, Khoa lên kế hoạch cho sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp, trong đó nêu rõ mục đích, yêu cầu của môn học; thời gian đi thực

tập cũng như các yêu cầu dành cho giảng viên hướng dẫn thực tập. **(2.4.02 – Kế hoạch cho học sinh sinh viên đi thực tập tại các đơn vị năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021)**. Sau khi có kết quả đăng ký môn học thực tập tốt nghiệp của sinh viên từ phòng Quản lý đào tạo, Khoa phân công cụ thể các giảng viên hướng dẫn và trình nhà Trường xét duyệt và ra quyết định **(2.4.03 - Các Quyết định về việc cử sinh viên đi thực hành, thực tập tại doanh nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.4.04 - Danh sách giảng viên hướng dẫn thực tập tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021)**; sinh viên thực tập theo chương trình môn học Thực tập tốt nghiệp **(2.4.05 – Chương trình môn học thực tập tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021)** và chọn đề tài theo thực tế tại công ty, doanh nghiệp, trung tâm mà sinh viên thực tập tốt nghiệp. Kết thúc thời gian thực tập sinh viên viết báo cáo thực tập và được đánh giá môn học **(2.4.06 - Báo cáo thực tập và hình ảnh của sinh viên thực tập tại doanh nghiệp năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.4.07 - Bảng điểm môn học thực tập tốt nghiệp của sinh viên năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021)**.

Bên cạnh đó, nhằm tạo điều kiện cho sinh viên tìm hiểu, làm quen với môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp, chương trình đào tạo ngành tiếng Anh có môn học Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp, được tổ chức ở học kỳ 2 hoặc học kỳ 3 của khoá học **(2.3.02 - Chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh năm 2019)**. Với mục tiêu gắn liền các hoạt động đào tạo với thực tiễn, Khoa Ngoại Ngữ phối hợp và liên kết chặt chẽ với các công ty, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất để tổ chức cho sinh viên đi tham quan thực tế tại doanh nghiệp **(2.4.08 - Kế hoạch cho sinh viên đi tham quan thực tế tại các doanh nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021)**. Thông qua hoạt động này, sinh viên có thể tìm hiểu cơ cấu tổ chức, các hoạt động thực tế tại các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sinh viên cũng có thể quan sát phong thái làm việc để định hình tác phong làm việc cho sinh viên. **(2.4.09 - Báo cáo tham quan thực tế tại doanh nghiệp sinh viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021)**; Trong các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, Khoa đã tổ chức cho sinh viên đi thực tế tại các doanh nghiệp như Công ty TNHH Ajinomoto Việt Nam, Công ty TNHH Yakult, công ty cổ phần kế toán Rồng Việt, ... tạo được mối quan hệ gắn kết tốt với các doanh nghiệp. **(2.2.14 - Báo cáo tổng kết hàng năm: Khoa Ngoại Ngữ, P.QLĐT, TTKT&KDCL)**.

Trường đào tạo theo phương thức tín chỉ, sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp khi đã hoàn thành tất cả các môn học, tích lũy đủ số tín chỉ trong chương trình đào tạo (Trong đó có các môn học Thực tập tốt nghiệp và chuyên đề tham quan thực tế tại doanh nghiệp). Điều này được quy định rõ trong Chương trình đào tạo ngành tiếng Anh. **(2.3.02- Chương trình đào tạo ngành tiếng Anh năm 2019)**. Như vậy, trong 3 năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, có 722 sinh viên ngành tiếng Anh tốt nghiệp và những sinh viên này có đi thực tập và tham quan thực tế tại doanh nghiệp trước khi tốt nghiệp, đạt tỉ lệ 100% **(2.4.10- Các Quyết định thành**

lập Hội đồng xét tốt nghiệp và các Quyết định công nhận tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.4.11 Danh sách sinh viên tốt nghiệp ngành Tiếng Anh năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ TT 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/3/2017, TT 04/2022 - BLĐT BXH ngày 30/3/2022 Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, Trường đã ban hành Quyết định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp, bao gồm:

Quyết định số 508/QĐ-CDCT ngày 5/9/2019 ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM: 4 chương, 27 điều. Quyết định số 654a/QĐ-CDCT ngày 15/5/2022 ban hành Quy định tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo tín chỉ: 4 chương, 28 điều. (***2.2.01 - Quyết định số 508/QĐ-CDCT ngày 5/9/2019 ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM;***).

Thực hiện quy chế kiểm tra, thi, Trường quy định Quy trình tổ chức thi kết thúc môn học (***2.5.01 - Quyết định số 705/QĐ-CDCT ngày 10/11/2021 ban hành Quy trình tổ chức thi kết thúc môn học Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM;***); Quy trình có lược đồ xác định trách nhiệm cụ thể các đơn vị: phòng QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL, các khoa theo quy định trình tự: Lập các quyết định của kỳ thi; Công tác chuẩn bị; Xếp lịch thi; Điều chỉnh lịch thi; Thông báo lịch thi chính thức; Thành lập Ban coi thi, Ban chấm thi; Thông báo lịch coi thi, Chuẩn bị hồ sơ phòng thi; Đề thi; Coi thi; Chấm thi, công bố kết quả.

Bên cạnh đó, Trường tổ chức thi, kiểm tra kết thúc môn có kế hoạch (***2.5.02 - Kế hoạch tổ chức thi, kiểm tra kết thúc môn năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021***), thành lập Hội đồng thi kết thúc môn, Ban coi thi, Ban chấm thi và trình Hiệu trưởng duyệt ban hành (***2.5.03 - Quyết định thành lập Hội đồng thi kết thúc môn năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.5.04 - Quyết định thành lập Ban coi thi, Ban chấm thi kết thúc môn năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021***). Việc tổ chức coi thi, chấm thi kết thúc môn học được các đơn vị có liên

quan thực hiện đúng theo quy chế kiểm tra, thi kết thúc môn học. Các môn thi có hình thức thi và thời gian thi đúng quy định ; có phân công hai giảng viên coi thi, chấm thi. **(2.5.05 - Danh sách người học dự thi có chữ ký của người học và cán bộ coi thi năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021)**; Các bài thi đều có cắt phách, do 02 giảng viên chấm thi, Trung tâm KT&ĐBCL có lưu trữ đầy đủ. **(2.5.06 - Bài thi lưu kết thúc môn (bản cứng) năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 tại Trung tâm Khảo thí và đảm bảo chất lượng; 2.5.07 - Phiếu chấm bài thi lưu kết thúc môn năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 tại Trung tâm Khảo thí và đảm bảo chất lượng)**. Điểm các môn học, môn đôn có công khai trên website Trường, sinh viên tra cứu được kết quả bằng tài khoản cá nhân **(2.5.08 - Bảng điểm Sinh viên các môn trong HK năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.5.09 - Ảnh tra cứu điểm trên website Trường)**.

Trong từng học kỳ, việc kiểm tra thường xuyên được các giảng viên Khoa Ngoại Ngữ thực hiện nghiêm túc, đảm bảo mỗi tín chỉ có ít nhất 01 bài đánh giá định kỳ. Điểm đánh giá thường xuyên được quy định rõ trong phần đánh giá của các chương trình môn học, được thông báo cho sinh viên vào buổi đầu tiên của môn học. **(2.3.03. Chương trình môn học của các môn học chuyên ngành Tiếng Anh theo CTĐT năm 2019)**. Điểm đánh giá thường xuyên được các giảng viên thực hiện đúng, đủ theo quy định và đảm bảo công bằng cho sinh viên trong lớp. Điểm cũng được công khai cho sinh viên vào buổi học cuối cùng của môn học và nộp về Khoa để lưu trữ cũng như lưu trong hồ sơ sổ sách của giảng viên. **(2.5.10. Bảng điểm đánh giá thường xuyên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021)**

Trong mọi công tác nói chung và công tác tổ chức thi-kiểm tra nói riêng, nhà trường luôn tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ. **(2.5.11 - Kế hoạch thanh tra đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.11 – Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021)**. Việc ra đề thi, coi thi, chấm thi cũng được kiểm tra và giám sát đầy đủ, đảm bảo tính nghiêm túc, chính xác và minh bạch trong các công tác này. **(2.5.12. Báo cáo thanh tra thi kết thúc môn học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021)**

Về đánh giá điểm rèn luyện: Căn cứ thông tư 17/2017/TT-BLĐTĐ ngày 30/6/2017 Trường xây dựng và ban hành Quy chế học sinh sinh viên, trong đó có quy định nội dung về đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh sinh viên **(2.5.13 – Quyết định số 520/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 V/v ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Công thương thành phố Hồ Chí Minh; 2.5.14 - Bản cứng và mẫu phiếu tự đánh giá rèn luyện năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 trực tuyến)**. Các cố vấn học tập thực hiện đúng quy trình đánh giá điểm rèn luyện theo quy định, và đánh giá điểm rèn luyện cho sinh viên đầy đủ, đảm bảo công bằng và có tính khích lệ. Điểm rèn luyện được đánh giá online và sinh viên có thể xem kết quả trên Website, theo tài khoản cá nhân của sinh viên. **(2.5.15. Ảnh tra cứu điểm rèn luyện trên website của Trường)**.

Về xét và công nhận tốt nghiệp: Văn bằng, chứng chỉ Trường sử dụng cấp cho khoá sinh viên tuyển sinh từ năm 2017 thực hiện đúng theo hướng dẫn Thông tư 10/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/03/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, huỷ bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng của Bộ LĐTBXH. Hiệu trưởng có ban hành quyết định phê duyệt mẫu phôi bằng và báo cáo mẫu phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng với Tổng cục GDNN, Sở LĐTBXH TP.HCM, Công an TP.HCM (**2.5.16 - Quyết định số 507/QĐ-CDCT ngày 5/9/2019 về việc ban hành Quy chế in, quản lý, cấp phát, thu hồi, huỷ bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; 2.5.17 - Quyết định số 374a/QĐ-CDCT về việc phê duyệt mẫu phôi bằng trung cấp, cao đẳng ban hành ngày 14/8/2019 của Hiệu trưởng Trường**).

Trường tổ chức xét công nhận tốt nghiệp từ 1 đến 2 đợt trong năm cho sinh viên đã tích lũy đủ tín chỉ các môn học, môn đun theo quy định của chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh; kết quả công nhận tốt nghiệp, không công nhận kết quả tốt nghiệp được công khai cho sinh viên biết (**2.4.10 - Các quyết định thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.5.18 - Các biên bản họp Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp, công nhận kết quả học tập năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; Bảng thống kê về kết quả tốt nghiệp các khóa năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.5.19 - Quyết định công nhận tốt nghiệp 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**).

Trường đã thực hiện các thủ tục in bằng và tổ chức cấp, phát bằng cho người học đã tốt nghiệp theo quy định. Thông tin người học được lưu trong sổ quản lý học sinh và sổ cấp Bằng tốt nghiệp do phòng Đào tạo quản lý và lưu trữ. Các văn bản và hồ sơ cấp phát văn bằng, chứng chỉ được quản lý chặt chẽ, đúng quy định, được định kỳ kiểm tra rà soát của đơn vị chuyên môn. Báo cáo công tác quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ, cho thấy đến nay chưa có khiếu nại, thắc mắc về việc cấp phát văn bằng chứng chỉ của Trường. (**2.2.14 - Báo cáo tổng kết hàng năm: Khoa Ngoại Ngữ, P.QLĐT, TTKT&KĐCL**). Bên cạnh đó, bộ phận quản lý văn bằng (Phòng QLĐT) có trách nhiệm thực hiện in văn bằng tốt nghiệp đúng mẫu quy định và cấp phát cho sinh viên sau khi có quyết định công nhận tốt nghiệp; tổ chức cấp văn bằng tốt nghiệp bản chính cho sinh viên, có cấp bản sao bằng TN từ sổ gốc; nội dung thông tin sinh viên, kết quả tốt nghiệp, chữ ký người nhận có đầy đủ trong sổ cấp bằng tốt nghiệp theo quy định (**2.5.20 - Sổ cấp bằng TN các trình độ (bản chính); Sổ cấp bằng TN (bản sao)**).

Tất cả các công tác về tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng tại Trường đều được kiểm tra, giám sát từ nhiều cấp để đánh giá, cải thiện. Trường báo cáo đánh giá công tác tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, cấp phát văn bằng tốt nghiệp, cho thấy các phòng khoa thực hiện nghiêm túc đúng quy định (**1.2.05. Báo cáo tổng kết hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau**

của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021) và báo cáo Sở LĐTĐ TP.HCM đúng thời hạn 15 ngày kể từ ngày hủy phôi bằng, báo cáo công tác cấp văn bằng, chứng chỉ cho Sở LĐTĐ TP.HCM đúng quy định (**2.5.21 - Báo cáo Sở LĐTĐ công tác cấp văn bằng/chứng chỉ hàng năm và báo cáo các trường hợp sai hỏng**; **2.5.22 - Biên bản kiểm tra và hủy phôi văn bằng, chứng chỉ bị sai hỏng**). Bên cạnh đó, hàng năm, Trung tâm KT&ĐBCL kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện công tác đánh giá rèn luyện của sinh viên, cấp văn bằng, chứng chỉ; tổ chức họp để đánh giá, rút kinh nghiệm cụ thể (**2.5.23 – Biên bản kết luận thanh kiểm tra, giám sát công tác tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ hàng năm**). Và cuối cùng, ở cấp Khoa, Khoa Ngoại ngữ cũng có những báo cáo tổng kết nhận xét đánh giá về công tác khảo thí, đánh giá điểm rèn luyện, công tác ra đề thi. Báo cáo cho thấy việc ra đề thi, coi thi, đánh giá điểm rèn luyện của các giảng viên và cố vấn học tập trong Khoa đều diễn ra nghiêm túc và minh bạch. (**2.2.14 - Báo cáo tổng kết hàng năm: Khoa Ngoại Ngữ, P.QLĐT, TTKT&KĐCL**).

- Quản lý hồ sơ người học: Hồ sơ học sinh được trường thực hiện theo Quy chế tuyển sinh. Hồ sơ học sinh đã lưu trữ đầy đủ theo quy định tại phòng Công tác - Học sinh sinh viên: Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời; bản sao hợp lệ học bạ; bản sao hợp lệ giấy khai sinh; giấy báo trúng tuyển; Giấy chứng nhận ưu tiên theo quy định (**2.1.13 - Hồ sơ thí sinh trúng tuyển nhập học ngành Tiếng Anh năm 2019, 2020, 2021**); Nhập thông tin lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đối với công tác giảng dạy, như đã đề cập ở tiêu chuẩn 2, Trường có kế hoạch học tập và giảng dạy cho từng năm học (**2.2.03 - Kế hoạch học tập và giảng dạy hàng năm của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**). Dựa trên kế hoạch chung và chương trình đào tạo ngành tiếng Anh, Khoa Ngoại Ngữ đã lên tiến độ đào tạo cho từng học kỳ (**2.2.04 - Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**), và phối hợp với phòng đào tạo để phân lớp cho từng giảng viên (**2.2.05 - Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên Khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**). Dựa trên kế hoạch, tiến độ và thời khóa biểu của giảng viên, Trường tổ chức thanh kiểm tra thường xuyên: kiểm tra các hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của HS- SV trên lớp/ xưởng thực hành; Thanh tra, kiểm tra thi kết thúc môn học: Việc xét điều

kiện dự thi kết thúc học phần; Tổ chức thi kết thúc học phần; Công tác chấm điểm, vào điểm kiểm tra; Kiểm tra hồ sơ sổ sách của giảng viên: Kiểm tra hoạt động dự giờ, thao giảng ở khoa thường xuyên, đột xuất (**1.3.06 – Kế hoạch thanh tra đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.12 - Kế hoạch dự giờ, Phiếu dự giờ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**). Trong quá trình kiểm tra, giám sát có biên bản ghi nhận sai sót về việc thực hiện thời khóa biểu, giờ lên lớp của giảng viên; báo cáo hàng năm của Trung tâm Khảo thí và ĐBCL đánh giá mặt mạnh, mặt hạn chế quá trình thực hiện của Giảng viên, từ đó yêu cầu khắc phục những sai phạm, nhược điểm (nếu có) (**1.3.08 – Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**).

Đối với chương trình đào tạo và chương trình môn học, Trường tổ chức rà soát và chỉnh sửa theo định kỳ, để đảm bảo chương trình đào tạo cập nhật những yêu cầu mới nhất của doanh nghiệp. Chương trình đào tạo ngành tiếng Anh được rà soát, sửa đổi và ban hành năm 2019 (**1.1.05 - KH 454a- Kế hoạch điều chỉnh CTĐT Cao đẳng theo hệ thống Giáo dục Nghề Nghiệp; 1.1.09 - QĐ số 144a/QĐ-CDCT ngày 18/04/ 2022 ban hành CTĐT ngành Tiếng Anh năm 2022**). Trong năm học 2020-2021, Trường và Khoa tiếp tục rà soát toàn bộ chương trình môn học trong CTĐT ngành tiếng Anh năm 2021 để đảm bảo mục tiêu của các chương trình môn học đảm bảo mục tiêu của CTĐT. (**2.6.01 - Thông báo số 135/TB-CDCT ngày 19/05/2021 về việc rà soát chương trình môn học theo quy chế đào tạo năm 2021**). Sau khi thực hiện rà soát, Khoa đã thực hiện một số điều chỉnh trong CTMH để đảm bảo các hình thức đánh giá quá trình đa dạng hơn và số lượng các bài kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ đáp ứng được quy định trong quy chế đào tạo (**2.6.02 - Các phụ lục về việc điều chỉnh chương trình môn học**). Bên cạnh đó, Khoa cũng thực hiện thay đổi giáo trình giảng dạy các môn Đọc 1 và Đọc 2 để cập nhật giáo trình mới hơn (**2.6.03 - Phụ lục về điều chỉnh chương trình: Phụ lục 4 - Môn đọc 1 và Phụ lục 5 - Môn đọc 2**).

Đối với công tác khảo thí, ban chỉ đạo Tổ kiểm tra, giám sát nội bộ do Trường thành lập hàng năm có báo cáo Hiệu trưởng kết quả cụ thể về công tác quản lý đào tạo thực hiện theo quy định, tổ chức công tác tổ chức thi, kiểm tra nghiêm túc (**2.1.11 – Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật trong việc quản lý, điều hành công tác tuyển sinh, quản lý đào tạo năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**). Qua báo cáo có đề xuất phòng QLĐT nghiên cứu điều chỉnh, đề nghị Giảng viên phải khắc phục sai sót, thực hiện nghiêm túc hơn, đồng thời kiến nghị Ban thường trực Hội đồng Thi đua-Khen thưởng xem xét và đánh giá kết quả các trường hợp giảng viên có sai phạm. Các đề xuất khắc phục sau kiểm tra được giảng viên, phòng, khoa thực hiện nghiêm túc và kết quả thể hiện tại kết quả xét thi đua, khen thưởng (**2.2.14 - Báo cáo tổng kết Khoa Ngoại Ngữ, Trung tâm KT&ĐBCL; 2.5.11. Báo cáo thanh tra thi kết thúc môn học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**). Điểm thi từng học kỳ của sinh viên được

nhập và lưu trữ đầy đủ, bảo đảm khách quan, dễ dàng trong việc kiểm tra, đối chiếu: bản chính tại Phòng Quản lý đào tạo, bản sao tại các Khoa, bản scan trong máy tính, và điểm nhập trong phần mềm Edusoft được thực hiện theo đúng quy định (**1.3.08** - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; **2.2.14** - Báo cáo tổng kết Khoa Ngoại Ngữ, phòng QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL, phòng Công tác HSSV).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động (**1.1.03** - Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM). Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường quy định công tác tổ chức đào tạo liên thông, giao nhiệm vụ cho Phòng Đào tạo thường xuyên đảm nhận. Tại Điều 29: Tham mưu giúp Hiệu trưởng xây dựng phương hướng, mục tiêu, quy mô phát triển, cơ cấu ngành nghề, phương thức liên kết đào tạo và quản lý đào tạo hệ không chính quy, hệ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, đại học, cao học.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ Cao đẳng có ngành Tiếng Anh (**1.1.16** - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 195/2017/GCNDKHHĐ-TCDN ngày 28/06/2017 của Tổng cục Dạy nghề).

Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao Động – Thương Binh và Xã Hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp, Trường đã ban hành quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp; quy định công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập các môn học của sinh viên đang học liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng hệ chính quy (**2.7.01** - Quyết định số 521/QĐ-CDCT ngày 9/9/2019 ban hành Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục ngành nghiệp của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM): Quy định có 10 Điều; Trong đó Điều 6 quy định Thời gian đào tạo liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng 1 năm đến 1,5 năm; Điều 7 Chương trình đào tạo liên thông và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập của các sinh viên đang học liên thông.

Tuy nhiên, do nhu cầu học liên thông ngành Tiếng Anh rất ít, nên Trường không tổ chức đào tạo liên thông ngành này từ trình độ trung cấp lên Cao đẳng. Thay vào đó, Trường liên kết với một số trường Đại học trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh để đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học ngành Ngôn Ngữ Anh.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 0 điểm

2.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

Mở đầu

Để thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, đội ngũ cán bộ, nhà giáo giảng dạy ngành Tiếng Anh không ngừng được nâng cao trình độ và chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo đáp ứng các quy định của Trường cao đẳng và tiến tới đáp ứng các tiêu chuẩn của Trường chất lượng cao vào năm 2025.

**** Những điểm mạnh***

- Cán bộ quản lý ngành Tiếng Anh đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ. Các cán bộ quản lý luôn có ý thức học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt.

- Đội ngũ nhà giáo giảng dạy ngành Tiếng Anh: Đáp ứng được yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; Bên cạnh đó, nhà trường luôn có chính sách đào tạo bồi dưỡng cán bộ: hỗ trợ cả về thời gian và kinh phí cho cán bộ đi học tập bồi dưỡng chuyên môn ở trong và ngoài nước; Được đảm bảo quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Trường.

- Nhà trường có số lượng nhân viên có nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mà nhà trường đề ra theo quy định về biên chế và hoạt động cụ thể của từng bộ phận trong trường, đáp ứng hầu hết các nhiệm vụ của nhà trường.

100% giảng viên cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định;

100% cán bộ quản lý, nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

**** Những tồn tại***

- Số lượng cán bộ, giảng viên được cử đi học tập nâng cao trình độ ở nước ngoài không nhiều.

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng***

- Tăng cường công tác đào tạo nhà giáo trẻ, ưu tiên đào tạo nâng cao trong nước và nước ngoài.

- Hỗ trợ hơn nữa cho cán bộ, giảng viên nâng cao trình độ nghiệp vụ, sư phạm, tin học và ngoại ngữ bằng các chính sách phù hợp với một trường công lập.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	16
Tiêu chuẩn 1	2

Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua hồ sơ nhà giáo giảng dạy ngành Tiếng Anh trình độ cao đẳng của Trường được lưu tại phòng TCHC (tính đến tháng 11 năm 2021), Khoa Ngoại Ngữ hiện có 15 giảng viên. Các giảng viên đều có bằng tốt nghiệp chính quy từ đại học trở lên, có đầy đủ các chứng chỉ Ngoại Ngữ và Tin học ứng dụng cơ bản, chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm (**3.1.01 - Danh sách trích ngang giảng viên Khoa Ngoại Ngữ; 3.1.02 - Hồ sơ viên chức Khoa Ngoại Ngữ lưu bản cứng tại phòng Tổ chức hành chính**).

* Thống kê các chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của các giáo viên cơ hữu dạy nghề Tiếng Anh cụ thể như sau: (*Đối với nghề Tiếng Anh chưa tổ chức thi đánh giá kỹ năng nghề.*)

TT	TÊN MỤC	NĂM 2018 - 2019	NĂM 2019 - 2020	NĂM 2020 - 2021
		15 nhà giáo	16 nhà giáo	16 nhà giáo
1	Trình độ chuyên môn cao nhất	* 12 Thạc sĩ * 03 Cử nhân đại học	* 13 Thạc sĩ * 03 Cử nhân đại học	* 13 Thạc sĩ * 03 Cử nhân đại học
2	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	* 04 tốt nghiệp đại học sư phạm * 11 NVSP dành cho GV ĐH, CĐ. * 15 NVSP dạy nghề trình độ Cao đẳng, trung cấp.	* 04 tốt nghiệp đại học sư phạm * 12 NVSP dành cho GV ĐH, CĐ.	* 04 tốt nghiệp đại học sư phạm * 12 NVSP dành cho GV ĐH, CĐ.
3	Trình độ tin học	* 15 UDCNTTCB	* 16 UDCNTTCB	* 16 UDCNTTCB

TT	TÊN MỤC	NĂM 2018 - 2019	NĂM 2019 - 2020	NĂM 2020 - 2021
		15 nhà giáo	16 nhà giáo	16 nhà giáo
4	Trình độ ngoại ngữ	* 12 Thạc sĩ Tiếng Anh * 03 Cử nhân đại học Tiếng Anh	* 13 Thạc sĩ tiếng Anh * 03 Cử nhân đại học Tiếng Anh	* 13 Thạc sĩ Tiếng Anh * 03 Cử nhân đại học Tiếng Anh

Bên cạnh đó, với giảng viên giảng dạy môn chung và giảng viên thỉnh giảng dạy ngành Tiếng Anh (**3.1.03 - Danh sách trích ngang giảng viên dạy các môn học chung; 3.1.04 - Danh sách giảng viên thỉnh giảng**): 100% giảng viên cũng đáp ứng quy định về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

Hàng năm, Nhà trường thực hiện công tác báo cáo đánh giá chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh. Kiểm tra kết quả trong báo cáo hàng năm thì 100% nhà giáo dạy ngành Tiếng Anh đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ (**3.1.05 - Báo cáo kết quả đánh giá trình độ giảng viên Khoa Ngoại Ngữ cho các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**), cụ thể:

Năm học 2018-2019: có 15/15 nhà giáo đạt chuẩn loại A, không có nhà giáo không đạt chuẩn

Năm học 2019-2020: có 15/15 nhà giáo đạt chuẩn loại A, không có nhà giáo không đạt chuẩn (01 nhà giáo du học tại Hàn Quốc nên không xét).

Năm học 2020-2021: có 16/16 nhà giáo đạt chuẩn loại A, không có nhà giáo không đạt chuẩn.

Căn cứ vào Thông tư 21/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ LĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, nhận thấy 100% nhà giáo giảng dạy ngành Tiếng Anh đạt chuẩn theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Hàng năm 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua thực hiện việc kiểm tra, lưu giữ hồ sơ cá nhân và danh sách trích ngang nhà giáo đang giảng dạy chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh do P. TCHC phụ trách nhận thấy Trường có đủ 100% hồ sơ quản lý nhà giáo dạy ngành Tiếng Anh (Bao gồm nhà giáo giảng dạy môn chung, nhà giáo giảng dạy môn chuyên môn và

nhà giáo thỉnh giảng) (**3.1.01** - *Danh sách trích ngang giảng viên Khoa Ngoại Ngữ; 3.1.02* - *Hồ sơ viên chức Khoa Ngoại Ngữ; 3.1.03* - *Danh sách trích ngang các giảng viên dạy các môn học chung; 3.1.04* - *Danh sách giảng viên thỉnh giảng*); danh sách trích ngang nhà giáo đang giảng dạy chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh có đầy thông tin họ và tên trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; ngoại ngữ; tin học.

Căn cứ Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH quy định về chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Trường đã xây dựng và ban hành quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và đánh giá, phân loại nhà giáo hàng năm và ban hành quy định về chế độ làm việc cụ thể của giảng viên cơ hữu và giảng viên kiêm nhiệm. (**3.2.01** - *Quyết định số 505/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên; 3.2.02* - *Quyết định số 504/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường CĐ Công Thương TP.HCM*).

Qua kiểm tra hồ sơ giảng dạy: Nhà giáo giảng dạy (Bao gồm nhà giáo giảng dạy môn chung, nhà giáo giảng dạy môn chuyên môn và nhà giáo thỉnh giảng) tuân thủ các quy định khi lên lớp như: Có hồ sơ giảng dạy đầy đủ, bao gồm: Giáo án đã được khoa, tổ bộ môn thông qua, giáo trình, đề cương chi tiết bài giảng, thiết bị đã được chuẩn bị, sổ lên lớp, ... và tất cả nhà giáo đều thực hiện giảng dạy đúng theo thời khóa biểu (**2.2.05** - *Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên Khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.06* *Kế hoạch giảng dạy của giảng viên Khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.07* - *Giáo án giảng dạy của giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.08* - *Sổ lên lớp của giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.12* - *Kế hoạch dự giờ, Phiếu dự giờ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.13* - *Báo cáo kết quả dự giờ, đánh giá giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.14* - *Báo cáo tổng kết phòng QLĐT, Khoa Ngoại Ngữ các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Ngoài việc giảng dạy, nhà giáo tham gia đầy đủ việc thực tập tại doanh nghiệp; Nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ; tham gia hội thi, hội giảng... (**3.2.03** - *Các quyết định cử đi học tập nâng cao trình độ, thực tập tại doanh nghiệp của giảng viên ngành Tiếng Anh năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 3.2.04* - *Danh sách giảng viên Khoa Ngoại Ngữ nâng cao nghiệp vụ chuyên môn; 3.2.05* - *Kỷ yếu hội thảo cấp Khoa các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 3.2.06* - *Bảng tính khối lượng các hoạt động NCKH năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 3.2.07* - *Quyết định về việc công nhận giảng viên dạy giỏi cấp Trường năm 2020*).

Căn cứ vào các quy định này, sau mỗi năm học từng giảng viên đều tự thực hiện Phiếu đánh giá và có ý kiến phê duyệt của cấp quản lý trực tiếp. Sau đó Hội đồng Trường thực hiện việc đánh giá và phân loại nhà giáo ngành Tiếng Anh cho từng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021.

Qua kết quả phân loại thi đua của nhà giáo giảng dạy ngành Tiếng Anh trong 3 năm qua cho thấy 100% nhà giáo giảng dạy ngành Tiếng Anh đều hoàn thành nhiệm vụ do nhà Trường giao (**3.2.08 - Hồ sơ đánh giá và phân loại nhà giáo ngành Tiếng Anh năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 3.2.09 – Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, phân loại viên chức và công nhận danh hiệu thi đua của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.14 - Báo cáo tổng kết hàng năm Khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**). Cụ thể:

Năm học 2018- 2019: 15/15 nhà giáo xếp loại

Năm học 2019- 2020: 02/16 nhà giáo xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 14/16 nhà giáo xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ;

Năm học 2020-2021: 0/15 nhà giáo xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 15/15 nhà giáo xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ;.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Tiếng Anh ban hành năm 2019 có tổng số 36 môn học, mô đun, trong đó có 7 môn học chung (tách ra có 22 môn học), 33 môn học mô đun cơ sở ngành và chuyên môn; (**2.3.02 - Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Tiếng Anh sử dụng từ năm học 2019-2021; 1.1.08 - Quyết định số 366/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Tiếng Anh năm 2019;**).

Căn cứ thông tư 07/2017/TT-BLĐTĐ quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Trường đã ban hành quy định về chế độ làm việc cụ thể của giảng viên cơ hữu và giảng viên kiêm nhiệm (**3.2.02 - Quyết định số 504/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường CD Công Thương TP.HCM**).

Hàng năm Khoa Ngoại Ngữ đều có kế hoạch phân công giảng dạy cho mỗi giảng viên tương ứng với mỗi môn học; tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo đều có đủ nhà giáo đứng lớp (**2.2.06 - Kế hoạch giảng dạy của giảng viên Khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**).

Trong mỗi năm học, tất cả SV đều được Khoa xếp lớp đảm bảo tỉ lệ số người học/ lớp theo đúng quy định; lớp lý thuyết không quá 35 SV (**2.2.08 - Các Sổ lên lớp**). Mỗi lớp đều được phân công giáo viên giảng dạy, có kế hoạch tiến độ học tập theo đúng tiêu chuẩn quy định (**3.3.01 – Danh sách Sinh viên các lớp Khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 3.1.01 - Danh sách trích ngang giảng viên khoa Ngoại Ngữ**).

Bảng thống kê số lượng sinh viên các năm

Năm thứ	Năm học		
	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Năm 1	217 (K45)	215 (K43)	214 (K44)
Năm 2	214 (K44)	217 (K42)	215 (K43)
Năm 3	215 (K43)	220 (K41)	217 (K42)
Tổng	646	652	646

Năm học	Số lượng sinh viên
2018-2019	646
2019-2020	652
2020-2021	646
Tổng	1944

Bảng thống kê số lượng giảng viên

Giảng viên	Năm học		
	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Cơ hữu	27.5	28	27.5
Thỉnh giảng	3	3	3
Tổng	30.5	31	30.5

Bảng tỉ lệ sinh viên/ Giảng viên các năm

Sinh viên	Năm học		
	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Số sinh viên	646	646	646

Số giảng Viên	30.5	31	30.5
Tỉ lệ	21.18 SV/ GV	21.03 SV/ GV	21.18 SV/ GV

Tỷ lệ số sinh viên/ giảng viên trong quy định cho phép, các giảng viên có số giờ giảng trong chuẩn cho phép các năm 2019, 2020, 2021.

Hàng năm, vào giữa năm học và cuối năm học, Khoa đều có thống kê giờ giảng. (**3.3.02 - Thống kê giờ giảng hàng năm của nhà giáo Khoa Ngoại Ngữ năm 2019, 2020, 2021**). Tất cả giảng viên đều được thanh toán đầy đủ, tuân thủ theo đúng quy định của Bộ LĐTBXH (**3.3.03 - Bảng thanh toán lương hàng năm của giảng viên Khoa Ngoại Ngữ năm 2019, 2020, 2021; 3.3.04 - Bảng thanh toán vượt giờ của giảng viên Khoa Ngoại Ngữ năm 2019, 2020, 2021; 3.3.05 - Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khoa Ngoại Ngữ có 16 cán bộ giảng viên cơ hữu gồm 15 giảng viên cơ hữu và 01 thư ký Khoa (**3.1.01 - Danh sách trích ngang giảng viên Khoa Ngoại Ngữ**). Giảng viên đều phụ trách giảng dạy các môn chuyên ngành. Công tác nghiên cứu khoa học (NCKH) được tất cả giảng viên trong Khoa Ngoại Ngữ chú trọng và trực tiếp tham gia thực hiện; giảng viên tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi đã đạt đạt giải cấp trường, cấp thành phố, cấp Quốc gia.

Trong Quy chế chi tiêu nội bộ các năm đều có quy định về công tác NCKH, viết báo khoa học đăng trên các tạp chí, GV dạy giỏi cũng như các chính sách khuyến khích các hoạt động NCKH... nên ngày càng thu hút nhiều giảng viên cơ hữu tham gia. (**3.4.01 - Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021**). Trong đó tại điều 13 mục 8 quy định về công tác nghiên cứu khoa học và viết bài khoa học, các hạng mục chi cho công tác nghiên cứu khoa học cụ thể như sau:

Đề tài nghiên cứu:

- Cấp nhà nước: 300 giờ chuẩn/ đề tài.
- Dự án sản xuất thực nghiệm: 250 giờ chuẩn/ dự án.
- Cấp tỉnh, thành phố: 200 giờ chuẩn/ đề tài.
- Cấp Trường: 70 giờ chuẩn/ đề tài.

Viết bài báo khoa học đăng trên các báo, tạp chí quốc tế:

- Bài viết đăng trên tạp chí quốc tế chuyên ngành có chỉ số SCI: 500 giờ chuẩn/bài,
- Bài viết đăng trên tạp chí quốc tế chuyên ngành có chỉ số SCIE: 160 giờ chuẩn/bài.
- Bài viết đăng trên tạp chí quốc tế chuyên ngành có chỉ số ISSN: 120 giờ chuẩn/bài.
- Bài viết đăng trên sách quốc tế có chỉ số ISI: 600 giờ chuẩn/bài.
- Bài viết đăng trên sách quốc tế có chỉ số ISSN: 400 giờ chuẩn/bài
- Bài viết đăng trên các báo, tạp chí trong nước: được tính điểm của hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước: 0,25 điểm được tính 25 giờ chuẩn, 0,5 điểm được tính 50 giờ chuẩn, 0,75 điểm được tính 5 giờ chuẩn, 1 điểm được tính 100 giờ chuẩn.

Giáo viên dạy giỏi

- Cấp trường: Giải nhất 40 giờ chuẩn; Giải nhì 30 giờ chuẩn; Giải ba 20 giờ chuẩn; Giải khuyến khích 10 giờ chuẩn.
- Cấp tỉnh, thành phố: Giải nhất 70 giờ chuẩn; Giải nhì 60 giờ chuẩn; Giải ba 50 giờ chuẩn; Giải khuyến khích 40 giờ chuẩn.
- Cấp toàn quốc Giải nhất 100 giờ chuẩn; Giải nhì 90 giờ chuẩn; Giải ba 80 giờ chuẩn; Giải khuyến khích 70 giờ chuẩn.

Giảng viên khoa Ngoại Ngữ luôn tích cực trong tham gia và đạt thành cao ở hội thi “Giáo viên giỏi” cấp Trường, cấp Thành phố, cấp Quốc gia.

Mỗi năm khoa Ngoại Ngữ đều tổ chức ít nhất 1 hội thảo khoa học cấp khoa, 100% giảng viên tham gia viết bài tham luận.

Bảng thống kê công tác nghiên cứu khoa học của khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

Năm học 2018 - 2019: Khoa Ngoại Ngữ có 15/ 15 GV (100%) tham gia nghiên cứu khoa học, hội giảng, thiết bị tự làm... (**3.2.05. Kỳ yếu hội thảo Khoa học cấp Khoa năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 3.2.06. Bảng tính khối lượng các hoạt động NCKH năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**). Cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Hoạt động	Ghi chú
1	Đỗ Thị Thanh Thủy	- Tham luận hội thảo: Công tác tuyển sinh ngành tiếng Anh: Tổng kết giai đoạn 2017-2021 và phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2022-2026	
2	Phan Thị Thu	- Tham luận hội thảo: Nâng cao chất lượng tuyển sinh tại Khoa Ngoại Ngữ -	

TT	Họ và tên	Hoạt động	Ghi chú
		góc nhìn từ chương trình đào tạo - Tham luận hội thảo: Kiểm tra, đánh giá trực tuyến tại Khoa Ngoại Ngữ- Thực trạng và giải pháp	
3	Nguyễn Thị Tuyết Hoà	- Tham luận hội thảo: Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả tuyển sinh tại khoa Ngoại ngữ Trường CĐ Công Thương TP. HCM - Tham luận hội thảo: Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả việc dạy-học trực tuyến tại khoa Ngoại ngữ - Trường cao đẳng Công Thương Tp.HCM trong bối cảnh đại dịch covid-19	
4	Trần Thị Ái Hương	- Bài viết đăng trên tạp chí ISSN: English-majored students' listening difficulties and use of strategies at Mien Dong University of Technology, Vietnam - Tham luận hội thảo: Chiến lược tuyển sinh giai đoạn 2022 – 2026	
5	Trần Thị Thảo	- Tham luận hội thảo: Góp ý về công tác tuyển sinh từ góc nhìn của cố vấn học tập khoá 42 và 45 tại Khoa Ngoại Ngữ	
6	Nguyễn Hà Thanh Vân	- Tham luận hội thảo: Một số biện pháp nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh cho Khoa Ngoại Ngữ	
7	Lê Thị Thanh Thảo	- Tham luận hội thảo: Các hoạt động truyền thông phục vụ công tác tuyển sinh năm 2022 - Tham luận hội thảo: Ứng dụng công nghệ- tăng tính tương tác trong giảng dạy bộ môn tiếng Anh tại trường CĐ Công Thương TP.HCM	
8	Cái Minh Thuận	- Tham luận hội thảo: Những hoạt động góp phần phát triển quy mô tuyển sinh năm học 2022 tại Trường CĐ Công Thương Tp. HCM	

TT	Họ và tên	Hoạt động	Ghi chú
9	Nguyễn Ngọc Châu	- Tham luận hội thảo: Tầm quan trọng của công tác truyền thông tại Trường CĐ Công Thương Tp. HCM nhằm mục đích cải thiện hiệu quả tuyển sinh	
10	Nguyễn Thị Phương Linh	- Tham luận hội thảo: Góp ý về công tác tuyển sinh từ góc nhìn của cố vấn học tập khoá 42 và 45 tại Khoa Ngoại Ngữ	
11	Nguyễn Thanh Loan	- Tham luận hội thảo: School festival – Ý nghĩa đối với công tác xây dựng hình ảnh thương hiệu, công tác tuyển sinh, và những lưu ý về cách thức tổ chức	
12	Hồng Thắng Hoàng	- Tham luận hội thảo: Tầm quan trọng của công tác truyền thông tại Trường CĐ Công Thương Tp. HCM nhằm mục đích cải thiện hiệu quả tuyển sinh	
13	Đặng Minh Tuấn	- Tham luận hội thảo: Góp ý về công tác tuyển sinh từ góc nhìn của cố vấn học tập khoá 42 và 45 tại Khoa Ngoại Ngữ - Tham luận hội thảo: Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo trực tuyến	
14	Trần Ngọc Thùy Dương	- Tham luận hội thảo: Một số giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động và hình ảnh của câu lạc bộ tiếng Anh hướng đến công tác tuyển sinh trong giai đoạn mới tại trường Cao đẳng Công Thương Tp.HCM	
15	Phạm Văn Mạnh	- Tham luận hội thảo: Một số giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động và hình ảnh của câu lạc bộ tiếng Anh hướng đến công tác tuyển sinh trong giai đoạn mới tại trường Cao đẳng Công Thương Tp.HCM - Nội san: Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng dạy học trực tuyến tại trường Cao đẳng công thương Tp.HCM	

TT	Họ và tên	Hoạt động	Ghi chú
16	Đặng Thị Tuyết Nhi	- Tham luận hội thảo: Phân tích thực trạng và đề xuất một số giải pháp cho công tác tuyển sinh thông qua việc tuyên truyền, truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng tại Trường CĐ Công Thương Tp. HCM	

Năm học 2019 - 2020: Khoa Ngoại Ngữ có 15/ 15 GV (100%) tham gia nghiên cứu khoa học, hội giảng, thiết bị tự làm... (**3.2.05. Kỳ yếu hội thảo Khoa học cấp Khoa năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 3.2.06. Bảng tính khối lượng các hoạt động NCKH năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**). Cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Hoạt động	Ghi chú
1	Trần Thị Ái Hương	- Bài viết đăng trên tạp chí ISSN: Developing speaking skills through stories/European Journal of Education Studies (ISSN 2501 - 1111)/Volume 10 Issue 5 - Nội san: Nghề của tôi - Hội thảo khoa: Rèn luyện kỹ năng tự học Tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngữ Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh	
2	Đỗ Thị Thanh Thủy	- Viết tham luận cho hội thảo chi bộ kinh tế - Viết tham luận cho hội thảo chi bộ kinh tế - Hội thảo khoa: Các phương pháp cải thiện kỹ năng nghe hiểu môn học Nghe 2 đối với sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh tại Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh - Nội san: Nâng cao chất lượng kỹ năng nói Anh văn 2 đối với sinh viên không chuyên trường Cao đẳng Công thương Tp. Hồ Chí Minh	

TT	Họ và tên	Hoạt động	Ghi chú
3	Phan Thị Thu	<ul style="list-style-type: none"> - Viết tham luận cho hội thảo chi bộ kinh tế - Viết tham luận cho hội thảo chi bộ kinh tế - Hội thảo khoa: Khảo sát những khó khăn ảnh hưởng đến năng lực dịch Việt-Anh của sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh - Nội san: Một số giải pháp đánh giá môn học anh văn 3 theo định hướng đánh giá năng lực của người học 	
4	Nguyễn Thị Tuyết Hòa	<ul style="list-style-type: none"> - Viết tham luận cho hội thảo chi bộ kinh tế - Viết tham luận cho hội thảo chi bộ kinh tế - Hội thảo khoa: Hoạt động dạy và học môn Viết 2 tại Khoa Ngoại Ngữ Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh: Thực trạng và giải pháp - Nội san: Đánh giá tổng thể chương trình môn học Anh văn 1 – 2 trong đào tạo cao đẳng sau 3 năm thực hiện theo TT 30/2019/TT-BLĐTBXH tại trường Cao đẳng Công thương Tp. Hồ Chí Minh 	
5	Phạm Văn Mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Viết tham luận cho hội thảo chi bộ kinh tế - Viết tham luận cho hội thảo chi bộ kinh tế - Hội thảo khoa: Các lỗi câu thường gặp trong môn Viết 1 của sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh tại Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh: Nguyên nhân và các đề xuất - Nội san: Kết quả ban đầu việc ứng dụng hệ thống Moodle hỗ trợ việc giảng 	

TT	Họ và tên	Hoạt động	Ghi chú
		đạy, học tập và kiểm tra đánh giá môn Anh văn cơ bản tại trường Cao đẳng Công thương Tp. Hồ Chí Minh	
6	Cái Minh Thuận	<ul style="list-style-type: none"> - Hội thảo khoa: Ứng dụng phương pháp sơ đồ tư duy (mind map) vào việc dạy và học môn Đọc cho sinh viên chuyên ngữ Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh - Nội san: Mang theo hoài bão lên Sài Gòn 	
7	Đặng Minh Tuấn	<ul style="list-style-type: none"> - Viết tham luận cho hội thảo chi bộ kinh tế - Viết tham luận cho hội thảo chi bộ kinh tế- Hội thảo khoa: Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy môn Nghe thương mại cho sinh viên chuyên ngữ 	
8	Phuong Thị Hệ	<ul style="list-style-type: none"> - Viết tham luận cho hội thảo chi bộ kinh tế - Viết tham luận cho hội thảo chi bộ kinh tế - Hội thảo khoa: Khó khăn của sinh viên khi làm bài viết luận học thuật và đề xuất một số giải pháp khắc phục 	
9	Lê Thị Thanh Thảo	<ul style="list-style-type: none"> - Viết tham luận cho hội thảo chi bộ kinh tế - Viết tham luận cho hội thảo chi bộ kinh tế - Hội thảo khoa: Đề xuất đổi mới cấu trúc bài thi môn Nói 2 theo hướng tiếp cận chuẩn đầu ra theo chứng chỉ quốc tế dành cho sinh viên chuyên ngữ 	
10	Nguyễn Ngọc Châu	<ul style="list-style-type: none"> - Hội thảo khoa: Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cải thiện kỹ năng nghe của sinh viên chuyên ngữ tại Khoa 	

TT	Họ và tên	Hoạt động	Ghi chú
		Ngoại Ngữ Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh	
11	Hồng Thắng Hoàng	- Hội thảo khoa: Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cải thiện kỹ năng nghe của sinh viên chuyên ngữ tại Khoa Ngoại Ngữ Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh - Bài báo đăng trên tạp chí trong nước: Lựa chọn bài tập nâng cao hiệu quả kỹ thuật chuyển bóng cao tay cho nam sinh viên Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh học tự chọn môn bóng chuyền/Tạp chí khoa học và đào tạo thể dục thể thao	
12	Nguyễn Hà Thanh vân	- Hội thảo khoa: Giải pháp nâng cao hiệu quả dạy và học môn Ngữ pháp cho sinh viên chuyên ngữ	
13	Nguyễn Thanh Loan	- Hội thảo khoa: Nhận thức của sinh viên về các yếu tố chủ quan ảnh hưởng tới việc học Tiếng Anh – Ý nghĩa và ứng dụng - Coopartive test generation (CTG)- Sinh viên tự tạo bài kiểm tra theo nhóm	Sáng kiến kinh nghiệm
14	Trần Thị Thảo	- Hội thảo khoa: Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy môn Nghe thương mại cho sinh viên chuyên ngữ	

Năm học 2020 - 2021: Khoa Ngoại Ngữ có 16/ 16 GV tham gia nghiên cứu khoa học, hội giảng, thiết bị tự làm.. (**3.2.05. Kỳ yếu hội thảo Khoa học cấp Khoa năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 3.2.06. Bảng tính khối lượng các hoạt động NCKH năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**). Cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Hoạt động	Ghi chú
1	Phạm Văn Mạnh	- Tham luận hội thảo khoa: Thực trạng việc dạy và học môn Anh văn 1 (AV1) và giải	

TT	Họ và tên	Hoạt động	Ghi chú
		<p>pháp nâng cao năng lực tiếng anh cho sinh viên không chuyên ngữ tại Trường cao đẳng Công Thương Tp.HCM</p> <p>- Tham luận hội thảo khoa: Sự hài lòng của sinh viên trong quá trình giảng dạy tiếng anh online tại trường cao đẳng công thương thành phố hồ chí minh</p>	
2	Lê Thị Thanh Thảo	<p>- Tham luận hội thảo khoa: Tích hợp các trang web và công cụ vào giảng dạy tiếng anh tại trường cao đẳng công thương tp.hcm</p> <p>- Tham luận hội thảo khoa: Ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy môn anh văn căn bản tại Trường cao đẳng Công Thương Tp.HCM</p>	
3	Đặng Minh Tuấn	<p>- Tham luận hội thảo khoa: Ứng dụng công nghệ thông tin vào kiểm tra đánh giá điểm quá trình học môn anh văn căn bản tại Trường cao đẳng Công Thương Tp.HCM</p> <p>- Tham luận hội thảo khoa: Phân tích những khó khăn khi dạy trực tuyến và gợi ý giải pháp khắc phục</p>	
4	Nguyễn Thị Tuyết Hoà	<p>- Tham luận hội thảo khoa: Hoạt động dạy và học tiếng Anh chuyên ngành tại Trường cao đẳng Công Thương Tp.HCM: Thực trạng và đề xuất</p> <p>- Tham luận hội thảo khoa: Đề xuất giải pháp đổi mới kiểm tra đánh giá kỹ năng nói của sinh viên chuyên ngữ theo hướng tiếp cận knlnn 6 bậc việt nam tại trường cđ công thương tp.hcm</p>	
5	Trần Thị Ái Hương	<p>- Bài viết đăng trên tạp chí trong nước: Triết học hiện sinh và cơ sở triết lý tiếp cận các khóa học online, Tạp chí Công Thương số 4, năm 2021</p> <p>- Tham luận hội thảo khoa: Dạy và học online: cơ hội và thách thức</p>	

TT	Họ và tên	Hoạt động	Ghi chú
		- Tham luận hội thảo khoa: Thực trạng và đề xuất phương pháp dạy kỹ năng nói tiếng Anh (AV3) cho sinh viên không chuyên tại Trường cao đẳng Công Thương Tp.HCM	
6	Đỗ Thị Thanh Thủy	- Tham luận hội thảo khoa: Tổ chức buổi học trực tuyến một cách hiệu quả qua ứng dụng google meet - Tham luận hội thảo khoa: Nghe chép chính tả - Một hoạt động hiệu quả trong việc giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ	
7	Phan Thị Thu	- Tham luận hội thảo khoa: Flipped classroom, giải pháp cho lớp đông, thời lượng ít, giúp nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh của người học - Tham luận hội thảo khoa: Điều chỉnh cấu trúc đề thi và tiêu chí đánh giá môn nói thương mại- hướng tới các kỳ thi năng lực tiếng anh quốc tế và thi trực tuyến	
8	Nguyễn Thanh Loan	- Tham luận hội thảo khoa: Một số phương pháp nâng cao chất lượng học tiếng Anh cho sinh viên không chuyên trường Cao Đẳng Công Thương TP. HCM - Tham luận hội thảo khoa: Đánh giá năng lực viết luận của sinh viên trong môn học viết 2: thang chấm nào hiệu quả?	
9	Nguyễn Ngọc Châu	- Tham luận hội thảo khoa: Phương pháp giúp sinh viên các lớp không chuyên ngữ tại trường Cao Đẳng Công Thương TP. HCM cải thiện kỹ năng nghe và nói - Tham luận hội thảo khoa: Liên hệ thang chấm vstep vào phần viết luận (essay) của môn viết 2 tại trường cao đẳng công thương thành phố hồ chí minh. tiêu chí: mức độ hoàn thành bài thi và tổ chức bài viết	

TT	Họ và tên	Hoạt động	Ghi chú
10	Hồng Thắng Hoàng	<ul style="list-style-type: none"> - Tham luận hội thảo khoa: Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực của sinh viên trong việc học online - Tham luận hội thảo khoa: Phương pháp giúp sinh viên các lớp không chuyên ngữ tại trường Cao Đẳng Công Thương TP. HCM cải thiện kỹ năng nghe và nói 	
11	Cái Minh Thuận	<ul style="list-style-type: none"> - Tham luận hội thảo khoa: Nâng cao hiệu quả chất lượng giảng dạy trực tuyến cho sinh viên tại trường cao đẳng Công Thương TP. HCM trong đại dịch COVID-19 	
12	Trần Thị Thảo	<ul style="list-style-type: none"> - Tham luận hội thảo khoa: Phân tích những khó khăn khi dạy trực tuyến và gợi ý giải pháp khắc phục - Tham luận hội thảo khoa: Ứng dụng công nghệ thông tin vào kiểm tra đánh giá điểm quá trình học môn anh văn căn bản tại Trường cao đẳng Công Thương Tp.HCM 	
13	Nguyễn Thị Phương Linh	<ul style="list-style-type: none"> - Tham luận hội thảo khoa: Ứng dụng công nghệ thông tin vào kiểm tra đánh giá điểm quá trình học môn anh văn căn bản tại Trường cao đẳng Công Thương Tp.HCM - Tham luận hội thảo khoa: Liên hệ thang chấm bài thi đánh giá năng lực vstep kỹ năng viết vào môn viết 2 ngành Tiếng Anh Tại Trường Cao Đẳng Công Thương TP. HCM 	
14	Đặng Thị Tuyết Nhi	<ul style="list-style-type: none"> - Tham luận hội thảo khoa: Đề xuất một số phương pháp nhằm nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ - tiếng Anh - cho sinh viên không chuyên trình độ cao đẳng 	
15	Trần Ngọc Thùy Dương	<ul style="list-style-type: none"> - Tham luận hội thảo khoa: Một số giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng anh không chuyên tại trường Cao đẳng Công Thương Tp.HCM 	

TT	Họ và tên	Hoạt động	Ghi chú
		- Bài viết cho Hội nghị, Hội thảo Quốc tế: Non-English Majors' English Speaking Difficulties - International Conference 23 May, 2020 - Tham luận hội thảo khoa: Thuận lợi và khó khăn khi giảng dạy online	
16	Nguyễn Hà Thanh Vân	- Tham luận hội thảo khoa: Học tập trực tuyến: thách thức và giải pháp	

Như vậy, có thể thấy rằng, hằng năm 100% giảng viên giảng dạy các môn chuyên ngành của Khoa Ngoại Ngữ đều tham gia ít nhất 01 hoạt động NCKH/ năm học như viết bài cho các hội thảo cấp Khoa, nội san của Trường, các tạp chí trong và ngoài nước hoặc viết sáng kiến kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng dạy và học tại Khoa nói riêng và tại Trường nói chung.

+ Về việc tham gia các hội giảng: Các giảng viên Khoa Ngoại Ngữ luôn tích cực trong việc tham gia các hội giảng và đạt được các thành tích cao trong các hoạt động này. Cụ thể, trong năm học 2020-2021, Khoa Ngoại Ngữ có 04 giảng viên tham gia hội giảng cấp Trường và đạt 02 giải nhất, 01 giải nhì và 01 giải 3. Trong năm học 2020-2021, Khoa Ngoại Ngữ có 03 giảng viên tham gia hội giảng cấp Trường và đạt 01 giải xuất sắc, 01 giải nhất, 01 giấy chứng nhận (*3.2.07. Quyết định về việc công nhận giảng viên dạy giỏi cấp Trường năm 2020*). Trong năm học 2021-2022, do ảnh hưởng của đại dịch Covid, nhà Trường chuyển sang dạy học online, vì thế không tổ chức hội giảng cấp Trường như thường niên. Tuy nhiên, giảng viên Khoa Ngoại Ngữ, cụ thể là Thầy Phạm Văn Mạnh đã tham gia cuộc thi thiết kế bài giảng trực tuyến toàn quốc 2021 và đạt giải nhất toàn quốc. (*3.4.02. Bằng khen của Bộ Lao động thương binh và xã hội cho giảng viên đạt giải nhất hội thi thiết kế bài giảng trực tuyến trong giáo dục nghề nghiệp toàn quốc năm 2021*). Thêm vào đó, các giảng viên Khoa Ngoại Ngữ cũng đạt thành tích tốt khi được Trường cử đi thi giáo viên dạy giỏi cấp thành phố và cấp quốc gia. Cụ thể, năm học 2021-2022, 01 giảng viên Khoa Ngoại Ngữ tham gia hội giảng toàn quốc và đạt giải khuyến khích; năm học 2020-2021, 01 giảng viên Khoa Ngoại Ngữ được công nhận là nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp thành phố. (*3.4.03. Giấy khen của Tổng cục trưởng Tổng cục giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận của Sở lao động thương binh xã hội*).

+ Qua đó cho thấy, hàng năm 100% giảng viên cơ hữu tham gia các hoạt động về NCKH, và các giảng viên luôn tích cực tham gia các hội thi nói chung và hội thi nhà giáo dạy giỏi nói riêng.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho các nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc tổ chức cho nhà giáo tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ; quy định thi đua, khen thưởng; chế độ làm việc đối với giảng viên, giáo viên hàng năm của trường (*3.4.01 - Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021; 1.1.03 - Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 07/01/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM*).

Hàng năm, Trường đều cử các giảng viên tham gia các chương trình học tập nâng cao trình độ, tổ chức các chương trình tập huấn ...cho giảng viên. Điển hình như năm 2020 Trường có Quyết định cử 01 Giảng viên Khoa Ngoại Ngữ học tập nghiên cứu tại Hàn Quốc. (*3.2.03 - Các quyết định cử đi học tập nâng cao trình độ, thực tập tại doanh nghiệp của giảng viên ngành Tiếng Anh năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*). Cũng trong năm học 2020-2021, Trường cử 08 giảng viên tham gia tập huấn ra đề thi Vstep tại Đại học Thái Nguyên theo công văn mời giảng viên tham gia đề án ngoại ngữ của Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm TP.HCM. (*3.5.01. Công văn số 997/DCT-CT về việc mời giảng viên tham gia đề án ngoại ngữ*). Trường cũng đã cử 06 giảng viên Khoa Ngoại Ngữ tham gia tập huấn về “Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngoại Ngữ” tổ chức bởi trường Đại học Công Nghiệp thành phố Hồ Chí Minh. (*3.5.02. Công văn số 7639/BCT-TCBT về việc bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên dạy tiếng Anh và giảng viên dạy chuyên môn bằng tiếng Anh*).

Trong năm học 2021-2022, do ảnh hưởng của đại dịch Covid, trường chuyển sang dạy học trực tuyến. Và để giảng viên có thể sử dụng phần mềm dạy học trực tuyến của Trường (hệ thống LMS) một cách thành thạo, phục vụ tốt cho việc dạy, học và đánh giá trực tuyến, nhà Trường đã tổ chức đợt tập huấn bồi dưỡng năng lực dạy học trực tuyến cho toàn bộ giảng viên của Trường. 100% các giảng viên cơ hữu cũng như thỉnh giảng của Khoa Ngoại Ngữ đã tham gia đầy đủ các buổi tập huấn này (*3.5.03. Kế hoạch số 215/KH-CDCT về bồi dưỡng năng lực dạy học trực tuyến đợt 2*). Thêm vào đó, Trường cũng đã phối hợp với SEAMEO CELLL và REAP-HEVOBOOKS để tổ chức đợt tập huấn phương pháp, kỹ thuật giảng dạy và Triển khai Chương trình tiếng Anh “Chuẩn Đào tạo và Khảo thí tiếng Anh

Cambridge Linguaskill” vào tháng 8/2022 và 15/16 giảng viên cơ hữu của Khoa Ngoại Ngữ đã tham gia đợt tập huấn này (01 giảng viên đang đi học ở nước ngoài).

Trong năm học 2020-2021, nhà Trường tiếp tục tổ chức tập huấn về đánh giá trình độ tiếng Anh bằng bài thi Linguaskill giai đoạn 2 cho toàn bộ giảng viên trong Khoa (**3.5.04. Thông báo số 66/ TTHTSD về kế hoạch tập huấn và triển khai chương trình đào tạo Cambridge English Empower và đánh giá trình độ tiếng Anh bằng bài thi Linguaskills**). Bên cạnh đó, để không ngừng nâng cao chất lượng dạy học tại Trường, nhà Trường đã tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm vào tháng 2/2023. 100% giảng viên Khoa Ngoại Ngữ đã tham gia lớp bồi dưỡng và nhận chứng chỉ (**3.5.05. Thông báo số 21/TB-CDCT về việc mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm GDNN năm 2020**).

Như vậy có thể thấy rằng, hàng năm nhà Trường đều tổ chức các đợt tập huấn, bồi dưỡng, học tập cho giảng viên toàn Trường nói chung và giảng viên Khoa Ngoại Ngữ nói riêng. Các giảng viên Khoa Ngoại Ngữ luôn tích cực tham gia vào các lớp do Trường tổ chức. Bên cạnh đó, các giảng viên còn tham gia vào nhiều đợt tập huấn, hội thảo khác nhằm không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, phục vụ tốt cho công tác giảng dạy (**3.2.04 - Danh sách giảng viên Khoa Ngoại Ngữ nâng cao nghiệp vụ chuyên môn; 3.5.06 - Chương trình, kế hoạch học tập của giảng viên ngành Tiếng Anh năm 2019, 2020, 2021; 3.5.07 - Các hình ảnh giảng viên tham các lớp tập huấn, khóa học tập, chương trình tham quan học tập từ năm 2019 đến năm 2021**).

Tất cả các giảng viên sau mỗi khóa học, tập huấn tham gia đều có báo cáo kết quả sau khi hoàn thành hoặc nộp giấy chứng nhận của các khóa học tập, bồi dưỡng đã tham gia trong năm (**3.5.08 - Báo cáo kết quả học tập của giảng viên ngành Tiếng Anh sau khi tham gia học tập, bồi dưỡng năm 2019, 2020, 2021**).

Sau mỗi năm học, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến các giảng viên liên quan về nội dung cũng như chất lượng của những khóa được tham dự học tập trong năm học (**3.5.09 - Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động, sinh viên và doanh nghiệp các năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 3.5.10. Link khảo sát Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về chất lượng các khóa học tập, bồi dưỡng năm học 2020-2021; 2021-2022, 2020-2021**).

Nội dung Khảo sát: Thầy cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ:

+ Năm 2018 - 2019: khảo sát 17/17 nhà giáo và Cán bộ quản lý khoa

TT	Nội dung ý kiến tham khảo	Số VC có ý kiến				Tỉ lệ phần trăm (%)			
		1	2	3	4	1	2	3	4
1	Nhà trường chú trọng đến chính sách công tác đào tạo, bồi dưỡng	0	0	1	16	0,0	0,0	5,9	94,1

2	Thầy cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)	0	0	1	16	0,0	0,0	5,9	94,1
3	Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị.	0	1	1	15	0,0	5,9	5,9	88,2

Kết quả cho thấy các tiêu chí trên đạt tỉ lệ đánh giá “Hoàn toàn đồng ý” đạt tỉ lệ trên 88,0%

+ Năm 2019 - 2020 khảo sát 16/16 nhà giáo và Cán bộ quản lý khoa

TT	Nội dung ý kiến tham khảo	Số VC có ý kiến				Tỉ lệ phần trăm (%)			
		1	2	3	4	1	2	3	4
1	Nhà trường chú trọng đến chính sách công tác đào tạo, bồi dưỡng	0	0	1	15	0,0	0,0	6,3	93,8
2	Thầy cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)	0	0	1	15	0,0	0,0	6,3	93,8
3	Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị.	0	1	2	14	0,0	6,3	12,5	87,5

Kết quả cho thấy các tiêu chí trên đạt tỉ lệ đánh giá “Hoàn toàn đồng ý” đạt tỉ lệ trên 87,0%

+ Năm 2020 - 2021: khảo sát 16/16 nhà giáo và Cán bộ quản lý khoa

TT	Nội dung ý kiến tham khảo	Số VC có ý kiến				Tỉ lệ phần trăm (%)			
		1	2	3	4	1	2	3	4
1	Nhà trường chú trọng đến chính sách công tác đào tạo, bồi dưỡng	0	0	0	16	0,0	0,0	0,0	100,0
2	Thầy cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)	0	0	0	16	0,0	0,0	0,0	100,0
3	Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị.	0	0	1	15	0,0	0,0	6,3	93,8

Kết quả cho thấy các tiêu chí trên đạt tỉ lệ đánh giá “Hoàn toàn đồng ý” đạt tỉ lệ trên 93,0%

Ghi chú:

1	2	3	4
---	---	---	---

Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
--------------	----------	--------	------------------

Trường thực hiện điều chỉnh, bổ sung sau khi tổng hợp và nghiên cứu những ý kiến phản hồi trong khảo sát để có kế hoạch tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng trong những năm sau có hiệu quả hơn (**3.5.11 – Báo cáo kết quả khảo sát Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về chất lượng các khóa học tập, bồi dưỡng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**).

Thống kê khảo sát lấy ý kiến CB quản lý, viên chức, người lao động về chất lượng học tập bồi dưỡng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

Năm	Tổng số CBQL, VC, NLD được khảo sát	Số lượng				Tỷ lệ			
		Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
2018-2019	16	0	0	0	16	0,0	0,0	0,0	100,0
2019-2020	16	0	0	1	15	0,0	0,0	6,3	93,8
2020-2021	16	0	0	0	16	0,0	0,0	0,0	100,0

Về chính sách đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của nhà trường: Nhận thấy Thầy/Cô Khoa Ngoại ngữ đánh giá các tiêu chí trên đạt tỉ lệ đánh giá “Hoàn toàn đồng ý” đạt tỉ lệ trên 93,0%

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý đối với nhà giáo là nhiệm vụ bắt buộc đối với nhà giáo được quy định trong quy định chế độ làm việc của giảng viên, giáo viên giảng dạy bậc cao đẳng và trung cấp ban hành hằng năm và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ. Trong Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giáo viên giảng dạy bậc cao đẳng và trung cấp đã quy định về thời gian thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn là 4 tuần (160 giờ) (**1.1.03 - Quyết định**

số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; 3.4.01 - Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021).

Các giảng viên cơ hữu của Khoa Ngoại Ngữ đều phụ trách giảng dạy các môn chuyên ngành, cụ thể trong các năm học vừa qua như sau:

- Năm học 2018-2019: Khoa Ngoại Ngữ có 16 giảng viên cơ hữu
- Năm học 2019 – 2020: Khoa Ngoại Ngữ có 15 giảng viên cơ hữu
- Năm học 2020 – 2021: Khoa Ngoại Ngữ có 16 giảng viên cơ hữu

(3.1.01 - Danh sách trích ngang giảng viên Khoa Ngoại Ngữ)

Trường thường xuyên cử giảng viên cơ hữu tham gia các chương trình bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động. Trong 3 năm qua tất cả các giảng viên cơ hữu của Khoa đều được cử đi bồi dưỡng, thực tập thực tế tại doanh nghiệp.

Căn cứ vào kế hoạch đi thực tế doanh nghiệp của khoa (*3.6.01 – Kế hoạch thực tế tại doanh nghiệp của Giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*), Trường ban hành quyết định cử giảng viên đi thực tế ở doanh nghiệp (*3.2.03 - Các quyết định cử đi học tập nâng cao trình độ, thực tập tại doanh nghiệp của giảng viên ngành Tiếng Anh năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Trước khi đi thực tập tại doanh nghiệp, tất cả các giảng viên đều có kế hoạch và đề cương thực tập theo từng thời điểm khác nhau do Trường khoa giao. Trong kế hoạch ghi rõ tên Giảng viên, tên công ty mà Giảng viên đến thực tế, địa chỉ của công ty, nhiệm vụ thực hiện khi đến thực tế tại công ty (*3.6.01 – Kế hoạch thực tế tại doanh nghiệp của Giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 3.6.02 - Đề cương thực tập tại doanh nghiệp của giảng viên*).

Sau khi kết thúc quá trình thực tập tại doanh nghiệp theo kế hoạch, các giảng viên đều có làm báo cáo kết quả thực tập, có sự nhận xét của doanh nghiệp và nộp về cho Khoa (*3.6.03 - Báo cáo thực tập tại doanh nghiệp của giảng viên*).

Các minh chứng ở trên cho thấy rằng, trong các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 có 100% giảng viên cơ hữu của Khoa đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo đúng quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đến thời điểm hiện tại, Khoa Ngoại Ngữ có 01 Trưởng khoa, 02 tổ trưởng bộ môn và 01 nhân viên thực hiện công tác giáo vụ của khoa Ngoại Ngữ. Công việc giáo vụ khoa được thực hiện theo bảng mô tả công việc của giáo vụ khoa Ngoại Ngữ và thực hiện những công việc khác khi trưởng khoa phân công (**3.1.02 – Hồ sơ viên chức Khoa Ngoại Ngữ; 3.7.01 - Bảng mô tả công việc của giáo vụ khoa Ngoại Ngữ**).

Cán bộ quản lý thuộc khoa Ngoại Ngữ được bổ nhiệm đảm bảo theo đúng quy trình, quy định về công tác bổ nhiệm viên chức quản lý (**3.7.02 - Quy định về thực hiện Quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức và người lao động tại trường**), Lãnh đạo khoa đáp ứng quy định tại điều 21 Thông tư 46/2016/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2016 và được thay thế bằng Thông tư 15/2021/TT-BLĐTĐBXH ngày 21/10/2021 về việc ban hành điều lệ Trường Cao đẳng.

Nhân viên thuộc Khoa Ngoại Ngữ đã tốt nghiệp đại học, có chứng chỉ Ngoại Ngữ B2 (Aptis), Tin học ứng dụng cơ bản, chứng chỉ hành chính văn phòng và chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đáp ứng yêu cầu công việc, liên tục trong 3 năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (**3.2.08 - Hồ sơ đánh giá và phân loại nhà giáo ngành Tiếng Anh năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 3.2.09 – Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, phân loại viên chức và công nhận danh hiệu thi đua của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**).

Bảng thống kê danh sách cán bộ quản lý và nhân viên khoa Ngoại Ngữ

S T T	Họ và tên	Chức vụ, chức danh	Trình độ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiệp vụ sư phạm	Trình độ lý luận Chính trị
1	Đỗ Thị Thanh Thủy	Trưởng khoa	Thạc sỹ	Thạc sỹ LL và PP giảng dạy môn Tiếng Anh	Tin học UDCB	Tốt nghiệp đại học sư phạm + Chứng chỉ NVSP dạy nghề, trình độ Cao đẳng, trung cấp	Trung cấp
2	Phan Thị Thu	Tổ trưởng bộ môn	Thạc sỹ	Thạc sỹ LL và PP giảng dạy môn Tiếng Anh	Tin học UDCB	Tốt nghiệp đại học sư phạm + Chứng chỉ NVSP dạy nghề, trình độ Cao đẳng, trung cấp	Sơ cấp
3	Nguyễn Thị Tuyết Hòa	Tổ trưởng bộ môn	Thạc sỹ	Thạc sỹ LL và PP giảng dạy	Tin học UDCB	Tốt nghiệp đại học sư phạm + Chứng chỉ	Sơ cấp

				môn Tiếng Anh		NVSP dạy nghề, trình độ Cao đẳng, trung cấp	
4	Nguyễn Thị Mộng	Giáo vụ khoa	Kỹ sư	Tiếng Anh - B2	Tin học UDCB	Chứng chỉ NVSP dạy nghề, trình độ Cao đẳng, trung cấp	

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, Khoa Ngoại Ngữ có 01 Trưởng khoa, 02 tổ trưởng bộ môn và 01 nhân viên thực hiện công tác giáo vụ của khoa Ngoại Ngữ (*3.1.02 – Hồ sơ viên chức Khoa Ngoại Ngữ; 3.7.01 - Bảng mô tả công việc của giáo vụ khoa Ngoại Ngữ*) và làm việc căn cứ vào quy chế làm việc, quy định chức năng nhiệm vụ của khoa đã được Nhà trường ban hành (*1.1.03 - Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM*).

Công tác đánh giá và phân loại cán bộ, nhà giáo, nhân viên được thực hiện định kỳ hàng năm thể hiện qua các báo cáo kết quả đánh giá, phân loại cán bộ quản lý và nhân viên Ngoại Ngữ theo quy định của Trường (*3.8.01 - Quyết định số 17/QĐ-CDCT ngày 17/01/2019 quy định về đánh giá, phân loại và xét thi đua khen thưởng năm 2019; Quyết định số 456/QĐ-CDCT ngày 15/07/2021 quy định về đánh giá, phân loại và xét thi đua khen thưởng năm 2021; 3.2.09 – Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, phân loại viên chức và công nhận danh hiệu thi đua của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.14 - Báo cáo tổng kết hàng năm Khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Cán bộ quản lý khoa chịu trách nhiệm quản lý, điều hành giảng viên trong khoa hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Kết quả xếp loại tập thể Khoa Ngoại Ngữ liên tục trong 03 năm 2020-2021, 2021-2022 và 2020-2021 đạt danh hiệu tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ (*1.2.06 - Các Quyết định công nhận danh hiệu thi đua tập thể và cá nhân của Khoa Ngoại Ngữ từ năm học 2019 đến 2021*).

Đối với cán bộ quản lý: Trong các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, Trưởng Khoa, tổ trưởng bộ môn được xếp loại từ Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Đối với nhân viên: Trong các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, nhân viên thuộc Khoa Ngoại Ngữ được xếp loại từ Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

(3.2.08 - Hồ sơ đánh giá và phân loại nhà giáo Khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 3.2.09 – Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, phân loại viên chức và công nhận danh hiệu thi đua của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021)

Bảng thống kê danh hiệu thi đua tập thể khoa Ngoại Ngữ

Stt	Năm Học	Lao động tiên tiến
1	2018-2019	x
2	2019-2020	x
3	2020-2021	x

Bảng thống kê danh hiệu thi đua cá nhân khoa Ngoại Ngữ

Stt	Họ và tên	Chức vụ, Chức danh	Năm học 2018-2019		Năm học 2019-2020		Năm học 2020-2021	
			Đánh giá, xếp loại	Loại hình khen thưởng	Đánh giá, xếp loại	Loại hình khen thưởng	Đánh giá, xếp loại	Loại hình khen thưởng
1	Đỗ Thị Thanh Thủy	Trưởng khoa	HTTNV	LĐTT	HTTNV	LĐTT	HTTNV	LĐTT
2	Phan Thị Thu	Tổ trưởng bộ môn	HTTNV	LĐTT	HTTNV	LĐTT	HTTNV	LĐTT
3	Nguyễn Thị Tuyết Hòa	Tổ trưởng bộ môn	HTTNV	LĐTT	HTTNV	LĐTT	HTTNV	LĐTT
4	Nguyễn Thị Mộng	Giáo vụ khoa	HTTNV	LĐTT	HTTNV	LĐTT	HTTNV	LĐTT

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 2 điểm

2.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Mở đầu

Chương trình đào tạo được xây dựng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành Tiếng Anh cũng như nhu cầu thực tế trong sản xuất của các doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, gắn kết nhà trường với doanh nghiệp, với thị trường lao động.

Hàng năm, chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh của trường được rà soát, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với nền công nghệ mới cũng như đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp. Mỗi chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh có đủ môn học theo mẫu định dạng chung và được xác định rõ phương pháp và các yêu cầu về kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

*** Những điểm mạnh**

Trường có đủ chương trình cho ngành Tiếng Anh theo từng cấp trình độ. Chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh được xây dựng theo hướng liên thông hợp lý, hàng năm được rà soát, điều chỉnh và cập nhật kiến thức mới dưới sự góp ý của các giảng viên, chuyên gia và các doanh nghiệp.

Chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh của trường có mục tiêu được xác định rõ ràng, quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng; phương pháp, hình thức đào tạo cho từng trình độ đối với mỗi mô-đun, môn học.

Giảng viên ngành Tiếng Anh có đủ giáo trình giảng dạy và được hiệu chỉnh, biên soạn mới hàng năm.

*** Những tồn tại:**

Tuy đã có đầy đủ tài liệu, giáo trình cho tất cả các môn học nhưng hiện các môn học chuyên ngữ của Khoa chưa có giáo trình nội bộ. Khoa đang phối hợp với Trường triển khai biên soạn một số giáo trình nội bộ nhằm đáp ứng đủ yêu cầu kiến thức của môn học.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Lập kế hoạch biên soạn giáo trình ngành Tiếng Anh được phát hành rộng rãi, cho các độc giả góp ý, để giáo trình trở thành một tài liệu tham khảo cho tất cả sinh viên, giảng viên trên cả nước.

Lập kế hoạch định kỳ khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, người tốt nghiệp và các tổ chức khác để bổ sung điều chỉnh chương trình, giáo trình.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	24
Tiêu chuẩn 1	2

Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2
Tiêu chuẩn 9	2
Tiêu chuẩn 10	2
Tiêu chuẩn 11	2
Tiêu chuẩn 12	2

Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khi xây dựng, rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, Nhà trường căn cứ: Công văn 106/TCDN-DNCQ ngày 19/01/2017 về việc hướng dẫn xây dựng, chuyển đổi chương trình đào tạo theo Luật GDNN; Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; thông tư 41/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 và các thông tư quy định về các môn học chung 10/2018/TT-BLĐTBXH, 11/2018/TT-BLĐTBXH, 12/2018/TT-BLĐTBXH, 13/2018/TT-BLĐTBXH, 24/2018/TT-BLĐTBXH, 03/2019/TT-BLĐTBXH.

Trường có Quyết định ban hành quy định, quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo số 509/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 (***4.1.01 - Quyết định số 509/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành quy định, quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT trình độ cao đẳng trường CDCT***). Chương trình đào tạo nghề Tiếng Anh trình độ Cao đẳng của Trường được tổ chức xây dựng, biên soạn, thẩm định đúng quy định. Từ việc triển khai kế hoạch, thành lập Ban chủ nhiệm, Hội đồng thẩm định, nghiệm thu, cho đến khi ban hành chương trình đào tạo được Trường tổ chức chặt chẽ, đảm bảo theo

qui định của Bộ LĐTBXH, cụ thể:

- Kế hoạch biên soạn, rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo:
 - + Năm 2019: Kế hoạch số 454a/KH-CĐCT ngày 17/04/2019.
 - + Năm 2021: Kế hoạch số 394a/KH-CĐCT ngày 24/02/2021.

(1.1.05 – KH số 454a/KH-CĐCT ngày 17/04/2019; KH số 394a/KH-CĐCT ngày 24/02/2021 về việc biên soạn, rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh).

- Quyết định thành lập tổ biên soạn, rà soát, điều chỉnh chương trình:
 - + Năm 2019: Quyết định số 164/QĐ-CĐCT ngày 07/05/2019.
 - + Năm 2021: Quyết định số 134/QĐ-CĐCT ngày 29/02/2021.

(1.1.06 – QĐ số 164/QĐ-CĐCT ngày 07/5/2019; QĐ số 536/QĐ-CĐCT ngày 15/05/2020 về việc thành lập tổ biên soạn CTĐT Cao đẳng ngành Tiếng Anh).

- Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình:

+ Năm 2019: Quyết định số 323/QĐ-CĐCT ngày 26/06/2019 gồm 12 thành viên, trong đó có 5 thành viên ngoài trường: gồm 02 thành viên đại diện cho doanh nghiệp; 02 thành viên là giáo viên ngoài trường; 01 thành viên là Đại diện cơ quan QLNN về GDNN (Sở LĐ-TB&XH Tp.HCM).

+ Năm 2021: Quyết định số 528/QĐ-CĐCT ngày 03/09/2021 gồm 12 thành viên, trong đó có 5 thành viên ngoài trường: gồm 02 thành viên đại diện cho doanh nghiệp; 02 thành viên là giáo viên ngoài trường; 01 thành viên là Đại diện cơ quan QLNN về GDNN (Sở LĐ-TB&XH Tp.HCM).

(1.1.07 - Quyết định số 323/QĐ-CĐCT ngày 26/06/2019; số 528/QĐ-CĐCT ngày 03/09/2021 thành lập Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh).

- Quyết định ban hành chương trình:

- + Năm 2019: Quyết định số 366/QĐ-CĐCT ngày 08/07/2019.
- + Năm 2021: Quyết định số 144a/QĐ-CĐCT ngày 18/04/2022.

(1.1.08 - Quyết định số 366/QĐ-CĐCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Tiếng Anh năm 2019)

Việc đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo nghề Tiếng Anh được Trường triển khai thực hiện kịp thời. Cụ thể: Năm 2019, Trường đã tiến hành rà soát, điều chỉnh chương trình năm 2017 khi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình các môn học chung và Thông tư số 41/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nghề Tiếng Anh; những ý kiến đóng góp từ các bên liên quan như doanh nghiệp, sinh viên tốt nghiệp và trên cơ sở ý kiến bổ sung khi giáo viên tham quan thực tế tại doanh

nghiệp để tổng hợp đánh giá và cập nhật chương trình.

Năm 2021, Trường đã tiến hành rà soát, điều chỉnh chương trình năm 2019, trong đó tăng cường môn Biên dịch thương mại nâng cao, Phiên dịch thương mại nâng cao, Vận tải bảo hiểm hàng hoá xuất nhập khẩu, Tiếng Anh giao tiếp văn phòng, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Tiếng Anh); bỏ các môn Soạn thảo văn bản, Tiếng Việt thực hành B, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Nghệ thuật lãnh đạo, Quản trị nhân sự (Tiếng Anh), Tiếng Anh Tài chính ngân hàng, Tiếng Anh chuyên ngành kế toán, Tiếng Anh giao tiếp qua điện thoại; điều chỉnh tên và nội dung chương trình chi tiết môn Kỹ năng mềm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào Thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BXH ngày 01 tháng 3 năm 2017, Trường ra quyết định thành lập Tổ biên soạn, rà soát, điều chỉnh và hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Tiếng Anh có sự tham gia của cán bộ, giáo viên, đơn vị sử dụng lao động, chuyên gia, cơ quan quản lý GDNN (***1.1.06 – QĐ số 164/QĐ-CDCT ngày 07/5/2019; QĐ số 134/QĐ-CDCT ngày 29/02/2021 về việc thành lập tổ biên soạn CTĐT Cao đẳng ngành Tiếng Anh; 1.1.07 - Quyết định số 323/QĐ-CDCT ngày 26/06/2019; số 528/QĐ-CDCT ngày 03/09/2021 thành lập Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh; 1.1.08 - Quyết định số 366/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Tiếng Anh năm 2019.***

Năm 2019, hai thành viên của đơn vị sử dụng lao động tham gia xây dựng, rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo nghề Tiếng Anh năm 2019, là Ông Nguyễn Chí Bảo (Công ty TNHH Yujin Vina), Bà Nguyễn Thị Ngọc Trinh (Công ty TMDV Thuyền Vàng); Hai ủy viên phản biện thuộc cơ sở giáo dục khác là Bà Phan Thị Tuyết Nga (Giảng viên Trường ĐH Công Nghiệp TP.HCM), Ông Phạm Ngọc Duy (Giảng viên Trường CĐ Kinh tế Đối ngoại TP.HCM) và 01 đại diện cơ quan quản lý GDNN là Ông Đoàn Văn Khoa (Đại diện Phòng GDNN – Sở LĐ-TB&XH) tham gia hội đồng thẩm định chương trình;

Năm 2021, hai thành viên của đơn vị sử dụng lao động tham gia xây dựng, rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo là Ông Nguyễn Chí Bảo (Công ty TNHH Yujin Vina), Ông Phan Tuấn Thuận (Phó giám đốc – Trưởng văn phòng đại diện công ty Transmedic); Hai ủy viên phản biện thuộc cơ sở giáo dục khác là Bà Lê Thị Thanh Hà (Tổ trưởng bộ môn – Giảng viên trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM), Bà Phạm Thị Lê Vân (Trưởng phòng Khoa học-Hợp tác quốc tế Trường Cao đẳng Xây dựng TP.HCM) và 01 đại diện cơ quan quản lý GDNN là Ông Đặng Minh Sự (Trưởng Phòng GDNN - Sở LĐ-TB&XH Tp.HCM) tham gia hội đồng

thẩm định chương trình

(4.2.01 - BB họp thẩm định CTĐT ngành Tiếng Anh 2019, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề Tiếng Anh của Trường thể hiện đầy đủ về các khối lượng kiến thức như kiến thức các môn học chung, kiến thức các môn học/mô đun cơ sở, kiến thức các môn học/ mô đun chuyên môn ngành cần đạt được của người học khi tốt nghiệp. Chương trình đào tạo có đầy đủ các yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp theo quy định tại Thông tư số 12/2017/TT-BLĐT BXH ngày 20/4/2017 và thông tư 41/2018/TT-BLĐT BXH ngày 28/12/2018. Cụ thể:

+ Khối lượng kiến thức tối thiểu của chương trình đào tạo năm 2021: Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học là 2205 giờ (95 tín chỉ); trong đó có 790 giờ lý thuyết (chiếm 35.83%) và 1415 giờ thực hành, kiểm tra (chiếm 64.17%);

+ Yêu cầu về năng lực như: kiến thức về chính trị, pháp luật, kiến thức và kỹ năng chuyên môn cũng như về năng lực tự chủ và trách nhiệm hoặc vị trí việc làm; năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo,...

(2.3.02 – Chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh).

Khi biên soạn, rà soát, điều chỉnh chương trình Tổ biên soạn, rà soát, điều chỉnh chương trình đã tổ chức thu thập ý kiến góp ý của các đối tượng có liên quan: CBQL, Giáo viên, Doanh nghiệp, cựu SV để đánh giá mức độ phù hợp của chương trình đào tạo *(4.3.01 - Đường link khảo sát các đối tượng có liên quan về hoạt động dạy và học Khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 4.3.02 - Báo cáo kết quả điều tra lần vết về sinh viên ngành Tiếng Anh sau tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 4.3.03 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến doanh nghiệp về sinh viên tốt nghiệp ngành Tiếng Anh năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 4.3.04 - Báo cáo kết quả thu thập ý kiến CBQL khoa Tiếng Anh về công tác đảm bảo chất lượng đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 4.3.05 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của nhà giáo về chương trình, giáo trình đào tạo và các nội dung khác liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

+ Trong chương trình đào tạo nghề Tiếng Anh được ban hành có tiến trình đào tạo thể hiện quá trình thực hiện giảng dạy: thời gian học lý thuyết, thực hành, kiểm tra; có trình tự thực hiện môn học/mô đun học trước, sau hay song hành để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp, cụ thể:

* Các mô đun/môn học học trước, sau:

+ Môn Nghe 1, Nghe 2, Nghe thương mại học theo trình tự Nghe 1 → Nghe 2 → Nghe thương mại;

+ Môn Nói 1, Nói 2, Nói thương mại học theo trình tự Nói 1 → Nói 2 → Nói thương mại;

+ Môn Đọc 1, Đọc 2, Đọc thương mại học theo trình tự Đọc 1 → Đọc 2 → Đọc thương mại;

+ Môn Viết 1, Viết 2, Viết thương mại học theo trình tự Viết 1 → Viết 2 → Viết thương mại;

+ Môn Biên dịch, Biên dịch thương mại học theo trình tự Biên dịch → Biên dịch thương mại → Biên dịch thương mại nâng cao;

+ Môn Phiên dịch, Phiên dịch thương mại học theo trình tự Phiên dịch → Phiên dịch thương mại → Phiên dịch thương mại nâng cao;

* Chương trình các môn học/mô đun được quy định rõ về thời gian thực hiện: giờ lý thuyết, giờ thực hành/bài tập, kiểm tra; phân bổ thời gian chi tiết đến từng chương/bài có xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần đó và phù hợp với thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH

(2.3.03 - Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của ngành Tiếng Anh)

* Phân bổ thời lượng trong chương trình đào tạo: Năm 1 (02 học kỳ), giảng dạy 38 tín chỉ, tương ứng 750 giờ; Năm 2 (02 học kỳ), giảng dạy 37 tín chỉ, tương ứng 765 giờ; Năm 3 (2 học kỳ), giảng dạy 20 tín chỉ, tương ứng 690 giờ.

(2.3.02 – Chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua các môn học/mô đun trong chương trình đào tạo nghề Tiếng Anh, nhận

thấy: Tất cả các môn học/mô đun đều có các yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Cụ thể như:

- Mô đun Nghe 1:

Mục IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

- + Phòng học chuyên môn hóa: Phòng lab dành cho môn nghe.
- + Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu, âm ly, loa.
- + Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, tài liệu, bài tập.
- + Các điều kiện khác.

Mục VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

+ Đối với giảng viên:

- Thuyết trình: trình giảng, trình chiếu, tóm tắt.
- Đối thoại: thảo luận, phỏng vấn, động não.
- Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.
- Giao bài tập về nhà và hướng dẫn sửa các bài tập trên lớp.
- Trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung cụ thể của từng bài học theo chương trình môn học và chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.
- Công bố cho sinh viên hình thức kiểm tra định kỳ cũng như hình thức thi kết thúc môn học ngay buổi đầu tiên.
- Công bố điểm trung bình kiểm tra cho sinh viên trong buổi học cuối cùng.
- Công bố danh sách sinh viên đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi (có nêu rõ lý do) trong buổi học cuối cùng của môn học.

- Mô đun Nói thương mại:

Mục IV. Điều kiện thực hiện mô đun :

- + Phòng học chuyên môn hóa: Phòng học lý thuyết có trang bị hệ thống âm thanh.
- + Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu, âm ly, loa.
- + Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, tài liệu, bài tập.
- + Các điều kiện khác.

Mục VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

+ Đối với giảng viên:

- Thuyết trình: trình giảng, trình chiếu, tóm tắt.
- Đối thoại: thảo luận, phỏng vấn, động não.
- Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

- Giao bài tập về nhà và hướng dẫn sửa các bài tập trên lớp.
- Dành thời lượng cho sinh viên thực hành nhiều.
- Trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung cụ thể của từng bài học theo chương trình môn học và chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.
- Cung cấp và giới thiệu nội dung chương trình môn học học cho sinh viên vào buổi học đầu tiên.
- Công bố cho sinh viên hình thức kiểm tra định kỳ cũng như hình thức thi kết thúc môn học ngay buổi đầu tiên.
- Công bố điểm trung bình kiểm tra cho sinh viên trong buổi học cuối cùng.
- Công bố danh sách sinh viên đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi (có nêu rõ lý do) trong buổi học cuối cùng của môn học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các môn học của chương trình đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề Tiếng Anh năm 2021 có 37 môn học/mô đun. Mỗi chương trình môn học/mô đun đều xác định yêu cầu năng lực đạt được về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, chấp nhận được áp lực công việc, thích nghi với môi trường làm việc thường xuyên có sự thay đổi, linh hoạt trong xử lý tình huống và tự tin trong xử lý công việc, thực hiện được các nghiệp vụ chuyên môn tại các vị trí việc làm ở các Phòng Kinh doanh, Hành chính, Xuất nhập khẩu, Công ty dịch thuật ...; có khả năng áp dụng kiến thức và hiểu biết để đưa ra các giải pháp giải quyết vấn đề chuyên môn thông thường và một số vấn đề phức tạp.

Chương trình có quy định cụ thể phương pháp đánh giá kết quả học tập, như: kiểm tra đánh giá lý thuyết hay thực hành, hình thức thi trắc nghiệm hay tự luận, đánh giá các bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập. Tại mục Hướng dẫn tổ chức thi hết các môn học/mô đun nghề Tiếng Anh: "... Hình thức thi kết thúc môn học: viết, nghe, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bài thu hoạch chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên, được quy định trong chương trình môn học; Thời gian thi kết thúc môn học: Lý thuyết: 90 phút - 120 phút; Thực hành: 120 phút – 150 phút, Nghe-60 phút....."

Sau khi sinh viên hoàn thành các môn học trong chương trình đào tạo. Nhà trường sẽ tổ chức xét và công nhận tốt nghiệp dựa vào các tiêu chí sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số môn học trong chương trình đào tạo quy định từ đầu khóa học;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,00 trở lên;
- Đã đạt các môn học Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất;
- Có chứng chỉ tiếng Anh: Tối thiểu B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu) hoặc tương đương;
- Có chứng chỉ ngoại ngữ 2, trình độ chứng chỉ tối thiểu: Tiếng Nhật (N5) hoặc Tiếng Trung (HSK 1) hoặc Tiếng Hàn (TOPIK 1) hoặc Tiếng Pháp (DELF A1);
- Có chứng chỉ ứng dụng CNTT từ trình độ căn bản trở lên hoặc hoặc có chứng chỉ MOS 1 trong 2 kỹ năng (Word, Excel).

Các quy định trong chương trình đã đảm bảo tuân thủ đúng quy chế thi kiểm tra của Trường và quy chế thi, kiểm tra qui định theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH, ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh của Trường được xây dựng, thẩm định đầy đủ theo quy định. Tổ biên soạn chương trình đào tạo của nghề đều là những giáo viên có nhiều kinh nghiệm thực tế công tác tại các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ lớn và có uy tín. Trong quá trình thẩm định chương trình đào tạo trường đã tổ chức hội thảo lấy ý kiến của nhiều đơn vị sử dụng lao động là chuyên gia có kinh nghiệm trong ngành Tiếng Anh ở khu vực TP.HCM, đóng góp cho các nội dung kiến thức, năng lực nghề nghiệp tương ứng tại vị trí là: Đón tiếp khách hàng hoặc đối tác nước ngoài; Biên dịch các tài liệu thương mại; Phiên dịch; Bán hàng qua các kênh; Thực hiện quy trình làm hàng nhập khẩu; Thực hiện quy trình làm hàng xuất khẩu.

Đại diện doanh nghiệp đã có những góp ý, đánh giá nhận xét thẩm định là đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế của địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ hiện đại đang áp dụng tại Doanh nghiệp (***1.1.07 - Quyết định số 323/QĐ-CDCT ngày 26/06/2019; số 528/QĐ-CDCT ngày 03/09/2021 thành lập Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh;; 4.2.01 - BB họp thẩm định CTĐT ngành Tiếng Anh***).

Trong chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh trình độ cao đẳng, tỷ lệ số giờ học thực hành chuyên môn nghề nghiệp/tổng số giờ của chương trình khá cao (trên 63%). Thực tế này giúp cho sinh viên tiếp cận với thực tế nhiều hơn, việc đào tạo đảm bảo tính thực tiễn cao hơn và sinh viên ra trường đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học; chương trình đào tạo của trường xây dựng đào tạo đảm bảo liên thông giữa các trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học. Để đảm bảo cho học sinh của trường có cơ hội học liên thông lên trình độ cao hơn, Trường có ký văn bản ghi nhớ về thỏa thuận hợp tác giữa trường và trường ĐH Kinh tế vào ngày 18/4/2018 tuyển sinh liên thông Đại học chuyên ngành Tiếng Anh (***4.8.01 - Văn bản ghi nhớ về thỏa thuận hợp tác giữa Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh và Trường Cao đẳng Công thương TP. Hồ Chí Minh ngày 18/4/2018***). Trong văn bản ghi nhớ này, các nội dung liên quan về tuyển sinh và đào tạo đều do ĐHK (UEH) đảm trách, Trường CĐCT phụ trách công tác nhận hồ sơ tuyển sinh và địa điểm đào tạo.

Nhận thấy, 2 trường đã có triển khai các nội dung hợp tác theo văn bản ghi nhớ, cụ thể là công văn số 117a/CĐCT ngày 15/4/2021 của Trường Đại học Kinh Tế Tp.HCM về việc liên kết mở lớp đại học hệ Vừa làm vừa học tại Trường CĐ Công Thương Tp.HCM; công văn trả lời của Đại học Kinh Tế Tp.HCM số 1720/ĐHK-ĐTTX ngày 07/9/2021 về việc đồng ý liên kết với Trường CĐ Công Thương Tp.HCM tuyển sinh các khóa đại học hệ Vừa làm vừa học (***4.8.02 - Công văn số 117a/CĐCT ngày 15/4/2021 về việc liên kết mở lớp đại học hệ Vừa làm vừa học tại Trường CĐ Công Thương Tp.HCM; 4.8.03 - Công văn số 1720/ĐHK-ĐTTX ngày 07/9/2021 về việc đồng ý liên kết với Trường CĐ Công Thương Tp.HCM tuyển sinh các khóa đại học hệ Vừa làm vừa học***).

Quyết định số 2792/QĐ-ĐHK-ĐTTX ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh V/v ban hành Quy định về việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong đào tạo đại học Vừa làm vừa học; kết hợp đối sánh chương trình đào tạo của trường và nội dung quy định của Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh, Đoàn nhận thấy việc công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng được miễn trừ khi học liên thông và ban hành CTĐT liên thông, qua đó những mô đun/môn học mà HSSV đã học ở chương trình cao đẳng sẽ được công nhận và học bổ sung thêm những

kiến thức còn thiếu hoặc chưa học đã được thông báo và thực hiện. Cụ thể nội dung ở Chương II - XÉT CÔNG NHẬN KẾT QUẢ VÀ GIẢM TRỪ KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP ĐỐI VỚI THÍ SINH ĐÃ TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC/CAO ĐẲNG TRUNG CẤP ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO VĂN BẰNG 1 của Quy định này thể hiện nội dung:

“... ”

Điều 3, Phương thức thực hiện

Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học/cao đẳng trung cấp của thí sinh, UEH xét công nhận kết quả và giảm trừ khối lượng học tập đối với học phần hoặc nhóm học phần đã tích lũy có liên quan cùng nội dung và thời lượng (bằng hoặc lớn hơn) với học phần hoặc nhóm học phần trong chương trình đào tạo Văn bằng 1 VLVH của UEH, với kết quả ≥ 5 điểm (thang điểm 10 hoặc quy đổi về thang điểm 10). Học phần được xét công nhận kết quả và giảm trừ khối lượng học tập được nhập điểm "P" trong hệ thống nhập điểm, không tính vào điểm trung bình học tập.

Điều 4. Các điều kiện liên quan

1. Khối lượng tối đa được công nhận kết quả và giảm trừ khối lượng học tập của một sinh viên không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo Văn bằng 1 đại học VLVH của UEH.

2. Học phần được xét công nhận kết quả và giảm trừ khối lượng học tập phải có tên gọi, nội dung tương đương với học phần trong chương trình đào tạo Văn bằng 1 VLVH của UEH.

3. Đối với thí sinh đã tốt nghiệp Cao đẳng ngành Ngôn ngữ Anh, đối với các học phần kỹ năng, chỉ được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với: Kỹ năng đọc 1,2,3; Kỹ năng viết 1,2,3, Kỹ năng nghe 1,2,3, Kỹ năng nói 1,2,3.

4. Đối với thí sinh đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo khác, nếu có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương C1 trở lên (theo khung 6 bậc châu Âu) còn hiệu lực tính đến ngày Hiệu trưởng ký quyết định công nhận danh sách trúng tuyển sẽ được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ các học phần kỹ năng như sau: Kỹ năng đọc 1,2,3; Kỹ năng viết 1,2,3 Kỹ năng nghe 1,2,3; Kỹ năng nói 1,2,3.

5. Đối với chương trình đào tạo có phân chia rõ kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành thì không được công nhận kết quả và giảm trừ khối lượng học tập các học phần thuộc kiến thức chuyên ngành, chỉ được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ các học phần thuộc các khối kiến thức theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Kiến thức giáo dục đại cương.

- Kiến thức bổ trợ.
- Kiến thức ngành.
- Học phần tự chọn.

6. Đối với chương trình đào tạo không phân chia rõ kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành thì không được công nhận kết quả và giảm trừ khối lượng học tập các học phần thuộc kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành, chỉ được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ các môn thuộc các khối kiến thức theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Kiến thức giáo dục đại cương.
- Kiến thức bổ trợ.
- Kiến thức cơ sở ngành.
- Học phần tự chọn.
-”.

(4.8.04 - Quyết định số 2792/QĐ-ĐHKT-ĐTTX ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh V/v ban hành Quy định về việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong đào tạo đại học Vừa làm vừa học của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh).

Trường Đại học Kinh Tế Tp.HCM đã ban hành chương trình đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học trên cơ sở công nhận kết quả học tập trình độ cao đẳng và phát hành thông báo tuyển sinh số 96/TB-ĐHKT-ĐTTX ngày 12/01/2023 về việc tuyển sinh khoá Văn bằng 1 Đại học Vừa làm vừa học năm 2023 của Trường ĐHKT mở tại Trường CĐ Công Thương Tp.HCM với các đối tượng xét tuyển là những thí sinh có bằng tốt nghiệp Cao đẳng có ngành đào tạo (hoặc chuyên ngành) phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển *(4.8.05 - Chương trình đào tạo liên thông trình độ đại học của Đại học Kinh tế Tp.HCM)*

Trường đã triển khai thông tin tuyển sinh liên thông này đến SV của Trường bằng các thông báo tại bảng thông tin tuyển sinh, trên website của phòng Đào tạo thường xuyên, của Trường *(4.8.06 - Các thông báo tuyển sinh liên thông trình độ Đại học).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề Tiếng Anh của Trường khi ban hành có đủ giáo trình cho các mô-đun/môn học; Cụ thể: Chương trình đào tạo năm 2022 có tổng

cộng 50 mô đun/môn học (bao gồm cả các môn chung và môn tự chọn). Tất cả 50/50 mô đun/môn học có đủ giáo trình.

100% giáo trình được Hội đồng thẩm định giáo trình thông qua, trình Hiệu trưởng ban hành đưa vào sử dụng (**4.9.01 – Quyết định ban hành kèm theo Danh sách giáo trình sử dụng cho các môn học, mô đun năm 2021; 4.9.02 - Bản in giáo trình ngành Tiếng Anh trình độ cao đẳng**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tất cả giáo trình của các mô đun/môn học của chương trình đào tạo nghề Tiếng Anh trình độ cao đẳng được biên soạn, thẩm định, lựa chọn, ban hành theo đúng quy định tại Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Thông tư 03/2017/TT-BLĐT BXH ngày 01/3/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành giáo trình. Cụ thể:

- Trường xây dựng kế hoạch xây dựng, điều chỉnh, bổ sung và biên soạn giáo trình:

+ Năm 2019: nhà trường điều chỉnh giáo trình của 06 môn học chung căn cứ theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐT BXH, 11/2018/TT-BLĐT BXH, 12/2018/TT-BLĐT BXH, 13/2018/TT-BLĐT BXH, 24/2018/TT-BLĐT BXH, 03/2019/TT-BLĐT BXH của Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội; điều chỉnh, cập nhật một số nội dung của một số mô đun, môn học chuyên ngành;

+ Năm 2021: nhà trường tập trung cho công tác biên soạn, lựa chọn giáo trình mô đun/môn học sau khi điều chỉnh chương trình.

(1.1.08 - Quyết định số 366/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Tiếng Anh năm 2019; 4.9.01 – Các Quyết định ban hành kèm theo Danh sách giáo trình sử dụng cho các môn học, mô đun năm 2019,2021; 4.10.01 - Kế hoạch xây dựng, điều chỉnh, bổ sung và biên soạn giáo trình năm 2019, 2021).

Sau khi có kế hoạch, Khoa Ngoại Ngữ thực hiện đề xuất danh mục giáo trình điều chỉnh, bổ sung và cập nhật theo chương trình đào tạo đã ban hành; tham mưu Quyết định thành lập tổ biên soạn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình và thành lập hội đồng thẩm định (**4.10.02 - Quyết định số 543a/QĐ-CDCT ngày 15/3/2018, Quyết định số 537a/QĐ-CDCT ngày 17/3/2022 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc thành lập Hội đồng khoa học thẩm định giáo trình đào tạo ngành Tiếng Anh; 4.10.03 – Phiếu đánh giá giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2019, 2021; 4.10.04 - Biên bản thẩm định giáo trình**).

Để giáo trình của nghề được đưa vào sử dụng, Nhà trường có ban hành Quyết định:

+ Năm 2019: Trường ra QĐ số 684a/QĐ-CĐCT ngày 19/07/2018 ban hành 55 giáo trình các môn học/mô đun chuyên môn nghề, trong đó có 22 giáo trình các môn học chung cho các nghề;

+ Năm 2021: Trường ra QĐ số 538a/QĐ-CĐCT ngày 20/06/2021 ban hành 09 giáo trình có thay đổi, cập nhật so với danh mục giáo trình năm 2019. Như vậy CTĐT năm 2021 bao gồm tổng 50 giáo trình các môn học/mô đun chuyên môn nghề, trong đó có 16 giáo trình các môn học chung dùng chung cho các nghề.

(4.9.01 - Quyết định ban hành kèm theo Danh sách giáo trình sử dụng cho các môn học, mô đun năm 2019, 2021; 4.9.02 - Bản in giáo trình ngành Tiếng Anh trình độ cao đẳng).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực

Mô tả, phân tích, nhận định:

Cấu trúc giáo trình ngành Tiếng Anh của trường thể hiện rõ thông tin chung của giáo trình đào tạo, mã môn học, mô đun; vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò; mục tiêu của giáo trình môn học, mô đun. Nội dung của giáo trình bao gồm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ, công việc; quy trình và cách thức thực hiện nhiệm vụ, công việc; các hình ảnh minh họa, bài tập, những điểm cần ghi nhớ và các yêu cầu về đánh giá kết quả học tập khi kết thúc chương, bài và kết thúc mô đun, môn học trong chương trình đào tạo. Nội dung của giáo trình mang tính gợi mở, tạo điều kiện kích thích cho người học khả năng tìm tòi, tư duy sáng tạo; phần cuối của giáo trình là những câu hỏi, hệ thống bài tập giúp sinh viên nắm vững hơn những kiến thức đã học. Các giáo trình được Nhà trường lựa chọn có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin để làm giáo án điện tử, để mô phỏng kiến thức giúp học sinh dễ hiểu bài đảm bảo cho giáo viên thể hiện phương pháp dạy học tích cực *(4.10.03 – Phiếu đánh giá giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2019, 2021; 4.10.04 - Biên bản thẩm định giáo trình năm 2020, 2021; 4.9.01 - Quyết định ban hành kèm theo Danh sách giáo trình sử dụng cho các môn học, mô đun năm 2020, 2021; 4.9.02 - Bản in giáo trình ngành Tiếng Anh trình độ cao đẳng).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong

sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Mô tả, phân tích, nhận định

Trên cơ sở chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh đã được ban hành; việc biên soạn, thẩm định các giáo trình của trường có sự tham gia của các giảng viên từng làm việc ở những vị trí quan trọng của ngành hoặc trực tiếp giảng dạy; đồng thời có sự tham gia góp ý của doanh nghiệp nên đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Giáo trình được tổ chức biên soạn đúng quy trình, được phản biện từ các giáo viên chuyên môn, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, được nghiệm thu chặt chẽ trước khi đưa vào sử dụng (**4.10.02** - *Quyết định số 543a/QĐ-CDCT ngày 15/3/2018, Quyết định số 537a/QĐ-CDCT ngày 17/3/2021 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc thành lập Hội đồng khoa học thẩm định giáo trình đào tạo ngành Tiếng Anh; 4.10.03 – Phiếu đánh giá giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2019, 2021; 4.10.04 - Biên bản thẩm định giáo trình năm 2019, 2021; 4.9.01 - Quyết định ban hành kèm theo Danh sách giáo trình sử dụng cho các môn học, mô đun năm 2019, 2021; 4.9.02 - Bản in giáo trình ngành Tiếng Anh trình độ cao đẳng*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 2 điểm

2.2.5 Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Mở đầu

Khoa Ngoại ngữ được thành lập từ năm 2007 được nhà trường chú trọng đầu tư, xây dựng và phát triển, đến nay khoa đã có đầy đủ cơ sở vật chất đáp ứng được nhu cầu đào tạo tại Khoa Ngoại ngữ.

Trường có thư viện với các tài liệu truyền thống, tài liệu điện tử, giáo trình được bổ sung, cập nhật hằng năm phục vụ cho công tác dạy và học của ngành Khoa Ngoại ngữ.

*** Những điểm mạnh**

Khoa Ngoại ngữ có đầy đủ hệ thống các phòng học lý thuyết, phòng học chuyên môn để tổ chức đào tạo ngành Tiếng Anh. Các thiết bị phục vụ cho đào tạo được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, theo đúng quy trình, quy định và được sắp xếp, bố trí một cách khoa học. Trường đã ứng dụng công nghệ thông tin và các phần mềm ảo mô phỏng trong giảng dạy ngành Tiếng Anh;

Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet phục vụ việc truy cập thông tin nhanh và hiệu quả; có đủ giáo trình đã được Nhà trường phê duyệt và lựa chọn. Có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với Thư viện điện tử.

Khoa Ngoại ngữ có đầy đủ các phòng học lý thuyết được trang bị giàn âm thanh, máy chiếu, bảng phấn để phục vụ cho hoạt động giảng dạy các môn học của

ngành. Đảm bảo các yêu cầu về sự phạm, mỹ thuật công nghiệp, an toàn vệ sinh công nghiệp và vệ sinh môi trường. Bên cạnh đó, hệ thống kho lưu giữ, bảo quản của Nhà Trường được thiết kế xây dựng ở những vị trí an toàn thuận tiện, đảm bảo các tiêu chuẩn như có mái che, hệ thống chiếu sáng, thông gió, chống ẩm mốc, phòng chống cháy nổ.

Trường có thư viện với đủ các tài liệu phong phú từ tài liệu truyền thống tới tài liệu điện tử, và giáo trình được bổ sung, cập nhật hằng năm phục vụ cho công tác dạy và học của ngành Tiếng Anh. Hiện nay tổng số bản sách của thư viện là 75.796 bản, tổng số đầu sách là 8.499 đầu sách, ngoài ra số đầu sách của thư viện điện tử là 940 đầu sách.

*** Những tồn tại**

Do khoa học công nghệ ngày càng phát triển nên một số thiết bị thực hành chưa đủ về số lượng trên đầu người học.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Trang bị thêm các thiết bị đào tạo thực hành, trang bị thêm các phần mềm nhằm phục vụ việc đào tạo kỹ năng thực hành tiếng cho sinh viên ngành Tiếng Anh đáp ứng nhu cầu lao động thực tiễn.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có hệ thống phòng lý thuyết, phòng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được thiết kế và xây dựng rộng rãi, thoáng mát, đúng công năng đáp ứng nhu cầu đào tạo. Tất cả các công trình xây dựng đều được khảo sát và thiết kế đồng bộ. Phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đảm bảo quy chuẩn xây

dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành. Thực tế hiện tại cơ sở của nhà trường bố trí phòng học lý thuyết và phòng thực hành máy tính ở các khu riêng, tại các khu hệ thống phòng học, giảng đường, phòng máy, phòng học chuyên môn hóa đều được ngăn cách, có hệ thống chiếu sáng, thông gió, vệ sinh bảo đảm quy chuẩn xây dựng và các yêu cầu về ngăn cách. (5.1.01 - Bảng thống kê diện tích sử dụng các phòng học lý thuyết, thực hành, giảng đường phục vụ đào tạo; 5.1.02 - Hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng).

TT	Loại phòng	Số lượng	Dt (m²)	Ghi chú
I	Phòng thực hành máy tính	25	1.471	
1	D2-06	2	116.2	Khối nhà D
2	D2-07	1	55.35	Khối nhà D
3	D2-08	2	116.2	Khối nhà D
4	D2-09	1	55.35	Khối nhà D
5	D2-10	1	67.5	Khối nhà D
6	D2-11	2	116.2	Khối nhà D
7	D2-12	2	116.2	Khối nhà D
8	D2-13	2	116.2	Khối nhà D
9	D3-14	2	116.2	Khối nhà D
10	D3-15	2	116.2	Khối nhà D
11	D3-16	2	131	Khối nhà D
12	D3-17	2	116.2	Khối nhà D
13	D3-18	2	116.2	Khối nhà D
14	D3-19	2	116.2	Khối nhà D
II	Phòng hội thảo			
1	D1-10	1	128	Khối nhà D
III	Giảng đường khu A	8	918,4	
1	A 201		124.64	Khối nhà A
2	A 206		124.64	Khối nhà A
3	A 301		124.64	Khối nhà A
4	A 305		124.64	Khối nhà A
5	A 405		104.96	Khối nhà A

6	A 406		104.96	Khối nhà A
7	A 505		104.96	Khối nhà A
8	A 506		104.96	Khối nhà A
IV	Giảng đường khu D	10	1.310	
1	D4-24		130.95	Khối nhà D
2	D4-25		130.95	Khối nhà D
3	D5-28		130.95	Khối nhà D
4	D6-32		130.95	Khối nhà D
5	D6-33		130.95	Khối nhà D
6	D6-35		130.95	Khối nhà D
7	D6-36		130.95	Khối nhà D
8	D7-37		130.95	Khối nhà D
9	D7-40		130.95	Khối nhà D
10	D7-41		130.95	Khối nhà D
V	Thư viện	5	289	
1	Phòng đọc điện tử	1	70	Thư viện
2	Phòng đọc cho cán bộ giảng viên	1	35	Thư viện
3	Phòng đọc cho người học	2	64	Thư viện
4	Kho sách	1	120	Thư viện
VI	Văn phòng + kho		80	Khối nhà D

Qua bảng thống kê diện tích các phòng học lý thuyết, phòng học chuyên môn, nhận thấy:

Các phòng lý thuyết và phòng thực hành máy tính được thiết kế rộng rãi thoáng mát, với 2 cửa chính rộng 1,8m; hành lang rộng 2,8m đảm bảo cho việc vận chuyển trang thiết bị và thoát hiểm khi cần thiết. *(5.1.01 - Bảng thống kê diện tích sử dụng các phòng học lý thuyết, thực hành, giảng đường phục vụ đào tạo; 5.1.02 - Hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng; 5.1.03 - Hình ảnh bố trí thiết bị tại các phòng thực hành máy tính; tiêu lệnh PCCC, bình PCCC; 5.1.04 - Các sơ đồ, hình ảnh phòng hội thảo, phòng chuyên đề, phòng tin học, phòng thư viện).*

Tại các phòng học, thiết bị, dụng cụ, bàn ghế được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành và tổ chức hướng dẫn thực hành theo lớp, nhóm và từng cá nhân. Các thiết bị chính đều có quy trình vận hành, quy trình này được

trình bày ngắn gọn, đầy đủ và treo ngay ngắn ở vị trí dễ quan sát gần mỗi thiết bị (**5.1.05 - Nội quy sử dụng máy, thiết bị; Nội quy phòng học**).

Phòng thực hành tiếng được trang bị đầy đủ, đúng chủng loại các thiết bị tối thiểu phục vụ công tác dạy và học ngành ngành Tiếng Anh (**5.1.06 - Danh mục thiết bị đào tạo hiện có của ngành Tiếng Anh**)

Phòng học, phòng thực hành đáp ứng được yêu cầu đào tạo:

Số sinh viên quy đổi trong 3 năm là:

- Năm 2018 – 2019: 217 SV
- Năm 2019 – 2020: 220 SV
- Năm 2020 – 2021: 214 SV

Lấy số liệu SV quy đổi lớn nhất trong 3 năm là 220 SV để tính toán (**3.3.06 - Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/ nhà giáo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**).

Phòng học lý thuyết: Tính số lớp lý thuyết: $220/35 \approx 7$ lớp. Số phòng học lý thuyết cần đáp ứng của Trường sẽ là: $7 \text{ lớp} \times 0,3$ (30% lý thuyết) ≈ 3 phòng. Với số lượng phòng học lý thuyết của nhà trường trên 60 phòng thì đảm bảo về số lượng phòng lý thuyết.

Về diện tích phòng học lý thuyết theo quy định là $1,5\text{m}^2/\text{chỗ học} \times 35$ học sinh/ phòng. Diện tích lớp học sẽ là $35 \times 1,5 \text{ m}^2 = 52,5 \text{ m}^2$; Dựa vào bảng danh sách các phòng học nhận thấy phòng học lý thuyết đảm bảo chuẩn về diện tích.

Bình quân diện tích chỗ học: $(918,4 + 1.310 + 1.471) : 220 \text{ SV} = 16,9 \text{ m}^2 / 1\text{SV}$, đáp ứng quy định Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 là bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là $5,5 \text{ m}^2/\text{chỗ học}$, nên đảm bảo đủ về diện tích.

Khu thể thao có diện tích 2.000 m^2 , gồm: 02 sân bóng đá mi ni có diện tích 1.250 m^2 , 02 sân cầu lông có diện tích 250m^2 , 04 sân bóng rổ và bóng chuyền có diện tích 500m^2 .

- **Hệ thống PCCC**: Tại các phòng học đều có bảng tiêu lệnh chữa cháy, Nội quy phòng cháy, chữa cháy, bình chữa cháy nhằm đảm bảo an toàn của thực hành. Định kỳ hàng năm hệ thống PCCC của trường được công an PCCC thành phố Thủ Đức kiểm tra, đánh giá đạt yêu cầu (**5.1.07 - Sơ đồ bố trí dụng cụ PCCC, nội quy PCCC; 5.1.08 - Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy**).

- **Hệ thống điện – Nước**: nguồn điện của trường được cung cấp từ mạng lưới điện Tp.HCM qua trạm biến áp có công suất 400KVA. Hệ thống điện nội bộ được thiết kế thi công đảm bảo mỹ quan, an toàn theo tiêu chuẩn xây lắp điện đến các khu vực chức năng. Tại các xưởng và các khu vực hoạt động được thiết kế hợp lý, đảm bảo đủ công suất cho các thiết bị hoạt động, tất cả đều có hệ thống ngắt điện bảo vệ tự động khi có sự cố xảy ra. Hệ thống nước nhà trường được sử dụng từ nguồn nước máy của thành phố Hồ Chí Minh cung cấp đảm bảo nhu cầu sử dụng nước cho sinh viên, cung cấp nước cho từng khu vực, từng tòa nhà trong toàn trường

(5.1.02 - Hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng; 5.1.09 - Hợp đồng cung cấp điện, nước của Trường).

- *Hệ thống thoát nước:* Nước thải sinh hoạt từ các phòng học, khối nhà của khoa sử dụng không có các chất độc hại, ô nhiễm nên được theo hệ thống thoát nước chung của trường thoát ra ngoài hệ thống thoát nước của khu vực *(5.1.02 – Hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng).*

Hàng năm, Khoa Ngoại ngữ rà soát, kiểm tra và đánh giá điều kiện, mức độ đáp ứng về cơ sở vật chất của các phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, giảng đường để báo cáo Hiệu trưởng kịp thời có kế hoạch sửa chữa, thay thế các thiết bị hư hoặc đã lỗi thời để phục vụ tốt nhất cho công tác đào tạo *(5.1.10 - Báo cáo của cơ sở đào tạo đánh giá về mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, phòng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho các CTĐT hàng năm).*

Để đáp ứng được sự thay đổi nhu cầu lao động cùng sự hội nhập, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến về thiết bị đào tạo thực hành của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên hàng năm để nhà trường kịp thời điều chỉnh hay trang bị thêm thiết bị cần thiết cho học tập kỹ năng thực hành cho sinh viên. *(5.1.12 - Đường link khảo sát ý kiến SV, GV, CBQL về phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, hệ thống điện, nước năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 5.1.13 - Tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến SV, GV, CBQL về phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, hệ thống điện, nước năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021)*

Đối chiếu theo qui định tại Quyết định số 3621/QĐ-BKHCN ngày 28/12/2012 của Bộ Khoa học Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia (Tiêu chuẩn Quốc Gia TCVN 9210:2012 “Trường Đại học - Tiêu chuẩn thiết kế”; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của CTĐT

Mô tả, phân tích, nhận định:

Dựa vào danh mục thiết bị đào tạo hiện có của Trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong chương trình đào tạo ngành tiếng Anh *(5.1.06 - Danh mục thiết bị tối thiểu đào tạo ngành Tiếng Anh; 5.2.01 - Hồ sơ xuất xứ các máy móc thiết bị thuộc Khoa Ngoại ngữ năm 2019, 2020, 2021; 5.2.02. Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị và số lượng hiện có của cơ sở đào tạo với danh mục thiết bị và số lượng tối thiểu; 5.2.03 – Biên bản kiểm kê tài sản cố định năm*

2019, 2020, 2021; 5.2.04 - Báo cáo chi tiết tài sản cố định năm 2019, 2020, 2021), nhận thấy:

+ Về phòng học: Phòng học lý thuyết, phòng thực hành máy tính, phòng thực hành tiếng đáp ứng đầy đủ với yêu cầu chương trình đào tạo ngành tiếng Anh. (5.1.01 - Bảng thống kê diện tích sử dụng các phòng học lý thuyết, thực hành, giảng đường phục vụ đào tạo; 5.1.03 - Hình ảnh bố trí thiết bị tại các phòng thực hành máy tính; tiêu lệnh PCCC, bình PCCC; 5.1.04 - Các sơ đồ, hình ảnh phòng hội thảo, phòng chuyên đề, phòng tin học, phòng thư viện; 5.2.02. Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị và số lượng hiện có của cơ sở đào tạo với danh mục thiết bị và số lượng tối thiểu)

+ Về thiết bị đào tạo: Danh mục thiết bị đào tạo hiện có của Trường đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào ngành Tiếng Anh (5.1.06 - Danh mục thiết bị đào tạo hiện có của ngành Tiếng Anh; 5.2.01 - Hồ sơ xuất xứ các máy móc thiết bị thuộc Khoa Ngoại ngữ năm 2019, 2020, 2021; 5.2.02 - Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị và số lượng hiện có của cơ sở đào tạo với danh mục thiết bị và số lượng tối thiểu ngành Tiếng Anh)

Thiết bị, dụng cụ có hồ sơ quản lý theo dõi, cập nhật và thực hiện báo cáo hàng năm. Công tác bảo trì, bảo dưỡng được cập nhật vào Sổ theo dõi sử dụng thiết bị tại các phòng học. Hằng năm Khoa phối hợp với nhà trường tiến hành kiểm kê, đánh giá xác định chất lượng còn lại của tài sản (5.2.03 – Biên bản kiểm kê tài sản cố định năm 2019, 2020, 2021; 5.2.04 - Báo cáo chi tiết tài sản cố định năm 2019, 2020, 2021)

Để đáp ứng nhu cầu lao động cùng sự thay đổi của KHCN, định kỳ trường tiến hành khảo sát CBQL, giảng viên, SV về yêu cầu thiết bị giảng dạy, từ đó có kế hoạch bổ sung kịp thời các thiết bị đào tạo và thay đổi các CTĐT phù hợp với công nghệ mới. (5.1.11 - Đường link khảo sát ý kiến SV, GV, CBQL về phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, hệ thống điện, nước năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 5.1.12 - Tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến SV, GV, CBQL về phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, hệ thống điện, nước năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đối với phòng học lý thuyết: hiện nhà trường có 66 phòng học lý thuyết dùng chung cho tất cả các chuyên ngành đào tạo tại trường, trong mỗi phòng học có bàn ghế đủ cho 50 chỗ ngồi, máy lạnh, máy chiếu, máy tính, hệ thống âm thanh, camera quan sát.... Đối với phòng thực hành máy tính: có 16 phòng tại Khu D có tổng diện tích 1.471 m², trong mỗi phòng được bố trí 30 - 50 máy tính. Các phòng lý thuyết

và phòng thực hành máy tính được thiết kế rộng rãi thoáng mát, với 2 cửa chính rộng 1,8m; hành lang rộng 2,8m đảm bảo cho việc vận chuyển trang thiết bị và thoát hiểm khi cần thiết. (**5.1.01 - Bảng tổng hợp diện tích các phòng học lý thuyết, phòng thực hành**)

Các thiết bị được bố trí theo đúng thiết kế các phòng thực hành máy tính, tất cả các phòng học đều có nội quy phòng học, dụng cụ PCCC (**5.1.03 - Hình ảnh bố trí thiết bị tại các phòng thực hành máy tính; tiêu lệnh PCCC, bình PCCC; 5.1.04 - Các sơ đồ, hình ảnh phòng hội thảo, phòng chuyên đề, phòng tin học, phòng thư viện; 5.1.06 – Danh mục thiết bị đào tạo hiện có của ngành Tiếng Anh**).

Số lượng thiết bị hiện có của Trường, đối chiếu so với danh mục thiết bị yêu cầu trong chương trình đào tạo. Kết quả số lượng thiết bị đủ so với yêu cầu (**5.2.02 - Hồ sơ xuất xứ các máy móc thiết bị thuộc Khoa Ngoại ngữ năm 2019, 2020, 2021; 5.1.06 - Danh mục thiết bị đào tạo hiện có của ngành Tiếng Anh**).

Để đáp ứng đủ, kịp thời thiết bị phục vụ đào tạo, Trường đã ban hành quy trình đầu tư mua sắm tài sản, nên các thiết bị của Trường khi mua sắm đều có hồ sơ xuất xứ, lý lịch rõ ràng. Tất cả các máy móc, thiết bị đào tạo đều có hồ sơ xuất xứ, nơi sản xuất, năm sản xuất rõ ràng đảm bảo tính đồng bộ của các trang thiết bị. Các trang thiết bị đều có hồ sơ theo dõi, có nội quy, quy trình sử dụng, bảo quản, bảo trì, bảo dưỡng. Khoa phân công theo dõi và quản lý trang thiết bị tại các phòng thực hành chuyên môn đúng qui trình đảm bảo các trang thiết bị được bảo dưỡng đánh giá thường xuyên, kịp thời (**5.3.01 – Quy trình đầu tư mua sắm tài sản (QĐ 195A/QĐ-CDCT ngày 04/11/2021 ban hành Quy trình mua sắm tài sản, CCDC, vật tư; 5.3.02 - Quy chế bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất, thiết bị QĐ 618/QĐ-CDCT ngày 10/10/2021 ban hành Quy trình bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ, đột xuất, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất, thiết bị (lý lịch máy, hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị của ngành Tiếng Anh; 5.2.03 Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị và số lượng hiện có của cơ sở đào tạo với danh mục thiết bị và số lượng tối thiểu ngành Tiếng Anh)**)

Thiết bị, dụng cụ có hồ sơ quản lý theo dõi, cập nhật và thực hiện báo cáo hàng năm. Công tác bảo trì, bảo dưỡng được cập nhật vào Sổ theo dõi sử dụng thiết bị tại các phòng học. Hằng năm Khoa phối hợp với nhà trường tiến hành kiểm kê, đánh giá xác định chất lượng còn lại của tài sản, từ đó lập bảng đề xuất các thiết bị hư hỏng cần sửa chữa/thay thế vào đầu mỗi năm học để đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo (**5.2.04 – Biên bản kiểm kê tài sản cố định năm 2019, 2020, 2021; 5.2.05 - Báo cáo chi tiết tài sản cố định năm 2019, 2020, 2021**)

Đầu khóa học mới kỳ tuyển sinh, sau khi có Quyết định biên chế các lớp căn cứ vào CTĐT ngành Tiếng Anh phòng Quản lý đào tạo phối hợp với khoa Ngoại ngữ thực hiện lập kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, tiến độ đào tạo và trình duyệt Hiệu trưởng cho từng khóa học, từng học kỳ. Việc phân bổ giáo viên vào thời khóa biểu các lớp cho thấy các phòng học đều được sử dụng để tổ chức giảng dạy; Khoa có đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo (**2.1.09- Quyết**

định biên chế các lớp và quyết định thi sinh đã trúng tuyển năm 2019, 2020, 2021; 3.3.03 - Danh sách Sinh viên các lớp Khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 1.2.03 - Kế hoạch công tác năm Khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 / 2.2.03- Kế hoạch học tập và giảng dạy hàng năm của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.04- Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.05- Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên Khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thiết bị, dụng cụ tại các thực hành được bố trí gọn gàng, hợp lý tạo điều kiện thuận lợi cho SV thực hành, rèn luyện kỹ năng và tổ chức hướng dẫn thực hành theo nhóm và cá nhân; vị trí kết nối máy móc thiết bị với các nguồn điện được chú trọng; các bàn máy tính được bố trí ngăn cách với nhau thuận tiện, khoa học với việc thực hành thao tác cho HSSV và việc giảng dạy cho giáo viên. Các lối đi trong xưởng đủ rộng thuận tiện trong việc vận hành thiết bị đảm bảo an toàn, dễ dàng cho việc đi lại, cho việc tổ chức bảo hành và bảo dưỡng trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức dạy và học cho cả lớp, cả nhóm hoặc cho từng cá nhân (***5.1.03 - Hình ảnh bố trí thiết bị tại các phòng thực hành máy tính; tiêu lệnh PCCC, bình PCCC; 5.1.04 - Các sơ đồ, hình ảnh phòng hội thảo, phòng chuyên đề, phòng tin học, phòng thư viện; 5.1.06 - Danh mục thiết bị đào tạo hiện có của ngành Tiếng Anh***).

Tại các phòng học đều có bảng tiêu lệnh chữa cháy, Nội quy phòng cháy chữa cháy, bình chữa cháy nhằm đảm bảo an toàn của thực hành. Định kỳ hàng năm hệ thống PCCC của trường được công an PCCC thành phố Thủ Đức kiểm tra, đánh giá đạt yêu cầu (***5.1.07 - Sơ đồ bố trí dụng cụ PCCC, nội quy PCCC; 5.1.08 - Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy***).

Trong các phòng học đều có nội quy quy định việc vận hành và bảo quản các trang thiết bị nhằm đảm bảo hoạt động bình thường và an toàn lao động (***5.1.05 - Nội quy sử dụng máy, thiết bị; Nội qui phòng học***).

Để sử dụng thiết bị an toàn và bảo trì bảo dưỡng đúng quy định, Nhà trường đã ban hành Quy định về quản lý sử dụng cơ sở vật chất của trường và ban hành Quyết định số 316/QĐ-CDCT ngày 02/7/2018 về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công (***5.4.01 – Quyết định số 316^a/QĐ-CDCT ngày 02/7/2018***

của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công).

Hệ thống chiếu sáng trong các phòng học phòng thực hành đảm bảo trong suốt quá trình giảng dạy. Hàng năm Trường thực hiện việc kiểm tra an toàn - vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ trong nhà trường (**5.4.02 - Biên bản kiểm tra máy móc, thiết bị phục vụ công tác đào tạo Khoa Ngoại ngữ năm 2019, 2020, 2021**).

Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, chi tiết: Tên thiết bị, thông số kỹ thuật, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng (**5.2.02 - Hồ sơ xuất xứ các máy móc thiết bị thuộc Khoa Ngoại ngữ năm 2019, 2020, 2021**)

Hàng năm thực hiện công tác kiểm kê, nội dung kiểm kê đánh giá về số lượng, đánh giá về chất lượng thực tế, sử dụng thiết bị có đúng mục đích và đề xuất biện pháp xử lý (**5.2.04 – Biên bản kiểm kê tài sản cố định năm 2019, 2020, 2021; 5.2.05 - Báo cáo chi tiết tài sản cố định năm 2019, 2020, 2021**).

Thiết bị được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định: Nhà trường có quy định về việc sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị (**5.4.03 - Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị phục vụ ngành tiếng Anh**).

Công tác bảo trì, bảo dưỡng thực hiện theo định kỳ và đột xuất khi có sự cố (**5.4.04 - Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo hàng năm; 5.4.05 - Báo cáo công tác quản lý, bảo dưỡng các thiết bị cho thực hành và biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng năm 2019, 2020, 2021**).

Hàng năm Nhà trường khảo sát người học về việc nội dung Máy móc, thiết bị đào tạo, vật tư thực tập, vật liệu trong phòng học, xưởng thực hành được bố trí phù hợp, đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh, ngăn nắp, gọn gàng, thuận tiện cho việc giảng dạy và học tập, môi trường, cảnh quan của phòng học, xưởng thực hành, giảng đường an toàn, thân thiện cho việc giảng dạy, học tập và sinh hoạt. Cụ thể như sau:

Năm 2018- 2019

T T	Tiêu chí	Số SV có ý kiến				Tỷ lệ phần trăm (%)			
		1	2	3	4	1	2	3	4
3	Phòng thực hành/ thực tập cho các môn học, mô đun được nhà trường bố trí đầy đủ, thoáng mát, đảm bảo đủ ánh sáng và thông gió	2	12	86	171	0.7	4.4	31.7	63.1
4	Diện tích các phòng/ xưởng thực hành đủ rộng, đảm bảo cho hoạt động học tập, rèn luyện.	2	17	83	169	0.7	6.3	30.6	62.4

Năm 2019 – 2020

T T	Tiêu chí	Số SV có ý kiến				Tỷ lệ phần trăm (%)			
		1	2	3	4	1	2	3	4
3	Phòng thực hành/ thực tập cho các môn học, mô đun được nhà trường bố trí đầy đủ, thoáng mát, đảm bảo đủ ánh sáng và thông gió	2	24	73	190	0.7	8.3	25.3	65.7
4	Diện tích các phòng/ xưởng thực hành đủ rộng, đảm bảo cho hoạt động học tập, rèn luyện.	6	29	63	191	2.1	10.0	21.8	66.1

Năm 2020 -2021

T T	Tiêu chí	Số SV có ý kiến				Tỷ lệ phần trăm (%)			
		1	2	3	4	1	2	3	4
3	Phòng thực hành/thực tập cho các môn học, mô đun được nhà trường bố trí đầy đủ, thoáng mát, đảm bảo đủ ánh sáng và thông gió	0	6	40	201	0.0	2.4	16.2	81.4
4	Diện tích các phòng/xưởng thực hành đủ rộng, đảm bảo cho hoạt động học tập, rèn luyện.	1	4	50	192	0.4	1.6	20.2	77.7

Ghi chú: 1- Hoàn toàn không đồng ý 2- Không đồng ý 3- Không ý kiến
4 - Đồng ý 5 - Hoàn toàn đồng ý

Qua kết quả khảo sát cơ sở vật chất phục vụ đào tạo của Trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM được sinh viên ngành Tiếng Anh đánh giá tốt đạt tỷ lệ “Đồng ý” và “Hoàn toàn đồng ý” trên **80%**

(5.4.06 - Kết quả khảo sát các đối tượng có liên quan về thiết bị đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định

Bộ Lao động Thương binh và Xã hội chưa ban hành định mức kinh tế kỹ thuật ngành Tiếng Anh. Trường đã căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc ban hành quy

định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; Trường đã xây dựng và ban hành định mức vật tư đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng cho các nghề Trường đào tạo trong đó có ngành Tiếng Anh (**5.5.01 – Quyết định số 881/QĐ-CDCT ngày 26/7/2019 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành quy định định mức kinh tế kỹ thuật về đào tạo các ngành tại trường CDCT**).

Khoa Ngoại ngữ có văn phòng khoa kết hợp với kho lưu trữ có diện tích 80m² ở dãy nhà D để lưu trữ vật tư, nguyên liệu. Đối với 20 phòng giảng dạy ngành Tiếng Anh dãy nhà B: Các phòng đều được trang bị máy lạnh, máy chiếu, âm thanh, có các giá, tủ để vật tư dụng cụ, các vật tư, dụng cụ, vật liệu được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện trên các giá, tủ và khu vực quy định, đảm bảo nguyên tắc dễ thấy, dễ lấy, dễ sử dụng, các vật tư, dụng cụ, vật liệu chưa sử dụng đều được sắp xếp cất giữ tại kho ngăn nắp gọn gàng, đảm bảo tình trạng kỹ thuật cho việc lưu giữ (**5.1.04 - Các sơ đồ, hình ảnh phòng hội thảo, phòng chuyên đề, phòng tin học, phòng thư viện; 5.1.03 - Hình ảnh bố trí thiết bị tại các phòng thực hành máy tính; tiêu lệnh PCCC, bình PCCC; 5.1.06 - Danh mục thiết bị hiện có của ngành Tiếng Anh**).

Việc cấp phát, thu nhận trang thiết bị, vật tư được quản lý theo một quy trình chặt chẽ đảm bảo tính công khai, minh bạch, các vật tư được mua sắm theo đúng quy trình. Quy trình có 7 bước, quy định rõ từng đơn vị chịu trách nhiệm và các biểu mẫu áp dụng chung cho toàn trường (**5.5.02 - Quy trình cấp phát, thu nhận trang thiết bị hàng hoá, vật liệu**).

Việc cấp phát vật tư thực hiện theo quy trình của trường: đầu học kỳ mới, căn cứ nội dung chương trình môn học, mô đun và sĩ số sinh viên sẽ học các môn học thực hành – phòng lab, Nhà trường sẽ dự trù kinh phí mua sắm vật tư cho các khoa nghề. Khoa tiến hành đề xuất nhu cầu vật tư thực tập theo nội dung bài thực hành – phòng lab và định mức vật tư cấp phát để phục vụ môn học thực hành (**5.5.03 – Các đề xuất nhu cầu vật tư của các đơn vị năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 5.5.04 - Kế hoạch cung ứng vật tư theo kế hoạch đào tạo ngành tiếng Anh**).

Sau khi nhận vật tư, Khoa sẽ mở Sổ theo dõi cấp phát vật tư thể hiện chi tiết vật tư theo từng học kỳ và được Trưởng bộ môn hoặc giảng viên bộ môn ký nhận (**5.5.05 – Hồ sơ xuất nhập vật tư hàng hóa thiết bị năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 5.5.06 - Sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo CTĐT năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**).

Vật tư sau khi nhận được Khoa bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, thuận tiện theo từng chủng loại, nhóm vật tư và được lưu giữ ở những nơi khô ráo, thoáng mát tránh ẩm ướt gây hư hỏng trong quá trình bảo quản. Với các vật tư có chỉ dẫn bảo quản trên bao bì thì phải thực hiện đúng theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Sau khi kết thúc học kỳ và kết thúc năm học, khoa tổng hợp vật tư đã được mua sắm và đối chiếu với sổ theo dõi cấp phát vật tư quản lý số lượng sử dụng thực tế. Số lượng vật tư chưa dùng hết sẽ chuyển sang học kỳ sau, lập kế hoạch mua vật tư cho

học kỳ tiếp theo (**5.5.07 – Báo cáo định kỳ hoạt động các kho và lưu trữ theo học kỳ, năm học**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có Thư viện với diện tích 289m² được bố trí cách biệt với khu giảng đường và các xưởng thực hành, đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát cho bạn đọc tham khảo tài liệu, thư viện gồm có:

TT	Loại phòng	ĐVT	Số lượng	Dt (m ²)
1	Phòng đọc điện tử	m ²	1	70
2	Phòng đọc cho cán bộ giảng viên	m ²	1	35
3	Phòng đọc cho người học	m ²	2	64
4	Kho sách	m ²	1	120
	Tổng cộng		5	289

(5.6.01 - Thống kê diện tích sử dụng của Thư viện).

Qua các minh chứng: các quyết định ban hành chương trình; danh mục giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt, danh sách thống kê giáo trình/tài liệu cho từng mô đun, môn học của CTĐT cho thấy:

- Chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh trình độ cao đẳng xây dựng năm 2019 có 36 môn học, mô đun, trong đó có 06 môn học chung (Tách ra có 17 giáo trình); 30 môn học cơ sở và chuyên ngành có 37 giáo trình ; mỗi môn học mô đun có 05 cuốn giáo trình được lưu trữ trên thư viện.

- Chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh trình độ cao đẳng xây dựng năm 2021 có 37 môn học, mô đun, trong đó có 06 môn học chung (Tách ra có 17 giáo trình), 31 môn học cơ sở và chuyên ngành có 44 giáo trình; mỗi môn học mô đun có 05 cuốn giáo trình được lưu trữ trên thư viện.

(4.9.01 - Các Quyết định ban hành kèm theo Danh sách giáo trình sử dụng cho các môn học, mô đun năm 2019,2021 và Quyết định của Hiệu trưởng Trường CĐ Công Thương Tp.HCM về việc ban hành danh sách giáo trình được lựa chọn, sử dụng làm tài liệu chính phục vụ công tác giảng dạy và học tập của khoa ngoại ngữ Trường CĐ Công Thương Tp.HCM; 5.6.02 – Danh mục tài liệu tham khảo ngành tiếng Anh được số hóa).

Kiểm tra cơ sở dữ liệu trên phần mềm Quản lý Thư viện cho thấy 100% chương trình môn học môn đùn và giáo trình các môn học mô đùn, sách, tài liệu tham khảo của nghề Tiếng Anh đã được số hóa (**5.6.02 – Danh mục tài liệu tham khảo ngành Tiếng Anh được số hóa; 5.6.03 - Danh mục giáo trình ngành Tiếng Anh được số hóa**).

Hàng năm, Trường đều có báo cáo tổng kết hoạt động của Thư viện nhằm thống kê lại số lượt bạn đọc, lượt mượn – trả sách và các thông tin tổng hợp để hoàn thiện hơn cho thư viện trong những năm học tiếp theo (**5.6.04 – Kế hoạch và Báo cáo đánh giá hoạt động của thư viện hàng năm**).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học về Sách, tài liệu tham khảo, phòng đọc ở Thư viện đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu. Kết quả trên 75% người học đánh giá ở mức độ đồng ý và hoàn toàn đồng ý (**5.6.05 - Đường link khảo sát ý kiến Sinh viên và Giảng viên về thư viện; 5.6.06 - Kết quả khảo sát ý kiến Sinh viên và Giảng viên về thư viện**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện điện tử của Trường được trang bị 01 máy chủ và 10 máy tính để tra cứu tài liệu thư viện, có đường truyền Internet cáp quang tốc độ cao (**5.7.01 - Hợp đồng cung cấp Internet; Tổng Công ty viễn thông viettel; 5.7.02 - Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện**).

Cơ sở dữ liệu điện tử được lưu trong máy chủ quản lý của thư viện điện tử, Học sinh sinh viên có thể tra cứu theo địa chỉ <http://lib.hitu.edu.vn> mục thư viện (**5.7.03 – Hình ảnh sử dụng trang website thư viện điện tử**).

Thư viện Trường có cơ sở dữ liệu điện tử được lưu trong máy chủ quản lý của thư viện điện tử, Nhà giáo và người học có thể tra cứu tài liệu tại thư viện điện tử thông qua tài khoản của Nhà giáo hoặc của Sinh viên. Tại phòng đọc ở tầng 1 của Thư viện được đầu tư 10 máy tính cấu hình cao, được cài đặt phần mềm quản lý, kết nối internet tốc độ cao đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của cán bộ, nhà giáo và người học. Công tác quản lý thư viện được tin học hóa bằng phần mềm quản lý, thuận tiện cho việc theo dõi mượn trả, có máy photo copy, máy scan tốc độ cao nhằm hỗ trợ bạn đọc có nhu cầu nhân bản tài liệu (**5.7.03 – Hình ảnh sử dụng trang website thư viện điện tử; 5.7.02 - Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện**).

Thư viện mở cửa 8 giờ trong ngày và được mở 5 ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6. Bộ phận thư viện có 01 Trưởng phòng và 7 nhân viên, có 06 thành viên đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành quản lý thư viện, nên đội ngũ nhân viên thư viện đã hướng dẫn trực tiếp sử dụng phần mềm tra cứu tài liệu, tổ chức phục vụ bạn đọc

mượn sách về nhà, đọc tại chỗ. Thẻ CBGV, HSSV có thể dùng để mượn sách, tài liệu đọc tại chỗ theo thời gian mở và đóng cửa của thư viện. Ngoài ra, CBGV và HSSV có thể vào thư viện điện tử thông qua tài khoản cá nhân do thư viện trường cấp truy cập trên máy tính để tìm kiếm, tải tài liệu, giáo trình (**5.7.04 - Sổ mượn sách của thư viện; 5.7.05 - Nội quy thư viện; 5.6.02 – Danh mục tài liệu tham khảo ngành tiếng Anh được số hóa; 5.6.03 - Danh mục giáo trình ngành tiếng Anh được số hóa; 5.6.04 - Kế hoạch hoạt động của thư viện hàng năm;**).







Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 2 điểm


Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy

Mô tả, phân tích, nhận định:

Giáo viên có sử dụng các phần mềm để hỗ trợ soạn bài giảng điện tử phục vụ cho hoạt động dạy và học các môn học, mô đun chuyên môn. Do đặc thù nghề là các môn học thiên về tiếng Anh, vì vậy các trang thiết bị như máy chấm công, máy in, photocopy, scan và các thiết bị khác liên quan đến ngành nghề. Ngoài ra, hầu hết các bài giảng được thiết kế bằng chương trình powerpoint hoặc các chương trình có ứng dụng CNTT tương tự để tăng hiệu quả bài giảng. Bên cạnh đó, rất nhiều giảng viên ứng dụng các phần mềm Kahoot, Quizizz... để tạo các câu hỏi trắc nghiệm.

Các phần mềm đang sử dụng để dạy Tiếng Anh, cụ thể như sau:

Mục đích	Logo	Phần mềm ứng dụng	Tên môn học
- Bài tập trắc nghiệm, games tương tác - Tạo các bài khảo sát, giao bài tập về nhà		Kahoot!	- Tất cả các môn học tiếng Anh của Khoa NN
		Quizizz	
		Quizlet	
Tạo các bài tập trực tuyến,		Liveworksheets	
Chia sẻ dữ liệu học tập		Google Drive	
Kiểm tra, khảo sát, thu bài		Google Form	

Mục đích	Logo	Phần mềm ứng dụng	Tên môn học
Soạn bài giảng		Powerpoint	
Ghi âm bài đọc, đoạn hội thoại		Wavosaur	
Cắt file âm thanh		Audacity	
Quản lý các nhóm lớp, gửi thông báo và tài liệu phát tay		Zalo	
Cắt file âm thanh		Online Mp3 cutter	

(5.8.01 - Danh mục các môđun/môn học của CTĐT ngành Tiếng Anh có ứng dụng CNTT; 2.2.03 - Kế hoạch học tập và giảng dạy hàng năm của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.04 - Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.05 - Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên Khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.06 - Kế hoạch giảng dạy của giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.07 - Giáo án giảng dạy của giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.08 - Sổ lên lớp của giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.09 - Sổ tay giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.3.03 - Các ảnh chụp: website kết nối phần mềm Edusoft; truy cập và tra cứu được các thông tin về: tuyển sinh; thời khóa biểu; lịch thi, kiểm tra; tra cứu điểm hết môn, học phần; điểm đánh giá rèn luyện; kết quả công nhận tốt nghiệp; 2.3.06 - Các hình ảnh chụp các bài tập trên liveworksheet, kahoot; 2.5.10 - Bảng điểm của sinh viên các lớp)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 2 điểm

2.2.6 Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

Mở đầu

Nhà trường đã tổ chức các hoạt động nhằm hỗ trợ cho người học thông qua các hoạt động sinh hoạt đầu khoá để cung cấp các thông tin về chương trình đào

tạo ngành tiếng Anh, các chính sách hỗ trợ cho sinh viên, tư vấn nghề nghiệp, hỗ trợ y tế, dịch vụ việc làm, hướng đến khó khăn của người học, hỗ trợ ký túc xá, các dịch vụ ăn uống, thể dục thể thao, khu vui chơi giải trí cho sinh viên.

Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Quản lý sinh viên, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp là bộ phận tham mưu đắc lực, có nhiều khả năng và kinh nghiệm khai thác, cập nhật thông tin và thường xuyên cung cấp cho người học các thông tin về ngành nghề, thị trường lao động và giới thiệu việc làm cho sinh viên tốt nghiệp ra trường.

*** Những điểm mạnh**

Trường cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo, quy chế đào tạo, quy chế công tác học sinh, sinh viên, quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp, nội quy, quy chế của Trường cho người học;

Trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập;

Hàng năm, Nhà Trường cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp; thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

Sinh viên được cung cấp đầy đủ thông tin thông qua các buổi tư vấn nghề nghiệp, qua Website, Facebook, Fanpage của Trường, trên các phương tiện truyền thông đại chúng, tờ rơi, sổ tay sinh viên..., qua đó Nhà trường giới thiệu đến người học những ngành đào tạo, thời gian đào tạo, kế hoạch đào tạo, đồng thời cử các cán bộ có năng lực tư vấn trực tiếp cho người học.

Nhà trường có nhà ăn, căn tin phục vụ ăn uống cho giảng viên và sinh viên đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Khu nội trú được trang bị đầy đủ đèn điện, nước sạch sinh hoạt, nhà vệ sinh, đảm bảo an ninh trật tự và các phương tiện sinh hoạt khác có thể đáp ứng được đầy đủ nhu cầu sinh viên muốn ở nội trú, và thường xuyên được tu bổ, sửa chữa, nâng cấp các thiết bị sử dụng. Để đảm bảo cho sinh viên có môi trường giải trí lành mạnh sau giờ học, ký túc xá có xây dựng sân bóng đá và khu công viên được bố trí các hàng ghế đá và trồng nhiều cây xanh.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho người học được quan tâm đặc biệt, bên cạnh chức năng của bộ phận y tế trong trường, Nhà trường thường xuyên phối hợp với các Bệnh viện Đa khoa khu vực để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho người học thường xuyên và trong các trường hợp khẩn cấp.

Hệ thống wifi đã được trang bị ở một số khu vực giảng dạy.

*** Những tồn tại**

Thư viện chưa hoàn thành số hóa tạo lập thư viện điện tử để tiện lợi cho giảng viên và sinh viên học tập và nghiên cứu. Hệ thống mạng wifi chưa đủ mạnh.

Khu nội trú mặc dù đã được xây dựng khang trang rộng rãi, nhưng số lượng phòng vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu của sinh viên.

Các dịch vụ như chăm sóc sức khoẻ, khu vui chơi giải trí cho sinh viên chưa được đầu tư hiện đại.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Xây dựng hoàn thiện và đưa vào khai thác các công trình phục vụ cho sinh viên, nhà dịch vụ theo đề án trường chất lượng cao đến năm 2025.

Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, hướng nghiệp và kết nối việc làm cho sinh viên, tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nghiệp tham gia vào các hoạt động hỗ trợ sinh viên.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	8
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về CTĐT; quy chế đào tạo; quy chế công tác sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua nghiên cứu hồ sơ tuyển sinh, hằng năm trong quá trình tuyển sinh Nhà trường đã cung cấp đầy đủ các thông tin về chương trình đào tạo khóa học của các nghề, đối tượng tuyển, thời gian đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của người học, cơ hội được học nâng cao và tìm kiếm việc làm... các thông tin này được thể hiện qua các tài liệu phục vụ công tác tuyển sinh (**2.1.02 - Đề án tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021; 2.1.03 - Thông báo tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021**). Các thông tin này được cung cấp cho người học qua nhiều kênh: các đoàn làm công tác tuyển sinh tại các địa phương, thông qua cán bộ giáo viên, HSSV của trường, thông qua các hoạt động giao lưu giữa trường và các trường phổ thông, đăng tải trên trang Website của trường và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Hằng năm sau khi nhập học ổn định, Nhà trường tổ chức sinh hoạt chính trị đầu khóa nhằm giới thiệu đến người học những thông tin chung về Nhà trường và cung cấp cho người học về mục tiêu, chương trình, kế hoạch Đào tạo, các yêu cầu về chuyên môn cần đạt được của từng nghề dưới hình thức lên lớp phổ biến và cung cấp tài liệu cho HSSV; phổ biến các Quy chế đào tạo, quy chế thi và kiểm

tra, đánh giá, điều kiện xét tốt nghiệp, các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học, các nội quy, quy chế của Nhà trường; thông báo hướng dẫn về việc hoàn thiện hồ sơ miễn, giảm học phí, đối tượng được miễn giảm học phí, được hưởng học bổng, trợ cấp xã hội và chế độ nội trú.. và kết thúc đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa, nhà trường có báo cáo kết quả sinh hoạt chính trị đầu khóa hằng năm (**6.1.01 – Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu năm năm 2019, 2020, 2021; 6.1.02 - Các tài liệu cung cấp cho người học khi nhập học và trong quá trình học (Sổ tay HSSV); 2.2.01 - Quyết định số 508/QĐ-CDCT ngày 5/9/2019 ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; 6.1.03 - Ban hành Nội quy Học sinh sinh viên; 6.1.04 - Thông báo về mức thu học phí hằng năm của Trường; 6.1.05 - Các QĐ về việc ban hành quy định cấp học bổng khuyến khích học ngành; Quy định xét, miễn giảm học phí cho Học sinh sinh viên của Trường; 6.1.06 - Quy định chính sách hỗ trợ Học sinh sinh viên Trường CDCT TP.HCM; 6.1.07 - Các văn bản quy định chính sách hỗ trợ Học sinh sinh viên).**

Hằng năm trường có xây dựng kế hoạch lịch sinh hoạt đầu khóa cho HSSV năm 2019, 2020, 2021 (Trích Lịch sinh hoạt đầu khóa năm 2022) của Nhà trường, gồm các nội dung như sau:

TT	Ngày	Thời gian	Nội dung sinh hoạt	Địa điểm
1	9/10/2021	8h00-9h30	Giáo dục các kỹ năng cho sinh viên	Hội trường lầu 6 khu A
2	9/10/2021	10h00-11h30	Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ	Hội trường lầu 6 khu A
3	9/10/2021	13h00-14h30	Giáo dục pháp luật, đạo đức lối sống sinh viên	Hội trường lầu 6 khu A
4	9/10/2021	15h00-16h30	Công tác chính trị tư tưởng, công tác HSSV	Hội trường lầu 6 khu A
5	9/10/2021	16h30-17h00	Viết bài thu hoạch	Hội trường lầu 6 khu A

Đồng thời đầu năm sổ tay HSSV được Nhà trường phát miễn phí cho mỗi em/quyển. Qua xem xét sổ tay HSSV cung cấp các thông tin như sau. Tóm tắt nội dung chính sổ tay HSSV liên quan đến chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học. Cụ thể như sau:

- 1/ Phần thứ nhất: Quá trình hình thành và phát triển Trường
- 2/ Phần thứ hai: Thông tin các ngành, nghề đào tạo của Trường

- Các chương trình đào tạo.
- Chuẩn đầu ra các nghề trường đang đào tạo.

3/ Phần thứ ba: những nội dung liên quan đến học sinh, sinh viên

- **Qui chế đào tạo, thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp.**
- Quy chế Công tác học sinh, sinh viên.
- Quy định Công tác quản lý học sinh, sinh viên ký túc xá.

4/ Các chế độ chính sách cho HSSV

- Chế độ trợ cấp xã hội.
- Chính sách nội trú.
- Chính sách miễn, giảm học phí.
- Học bổng khuyến khích học tập.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM căn cứ vào các văn bản sau:

- Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014.
- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 quy định một số điều và biện pháp thi hành luật Giáo dục nghề nghiệp.
- Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 quy định về điều lệ trường Cao đẳng.
- Nghị quyết số 04/NQ-HĐTCĐCT ngày 06/01/2019 của Hội đồng trường Cao đẳng Công thương TP. Hồ Chí Minh về việc thông qua dự thảo quy chế tổ chức, hoạt động của trường Cao đẳng Công thương TP Hồ Chí Minh.

Trong quy chế quy định cụ thể như sau:

Trường giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động về tư vấn, hỗ trợ đối với người học của trường là phòng Công tác học sinh, sinh viên trực tiếp giải quyết những vấn đề về tư vấn, hỗ trợ người học về các vướng mắc trong thực hiện các quy định của trường cũng như các chính sách của nhà nước (***1.1.03 - Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 07/01/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 656/QĐ-CDCT về***

việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM).

*** Về chính sách miễn giảm học phí:** Nhà trường thực hiện theo quy định miễn giảm học phí theo quy định đối với các trường hợp như gia đình thương binh liệt sĩ, hộ nghèo, dân tộc thiểu số. Trong quá trình hỗ trợ, có đối tượng được hỗ trợ miễn giảm 100%, 70% và 50% học phí (**6.1.04 - Thông báo về mức thu học phí hằng năm của Trường; 6.1.05 - Các QĐ về việc ban hành quy định cấp học bổng khuyến khích học ngành, Quy định xét, miễn giảm học phí cho Học sinh sinh viên của Trường; 6.1.06 - Quy định chính sách hỗ trợ Học sinh sinh viên Trường CDCT TP.HCM; 6.1.07 - Các văn bản quy định chính sách hỗ trợ Học sinh sinh viên**).

*** Về thực hiện chính sách học bổng.**

Hàng năm Trường dành từ 8% đến 15% quỹ học phí làm quỹ học bổng cho học sinh với mức học bổng xác định theo quy chế chi tiêu nội bộ (**3.4.01 – Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021; 6.2.01 - Các QĐ khen thưởng đối với Học sinh sinh viên các năm - Danh sách sinh viên được khen thưởng các năm**).

*** Về chăm sóc y tế cho học sinh:**

Đầu năm, Trường thực hiện chế độ khám sức khỏe cho toàn bộ sinh viên mới nhập học của toàn trường, trong đó có tất cả sinh viên của khoa Ngoại ngữ. Cụ thể như sau: Năm 2020-2021: Khám sức khỏe cho 3.158 học sinh, sinh viên; Năm 2021-2022: Khám sức khỏe cho 3.451 học sinh, sinh viên; Năm 2020-2021: Khám sức khỏe cho 4.052 học sinh, sinh viên; (**6.2.02 - Biểu tổng hợp số liệu học sinh khám sức khỏe đầu khóa các năm 2019, 2020, 2021**).

Trường có bộ phận y tế để khám chữa bệnh cho sinh viên, phòng y tế được trang bị 01 giường khám chữa bệnh, có đầy đủ trang thiết bị, vật tư y tế và danh mục thuốc y tế đảm bảo theo thông tư số 33/2021/TT-BYT quy định về công tác y tế trong CSGD đại học và cơ sở GDNN. Hàng năm Trường có liên kết với Trung tâm y tế phường trong vấn đề chăm sóc sức khỏe (**6.2.03 - Hợp đồng khám sức khỏe hàng năm; 6.2.04 - Biên bản kiểm kê tài sản thiết bị, dụng cụ y tế**).

*** Về tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập:**

Có vấn học tập các lớp thực hiện sinh hoạt lớp hàng tuần theo lịch quy định, trong đó ngoài các nội dung như phổ biến, giải thích về thực hiện các Quy chế trong học tập và sinh hoạt còn thực hiện việc tư vấn giúp đỡ SV về mọi vấn đề liên quan tới việc học tập, sinh hoạt của sinh viên trong Trường như đăng ký để nhận chế độ chính sách đối với người học; đăng ký thực hiện chính sách, vay vốn tín dụng, ưu đãi; tư vấn các nội dung liên quan đến quá trình học tập, rèn luyện, xét điểm rèn luyện, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên (**6.2.05 - Thông báo kết luận giao ban năm 2019, 2020, 2021; 6.2.06 - Các biên bản sinh hoạt lớp năm học 2019, 2020, 2021**).

Hàng năm Trường có báo cáo tổng kết các hoạt động của Trường và đưa ra các phương hướng cho năm học tiếp theo (**1.2.05 - Báo cáo tổng kết năm học hằng năm của Trường**).

Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp trực tiếp tư vấn về việc làm cho sinh viên qua trang web tại địa chỉ <https://www.hitu.edu.vn>. Qua đó để sinh viên có điều kiện tiếp xúc trực tiếp với trung tâm nhằm tìm kiếm việc làm phù hợp với năng lực, chuyên môn của mỗi người.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trường xây dựng kế hoạch, kết nối với các công ty, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng để giới thiệu, tư vấn và giải quyết việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp bằng nhiều hình thức khác nhau như: SV tìm hiểu thông tin tuyển dụng được niêm yết các thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp trên website, thông báo trên bảng tin Trường; tư vấn của doanh nghiệp các buổi khai giảng, bế giảng, qua buổi lễ tốt nghiệp. Mặt khác hằng năm, Phòng Công tác sinh viên của Trường đều có xây dựng, triển khai kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm cho SV và cuối đợt tổ chức ngày hội việc làm, trường có báo cáo tổng kết công tác ngày hội việc làm hằng năm kèm theo hình ảnh ngày hội việc làm (**6.3.01 – Kế hoạch tư vấn giới thiệu việc làm cho Sinh viên năm học 2019, 2020, 2021; 6.3.02 – Danh sách các nhà tuyển dụng tham gia phiên giao dịch việc làm; 6.3.03 - Các thông báo về tuyển dụng lao động của các Doanh nghiệp đăng trên bảng tin nhà trường các năm; 6.3.04 - Các kế hoạch tổ chức khai giảng, bế giảng từ năm 2020-2021; 6.3.05 - Thư mời doanh nghiệp tham dự Lễ tốt nghiệp của HSSV; 6.3.06 – Báo cáo về việc tư vấn và giới thiệu việc làm cho Sinh viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 6.3.07 - Một số hình ảnh về việc tư vấn việc làm và tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp tại trường**).

Ngoài ra, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ Doanh nghiệp phối hợp với Đoàn Thanh niên Trường và Khoa Ngoại ngữ thường xuyên tiếp nhận các thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp, niêm yết lên các bảng tin được bố trí tại các khu vực của Trường, trên website, facebook, Fanpage Trường, đồng thời tiếp nhận các thông tin đăng ký tìm việc của sinh viên có nhu cầu; giới thiệu sinh viên đến đơn vị cần tuyển dụng để tìm hiểu, tham dự phỏng vấn tuyển chọn (**6.3.08 - Danh sách sinh viên đăng ký tìm việc làm; 6.3.9 - Hình ảnh trên website, facebook, Fanpage; 6.3.03 - Các thông báo về tuyển dụng lao động của các Doanh nghiệp đăng trên bảng tin nhà trường các năm**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hoạt động văn hoá, văn nghệ thể dục thể thao và các hoạt động phong trào luôn được Nhà trường quan tâm. Trường xác định đây cũng là công cụ hiệu quả để tuyên truyền chính sách pháp luật và giáo dục kỹ năng cho SV. Trong quy hoạch tổng thể Nhà trường bố trí các khu hoạt động thể dục thể thao và các khu phục vụ các hoạt động vui chơi giải trí cho người học bao gồm: Trường thường xuyên tu bổ, sửa chữa, nâng cấp các thiết bị sử dụng nhằm phục vụ hoạt động về thể chất và sinh hoạt văn hóa cho người học. Để đảm bảo cho sinh viên có môi trường giải trí lành mạnh sau giờ học, ở ký túc xá của Trường có 2 sân bóng đá mi ni với diện tích 1.250m², 02 nhà thi đấu cầu lông với diện tích 250 m²; 04 sân bóng chuyền và sân bóng rổ với diện tích 500 m². Bên cạnh đó, hội trường với diện tích 704 m² gồm có khu vực khán giả, sân khấu, kho dụng cụ, thiết bị, phòng truyền thanh hình ảnh, phòng diễn viên vv... là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ cho sinh viên như chương trình Chào đón Tân sinh viên, Tìm kiếm tài năng sinh viên, Hùng biện Tiếng Anh, Rung chuông vàng, vv.... *(5.1.02 - Hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng; 6.4.01 - Kế hoạch chào đón Tân sinh viên NH 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 6.4.02 - Hình ảnh chương trình chào đón Tân sinh viên NH 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 6.4.03 - Hình ảnh các khu hoạt động và khuôn viên trường, Hình ảnh hoạt động thể dục thể thao, phong trào Đoàn Hội).*

Hàng năm, Nhà trường tổ chức cho học HSSV tham gia các buổi sinh hoạt ngoại khóa, sinh hoạt văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao vào các dịp lễ lớn như ngày truyền thống HSSV 09/1; ngày quốc tế phụ nữ 8/3; ngày thành lập Đoàn TNCS HCM 26/3; ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước 30/4; ngày quốc khánh 2/9; ngày phụ nữ Việt Nam 20/10; ngày Nhà giáo việt Nam 20/11; hiến máu nhân đạo; tuyên truyền phòng chống ma túy, tệ nạn xã hội trong HSSV; trật tự an toàn giao thông; thanh niên tình nguyện thu hút được đông đảo HSSV toàn trường tham gia *(6.4.04 - Kế hoạch và hình ảnh các hoạt động phong trào do Đoàn Khoa Ngoại ngữ tổ chức cho sinh viên ngành Tiếng Anh; 6.4.05 - Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao cho sinh viên).*

Hàng năm Ban chấp hành Đoàn trường đều có xây dựng chương trình công tác Đoàn và phong trào thanh niên, chương trình thể hiện: Nhiệm vụ trọng tâm công tác Đoàn; Một số chỉ tiêu cơ bản; Nội dung và giải pháp về công tác tuyên truyền và giáo dục, tổ chức các phong trào: Phong trào thanh niên tình nguyện, Phong trào tuổi trẻ sáng tạo, Phong trào tuổi trẻ xung kích bảo vệ tổ quốc, Phong trào đồng hành với thanh niên học tập, khởi nghiệp, lập nghiệp; Các hoạt động tham gia cụ thể trong năm cấp trường, cấp tỉnh, các chi đoàn trực thuộc.

Trên cơ sở chương trình Công tác Đoàn và phong trào thanh niên. Đoàn trường hàng năm đều có xây dựng các kế hoạch tổ chức hoạt động văn hóa, văn

nghệ, thể dục thể thao, hoạt động xã hội; kế hoạch hằng năm được thể hiện: Mục đích- yêu cầu; Nội dung- Thời gian- Địa điểm; Tổ chức thực hiện (Ban chấp hành, Các đơn vị Phòng khoa, Trung tâm, Đoàn thanh niên cơ sở và các chi đoàn trực thuộc).

Hàng năm BCH Đoàn khoa Ngoại ngữ đều có báo cáo kết quả Công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học của khoa cho Đoàn trường Cao đẳng Công thương TP. Hồ Chí Minh.

Đồng thời để kịp thời động viên các phong trào trong HSSV, kết thúc mỗi đợt Đoàn trường đều có khen thưởng kịp thời các tập thể lớp và cá nhân HSSV đạt thành tích xuất sắc trong các đợt thi đua (**6.4.06 - Quyết định khen thưởng các hoạt động phong trào trong Học sinh sinh viên**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 2 điểm

2.2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Mở đầu

Hàng năm, Trung tâm Khảo Thí và Đảm Bảo Chất Lượng đều xây dựng và trình Ban Giám Hiệu kế hoạch đảm bảo chất lượng của Trường. Nội dung kế hoạch đều nêu rõ những công việc cần thực hiện để duy trì và phát triển công tác đảm bảo chất lượng xuyên suốt. Một trong những nội dung trong kế hoạch đảm bảo chất lượng là thu thập ý kiến đánh giá của các đối tượng tham gia vào hoạt động đào tạo. TT Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm xây dựng nội dung và tiến hành khảo sát, thu thập ý kiến.

Hoạt động tự đánh giá chất lượng CTĐT, tự đánh giá chất lượng của Trường được thực hiện một cách thường xuyên từ các đơn vị đào tạo đến Hội đồng tự đánh giá của Nhà trường theo đúng quy định.

*** Những điểm mạnh**

Hàng năm có thu thập ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của SV và sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thông qua thực tập doanh nghiệp hàng năm. Việc lấy ý kiến của CBQL, GV và NV về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý, được thực hiện bài bản, khoa học và chuyên nghiệp. Việc thu thập ý kiến của SV về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ cho SV được thực hiện nghiêm túc. Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT theo quy định.

*** Những tồn tại**

Chất lượng các hoạt động giám sát, đánh giá chưa đồng đều do Nhà trường đang hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng.

Việc giữ liên hệ với các sinh viên đã tốt nghiệp còn nhiều khó khăn, đặc biệt là các sinh viên tốt nghiệp đã lâu.

Một số sinh viên sau khi tốt nghiệp làm công việc không đúng với chuyên ngành đã học

* Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động đảm bảo chất lượng, đồng thời xây dựng thêm các bộ công cụ, quy trình mới nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường theo xu thế mới đáp ứng các tiêu chí của trường chất lượng cao.

Tăng cường liên hệ sinh viên thông qua các ngày lễ, kỷ niệm, mời các cựu sinh viên tiêu biểu trong các hoạt động cải tiến CTĐT của Trường, Khoa nhằm nâng cao tính phù hợp kiến thức đào tạo và nhu cầu thực tế doanh nghiệp.

Thường xuyên phối hợp với các doanh nghiệp, tạo liên kết sinh viên và doanh nghiệp thông qua các hoạt động tham quan, thực tập. Đồng thời duy trì quan hệ với các doanh nghiệp đã liên kết, hợp tác thêm các doanh nghiệp mới nhằm đảm bảo tốt hơn đầu ra cho sinh viên.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, trường có kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo kế hoạch của Trung tâm Khảo thí và Bảo đảm chất lượng (**3.5.09 - Kế hoạch**

tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 7.1.01 - Phiếu khảo sát doanh nghiệp các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 7.1.02 - Ảnh chụp Phiếu khảo sát doanh nghiệp về về mức độ đáp ứng của Sinh viên tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp và sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021)

Nhà trường tạo bảng khảo sát bằng Google form và gửi link đến các doanh nghiệp để thực hiện khảo sát về mức độ đáp ứng của sinh viên tốt nghiệp, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021:

- Đường link 2018-2019:

<https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-doanh-nghiep-ve-muc-do-dap-ung-cua-sinh-vien-tot-nghiep-chuan-dau-ra-va-chuong-trinh-dao-tao-nam-hoc-2018-2019-4/>

- Đường link 2019-2020:

<https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-doanh-nghiep-ve-muc-do-dap-ung-cua-sinh-vien-tot-nghiep-chuan-dau-ra-va-chuong-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-4/>

- Đường link 2020-2021:

<https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-doanh-nghiep-ve-muc-do-dap-ung-cua-sinh-vien-tot-nghiep-chuan-dau-ra-va-chuong-trinh-dao-tao-nam-hoc-2020-2021-4/>

Kết quả số doanh nghiệp tham gia khảo sát:

	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Số DN nhà Trường gửi link khảo sát ý kiến	16	15	15
Số DN phản hồi ý kiến khảo sát	15	14	15

(7.1.03 - Danh sách các doanh nghiệp đã lấy ý kiến khảo sát năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021)

Nội dung khảo sát:

1. Đánh giá chuẩn đầu ra và CTĐT thông qua việc tuyển dụng nhân sự

2. Sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Kết quả thu được:

Qua đợt khảo sát thu thập ý kiến của các doanh nghiệp về mức độ đáp ứng công việc của sinh viên tốt nghiệp (SVTN) ngành Tiếng Anh, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Có trên 98,0%

doanh nghiệp đều hài lòng về chất lượng SVTN, về các nội dung nêu ra trong phiếu thu thập ý kiến, cụ thể:

Về Mức độ đáp ứng Kiến thức: nhận thấy các tiêu chí về Kiến thức được 100,0% các Doanh nghiệp đánh giá cao SVTN ngành Tiếng Anh đã và đang làm việc với mức độ “Hài lòng” và “Rất hài lòng”.

Về Mức độ hài lòng về Kỹ năng nghề nghiệp và Kỹ năng khác của SVTN ngành Tiếng Anh đã và đang làm việc tại Doanh nghiệp: Các yếu tố này được trên 93,0% doanh nghiệp đánh giá SVTN ở mức độ “Hài lòng” và “Rất hài lòng”.

Về Mức Thái độ của SVTN ngành Tiếng Anh đã và đang làm việc tại Doanh nghiệp: Các yếu tố này được trên 93,0% doanh nghiệp đánh giá SVTN ở mức độ “Hài lòng” và “Rất hài lòng”.

Nhận xét chung về chương trình đào tạo của trường: 100,0% Doanh nghiệp đánh giá ở mức độ “Đạt yêu cầu” và “Rất đạt yêu cầu”.

Về mức độ hài lòng với chất lượng SV về làm việc tại các Doanh nghiệp: 100,0% Doanh nghiệp đều trả lời hài lòng với Chất lượng SVTN ngành Tiếng Anh về làm việc tại Doanh nghiệp

(7.1.04 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến doanh nghiệp về sinh viên tốt nghiệp ngành Tiếng Anh năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của người tốt nghiệp

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, Nhà trường thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp theo kế hoạch *(3.5.09 - Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 7.2.01 - Phiếu khảo sát Sinh viên tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của Sinh viên tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 7.2.02 - Ảnh chụp Phiếu khảo sát Sinh viên tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của Sinh viên tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021)*

Link khảo sát Sinh viên tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của SVTN:

SV tốt nghiệp năm 2018 – 2019

<https://khaothi.hit.edu.vn/khao-sat-co-ban-voi-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-sau-khi-tot-nghiep-nam-hoc-2018-2019-4/>

SV tốt nghiệp năm 2019 – 2020

<https://khaothi.hit.edu.vn/khao-sat-co-ban-voi-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-sau-khi-tot-nghiep-nam-hoc-2019-2020-4/>

SV tốt nghiệp năm 2020 – 2021

<https://khaothi.hit.edu.vn/khao-sat-co-ban-voi-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-sau-khi-tot-nghiep-nam-hoc-2020-2021-4/>

Trường đã thực hiện điều tra lần vết:

TT	Nội dung	Năm khảo sát		
		2018-2019	2019-2020	2020-2021
1	Số SV tốt nghiệp	158	240	178
2	Số SV tốt nghiệp được khảo sát	154	238	175
3	Tỷ lệ số SV tốt nghiệp được khảo sát /số SV tốt nghiệp (%)	97,5	99,2	98,3

(2.4.08 - Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên TN năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

Kết quả khảo sát:

Qua đợt khảo sát cơ bản thu thập ý kiến về tình hình việc làm của sinh viên ngành Tiếng Anh sau tốt nghiệp, nhìn chung các SVTN đều hài lòng với những gì được đào tạo ở nhà trường: về Giảng viên, về Giáo trình nội dung giảng dạy được cập nhật phù hợp với thực tiễn, về Các kiến thức và kỹ năng nghề được trang bị có phù hợp cho cuộc sống nghề nghiệp của SVTN ... với tỉ lệ trên **97,0%** SVTN trả lời là hài lòng. Tỉ lệ SVTN có việc làm trước 3 tháng chiếm tỉ lệ gần **76,0%**.

Mối liên quan giữa công việc đang làm với ngành nghề mà SVTN đã được đào tạo tại trường, với trên **98,0%** SVTN trả lời là “Công việc phù hợp với ngành nghề được đào tạo” và “Công việc có liên quan một phần đến ngành nghề được đào tạo” và mức độ đáp ứng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành mà khóa đào tạo tại trường đã cung cấp cho SVTN so với yêu cầu hiện tại, được SVTN ngành Tiếng Anh đánh giá mức độ “Rất tốt” và “Tốt” với tỉ lệ trên **97,0%**.

Các tỉ lệ đánh giá trên đã có cải thiện so với các đợt khảo sát SVTN các khóa trước, tuy khả quan so với tình hình kinh tế, xã hội hiện nay, nhưng cần làm thế nào để tỉ lệ SVTN được đào tạo tại trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM khi ra trường có được việc làm đúng với ngành nghề đã được học ở trường đạt tỉ lệ cao hơn. Điều này đòi hỏi toàn nhà trường phải không ngừng cập nhật, cải tiến và nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo.

(7.2.03 - Báo cáo kết quả điều tra lần vết về sinh viên ngành Tiếng Anh sau tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trung tâm KT&ĐBCL có thực hiện khảo sát thu thập ý kiến NG, CBQL Khoa Ngoại Ngữ về công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý; bằng phương pháp sử dụng google drive khảo sát trực tuyến NG, CBQL; công cụ khảo sát là bảng hỏi được thiết lập đúng mục tiêu đợt khảo sát; đường link bảng hỏi được gửi đến từng nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức.

- Nhà trường đã quan tâm đến nâng cao chất lượng hoạt động của trường thông qua việc thu thập ý kiến đánh giá CBQL, nhà giáo về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm CBQL, NG, VC và NLĐ.

- Nhà trường tổ chức thực hiện tốt, nghiêm túc việc thu thập ý kiến đánh giá CBQL, nhà giáo về mức độ đồng ý trên lĩnh vực hoạt động trong trường, trong đó có ý kiến phản hồi về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm CBQL, nhà giáo, viên chức và NLĐ (***3.5.09 - Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021***).

Phương pháp thu thập ý kiến bằng Google form thông qua đường link khảo sát về công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý (***7.3.01 –Phiếu khảo sát Giảng viên, CBQL để thu thập thông tin về dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 7.3.02 – Bản chụp Phiếu khảo sát Giảng viên, CBQL để thu thập thông tin về dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021***)

Đường link khảo sát về công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

Khảo sát viên chức, người lao động 2018 – 2019

<https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-vien-chuc-nguoi-lao-dong-ve-thuc-hien-cac-che-do-chinh-sach-lien-quan-den-day-va-hoc-nam-hoc-2018-2019-4/>

Khảo sát viên chức, người lao động 2019 – 2020

<https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-vien-chuc-nguoi-lao-dong-ve-thuc-hien-cac-che-do-chinh-sach-lien-quan-den-day-va-hoc-nam-hoc-2019-2020-4/>

Khảo sát viên chức, người lao động 2020 – 2021

<https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-vien-chuc-nguoi-lao-dong-ve-thuc-hien-cac-che-do-chinh-sach-lien-quan-den-day-va-hoc-nam-hoc-2020-2021-4/>

Hàng năm Trường khảo sát ý kiến của cán bộ quản lý và giảng viên toàn trường. Thống kê số lượng tham gia khảo sát của cán bộ quản lý và giảng viên khoa Ngoại Ngữ:

T T	Nội dung	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1	Cán bộ quản lý khoa Ngoại Ngữ	3	3	3
	Cán bộ quản lý khoa Ngoại Ngữ được khảo sát và phản hồi	3	3	3
	Tỷ lệ phản hồi/số GV Ngoại Ngữ	100%	100%	100%
2	Giảng viên khoa Ngoại Ngữ	17	16	16
	Giảng viên khoa Ngoại Ngữ được khảo sát và phản hồi	17	16	16
	Tỷ lệ phản hồi/ số giảng viên khoa Ngoại Ngữ	100%	100%	100%

(7.3.04 - Danh sách cán bộ, giảng viên, nhân viên thuộc Khoa Ngoại Ngữ được thu thập ý kiến hàng năm).

Qua đợt khảo sát nhằm ghi nhận ý kiến phản hồi của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức Khoa Ngoại ngữ đang giảng dạy và làm việc tại trường về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý, nhận thấy nhìn chung các nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức Khoa Ngoại ngữ đều đồng ý với các nội dung nêu ra trong phiếu thu thập ý kiến, đa số các tiêu chí đều được đánh giá “Đồng ý” và “Hoàn toàn đồng ý” ở mức tỉ lệ trung bình trên 95,0%. Đây là mức đánh giá khả quan và đáng mừng đối với nhà trường và Khoa Ngoại ngữ. Làm sao sự đánh giá này luôn được duy trì vào những đợt khảo sát tiếp theo. *(7.3.03 – Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trung tâm KT&BDCL xây dựng kế hoạch tổ chức thu thập ý kiến các đối tượng liên quan về các hoạt động bảo đảm chất lượng đào tạo, trong đó có đối tượng Sinh viên ngành Tiếng Anh đang học các năm 2021-2022, 2020-2021, 2020-2021. Trung tâm KT&BDCL sử dụng phương pháp thu thập ý kiến trực tuyến; công cụ thu thập ý kiến là bảng hỏi được thiết lập đúng mục tiêu đợt khảo sát; đường link bảng hỏi được gửi đến từng sinh viên; nội dung bảng hỏi gồm: câu hỏi định lượng và câu hỏi mở; có tiêu chí cụ thể từng nội dung để khảo sát (**3.5.09 - Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 3.3.05 - Danh sách Sinh viên các lớp ngành Tiếng Anh năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 7.4.01 - Ảnh chụp Phiếu khảo sát Sinh viên để thu thập ý kiến về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**).

Link khảo sát sinh viên về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học:

Sinh viên 2018 – 2019

<https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-cao-nam-hoc-2018-2019-4/>

Sinh viên 2019 – 2020

<https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-cao-nam-hoc-2019-2020-4/>

Sinh viên 2020 – 2021

<https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-cao-nam-hoc-2020-2021-4/>

Hàng năm, Nhà trường thực hiện thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học:

TT	Nội dung	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1	Số người học có mặt trong năm	614	486	728
2	Số người học được thu thập ý kiến và phản hồi	271	289	247

3	Tỷ lệ % Số người học được thu thập ý kiến phản hồi/ Số người học có mặt trong năm	44.13%	59.46%	33.92%
---	---	--------	--------	--------

(7.4.02 - Danh sách Sinh viên được khảo sát ý kiến về tuyển sinh, về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

Qua đợt khảo sát lấy ý kiến sinh viên ngành Tiếng Anh về các hoạt động bảo đảm chất lượng đào tạo trong 3 năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, hầu hết các SV đều hài lòng với các hoạt động ở nhà trường: về Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, về Các hoạt động hỗ trợ SV, về Công tác tuyển sinh, về Cơ sở vật chất phục vụ SV, về Chất lượng dịch vụ của Nhà trường, về hoạt động giảng dạy của Giảng viên, về Giáo trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. Tất cả các tiêu chí trên đều được SV ngành Tiếng Anh đánh giá “**Đồng ý**” và “**Hoàn toàn đồng ý**” đạt tỉ lệ trung bình là **94,7%**.

Các tỉ lệ đánh giá trên khá cao, để có sự đánh giá này đòi hỏi toàn nhà trường phải không ngừng cập nhật, cải tiến để duy trì và nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo.

(7.4.03 - Báo cáo kết quả khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học (trong đó có tuyển sinh) năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để nâng cao chất lượng đào tạo ngành Tiếng Anh, khẳng định chất lượng đào tạo, hàng năm Trường có tiến hành tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh năm 2019, 2020, 2021 theo đúng nội dung quy định Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTĐBXH, ngày 8/6/2017 quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Thứ trưởng Bộ LĐĐTĐBXH; Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15/12/2017 quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Thứ trưởng Bộ LĐĐTĐBXH, công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Trường; Khoa Ngoại Ngữ thực hiện báo cáo Tự đánh giá theo kế hoạch *(7.5.01 - Kế hoạch số 405/KH-CDCT, ngày 22/03/2021 về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh trình độ cao đẳng năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng - Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công thương TPHCM);*

thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban soạn thảo báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo (**7.5.04 - Quyết định số 409/QĐ-CDCT ngày 19/04/2021 về việc Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban soạn thảo báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM**). Các thành viên của Hội đồng tự đánh giá chất lượng đảm bảo đúng quy định: gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch, Thư ký và các thành viên khác là đại diện lãnh đạo các đơn vị, cán bộ, nhà giáo có uy tín, đại diện tổ chức đoàn thể đại diện doanh nghiệp.

Từ năm 2020 đến nay Trường đã thực hiện Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh trình độ Cao đẳng, kết quả cụ thể như sau:

Năm	Điểm tự đánh giá	Tiêu chuẩn không đạt
2019	98 điểm	Tiêu chuẩn 2.7
2020	98 điểm	Tiêu chuẩn 2.7
2021	98 điểm	Tiêu chuẩn 2.7

(**7.5.04 - Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Tiếng Anh trình độ cao đẳng năm 2019, 2020, 2021**).

Sau khi thực hiện tự đánh giá theo kế hoạch nhà trường đã tổ chức họp Hội đồng thông qua báo cáo kết quả, thông báo công khai trong toàn trường, gửi về Sở Lao động Thương binh và Xã hội TP.HCM, Tổng cục GDNN và lưu trữ đầy đủ các báo cáo tự đánh giá hàng năm theo quy định. Báo cáo tự đánh giá CTĐT hàng năm được nhà trường công khai cho toàn bộ CBGV và HSSV nhà trường biết và được đăng tải lên website của Trường tại địa chỉ: <https://hitu.edu.vn/> (**1.1.11 – Địa chỉ website của Trường: www.hitu.edu.vn; 7.5.05 – Đường link báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Tiếng Anh trình độ cao đẳng năm 2019, 2020, 2021; 7.5.04 - Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Tiếng Anh trình độ cao đẳng năm 2019, 2020, 2021**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng, CTĐT trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường căn cứ những điểm tồn tại trong báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT của Trường năm 2019, 2020, 2021; Trung tâm KT&ĐBCL và Khoa đã xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh năm 2022 (**2.5.13 - Báo cáo tổng kết năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 7.5.04 - Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Tiếng Anh trình độ cao đẳng năm 2019, 2020, 2021**), qua đó nhà trường đã:

- Xác định được những điểm mạnh, nhận ra những hạn chế trên tất cả các lĩnh vực công tác, từ đó xây dựng các giải pháp để tiếp tục phát triển các điểm

manh và từng bước khắc phục các hạn chế trong việc triển khai chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh.

- Tạo cơ sở để ngành Tiếng Anh đăng ký đánh giá ngoài chính thức, đồng thời thể hiện đúng cam kết của Ngành với xã hội và người học về chất lượng đào tạo phù hợp với Sứ mệnh, Tầm nhìn và Giá trị cốt lõi mà Trường đã công bố.

(7.6.01 - Kế hoạch nâng cao chất lượng chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh năm 2019, 2020, 2021).

Trong kế hoạch đã đặt ra các nội dung cần thực hiện, tiến độ thời gian cụ thể, kết quả thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, Trung tâm KT&ĐCL đã báo cáo, trình Ban giám hiệu duyệt: Cử nhà giáo tham gia học tập bồi dưỡng Chứng chỉ sư phạm dạy bộ môn Tiếng Anh, Tin học, có kế hoạch xin bộ chủ quản tuyển dụng giáo viên để đảm bảo quy định về tỷ lệ HSSV quy đổi/nhà giáo quy đổi; đầu tư mua sắm mới hệ thống máy chiếu, màn hình chiếu, hệ thống âm thanh, cải tiến phòng thí nghiệm nhằm hỗ trợ nghiên cứu khoa học cho cán bộ, giảng viên và sinh viên; Trường đầu tư và tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận thiết bị hiện đại; năm 2020, 2021, khi tình hình Covid diễn biến phức tạp, Nhà trường đã chủ trương đưa chương trình “Ngày hội việc làm” về cho các Khoa tổ chức và thực hiện với nhiều hình thức linh động trực tuyến ... *(2.5.13 - Báo cáo tổng kết năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 7.6.02 - Báo cáo kết quả thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2019, 2020, 2021).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khoa Ngoại Ngữ đã phối hợp cùng Trung tâm KT&ĐCL tiến hành điều tra lần vết người học đã tốt nghiệp bằng cách sử dụng google form khảo sát trực tuyến các Sinh viên đã tốt nghiệp ngành Tiếng Anh trình độ cao đẳng để thu thập thông tin về việc làm, trên cơ sở đó đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp *(2.4.08 - Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên TN năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 3.5.09 - Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 7.2.01- Ảnh chụp Phiếu khảo sát Sinh viên tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của Sinh viên TN năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).*

Về thời gian tìm được việc làm khi tốt nghiệp của sinh viên tốt nghiệp ngành Tiếng Anh

Nội dung khảo sát Thời gian tìm được việc khi tốt nghiệp	2018-2019		2019-2020		2020-2021	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Có việc làm trước khi tốt nghiệp	09	5.8%	22	9.2%	13	7.4%
Dưới 1 tháng	33	21.4%	61	25.6%	39	22.3%
1 – 3 tháng	56	36.4%	74	31.1%	70	40.0%
Trên 3 tháng đến dưới 6 tháng	56	36.4%	81	34.0%	53	30.3%
Tổng cộng	154	100%	238	100%	175	100%

Về việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo

Nội dung	Kết quả khảo sát năm 2018- 2019	Kết quả khảo sát năm 2019- 2020	Kết quả khảo sát năm 2020 – 2021
Tổng số sinh viên tốt nghiệp	158	240	178
Tổng số phiếu khảo sát phát ra	158	240	178
Tỷ lệ khảo sát/ số sinh viên tốt nghiệp	100%	100%	100%
Tổng số phiếu phản hồi khảo sát	154	238	175
Tỷ lệ phản hồi khảo sát/ phiếu phát ra	97.5%	99.2%	98.3%
Số sinh viên tốt nghiệp có việc làm liên quan và phù hợp với chuyên ngành đào tạo	151	235	172
Tỷ lệ người học có việc làm liên quan và phù hợp với ngành, nghề đào tạo/số người học phản hồi khảo sát	98.1%	98.7%	98.3%

(7.2.03 - Báo cáo kết quả điều tra lần vết về sinh viên sau tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tiêu chuẩn 1 - Tiêu chí 7 Trường đạt.

Trung tâm KT&BDCL đã phối hợp cùng Khoa Ngoại Ngữ tiến hành khảo sát doanh nghiệp bằng phương pháp sử dụng google form khảo sát trực tuyến các doanh nghiệp đã và đang tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp (SVTN) ngành Tiếng Anh đang làm việc; thông tin, số liệu cần thu thập được gửi đường link đến từng doanh nghiệp

- Đường link 2018-2019:

<https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-doanh-nghiep-ve-muc-do-dap-ung-cua-sinh-vien-tot-nghiep-chuan-dau-ra-va-chuong-trinh-dao-tao-nam-hoc-2018-2019-4/>- **Đường link 2019-2020:**

<https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-doanh-nghiep-ve-muc-do-dap-ung-cua-sinh-vien-tot-nghiep-chuan-dau-ra-va-chuong-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-4/>

- Đường link 2020-2021:

<https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-doanh-nghiep-ve-muc-do-dap-ung-cua-sinh-vien-tot-nghiep-chuan-dau-ra-va-chuong-trinh-dao-tao-nam-hoc-2020-2021-4/>

Kết quả số doanh nghiệp tham gia khảo sát:

Nội dung	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Số DN nhà Trường gửi link khảo sát ý kiến	15	15	16
Số DN phản hồi ý kiến khảo sát	14	15	15

Kết quả khảo sát doanh nghiệp các năm đã đánh giá ở mức 3. Rất hài lòng và 4. Rất hài lòng chiếm trên 87% (*7.1.05 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của doanh nghiệp về Sinh viên tốt nghiệp ngành tiếng Anh từ năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 7: 2 điểm

PHẦN III

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CTĐT

Qua hoạt động tự đánh giá lần này, Khoa Ngoại ngữ cũng đã thấy rõ những điểm mạnh, nhận ra những hạn chế trên tất cả các lĩnh vực công tác, từ đó xây dựng hệ thống các giải pháp để tiếp tục phát triển các điểm mạnh và từng bước khắc phục các hạn chế. Kết quả này phản ánh trung thực và khách quan những nỗ lực của tập thể CB, Giảng viên, NV của Khoa trong 03 năm qua, trong bối cảnh ĐBCL và KĐCL vẫn đang còn là một lĩnh vực khá mới mẻ. Kết quả tự đánh giá lần này còn là cơ sở để ngành Ngoại ngữ đăng ký đánh giá ngoài chính thức, đồng thời thể hiện đúng cam kết của Ngành với xã hội và người học về chất lượng đào tạo phù hợp với Sứ mệnh, Tầm nhìn và Giá trị cốt lõi mà Trường đã công bố, và trong các năm học tới ngành Tiếng Anh tiếp tục thực hiện một số công việc với mục đích nâng cao chất lượng, cụ thể:

1. Về công tác nhân sự

- Công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên được thực hiện theo kế hoạch, có quy trình và tiêu chuẩn cụ thể, rõ ràng và đúng quy định.
- Giảng viên Khoa Ngoại ngữ đều có năng lực chuyên môn tốt, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.
- Nhà trường có quy định cụ thể đánh giá năng lực của giảng viên đầy đủ, công khai, đảm bảo chính xác và khách quan. Năng lực của giảng viên được đánh giá thường xuyên bởi đồng nghiệp, Ban chủ nhiệm Khoa, Nhà trường và người học.
- Nhà trường đã có đề án vị trí việc làm nhằm quy hoạch chuẩn hoá vị trí việc làm và số lượng người làm việc ở mỗi vị trí. Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của nhân viên hỗ trợ có nhiều cải thiện nhờ công tác đào tạo bồi dưỡng thường xuyên và quá trình học tập nâng cao trình độ. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định và phổ biến công khai. Chính điều này, phần lớn nhân viên đáp ứng được các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; hơn nữa được tạo mọi điều kiện để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.
- Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá. Nhà trường có các quy định và quy trình đánh giá nhân viên phục vụ đào tạo đảm bảo tính công bằng, minh bạch và công khai... Do vậy, có thể đánh giá đúng năng lực của đội ngũ nhân viên.
- Hằng năm, Nhà trường và Khoa luôn quan tâm chú ý tới các nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ này.
- Đội ngũ giảng viên chưa học hàm Tiến sĩ; tỷ lệ giảng viên theo giới tính chưa cân đối. Mặc dù tỉ lệ giảng viên/sinh viên được đảm bảo đủ đáp ứng yêu cầu. Tuy nhiên, số lượng giảng viên chất lượng cao còn hạn chế. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng đến từ các tổ chức, doanh nghiệp còn chưa nhiều. Nguồn tài chính để khuyến khích vật chất, chi trả theo số lượng và chất lượng sản phẩm bị hạn chế, nên ở mức

độ nhất định, việc chi trả thu nhập vẫn mang tính bình quân. Các phân hóa thu nhập để thu hút nhân tài hầu như chưa thực hiện được.

2. Về công tác quản lý đào tạo

- Mục tiêu chương trình đào tạo ngành Ngoại ngữ được xây dựng rõ ràng, cụ thể, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn đã được tuyên bố, đáp ứng được nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

- Mục tiêu giáo dục của Nhà trường và của ngành Ngoại ngữ đã được tuyên bố rõ ràng bằng văn bản, trên website, trong CTĐT. Mục tiêu này được phổ biến tới tất cả các bên liên quan, đặc biệt là các cán bộ, giảng viên và SV thực hiện theo. Mục tiêu này đã được các chuyên gia tại các cơ quan tuyển dụng (các trường đại học, các viện nghiên cứu, một số doanh nghiệp) góp ý, tham gia xây dựng.

- Phòng quản lý đào tạo đã có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định, tổ chức kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp chứng chỉ theo quy định, hồ sơ người học đầy đủ theo quy định.

- SV được GV hướng dẫn phương pháp học tập phù hợp với từng nội dung và từng học phần. SV được chủ động xây dựng kế hoạch học tập cho từng học phần, từng kỳ học phù hợp với bản thân. Người học được tiếp cận với hoạt động NCKH từ năm thứ nhất. Chương trình đào tạo có nhiều hoạt động thực tập, thực hành, thảo luận. Các hoạt động thực tế, thực tập đa dạng. Căn cứ vào các cuộc khảo sát ý kiến của người học, giảng viên, các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng lớp, từng khóa, từng năm học nhằm đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ và cởi mở.

- Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT ngành Ngoại ngữ được xác định rõ ràng, đảm bảo khối lượng kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm. CĐR bao quát được cả yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

- Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các nội dung và thông tin về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; thời gian đào tạo; khối lượng kiến thức toàn khóa học; đối tượng tuyển sinh; quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp; thang điểm; nội dung chương trình đào tạo bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; kế hoạch giảng dạy.

- Chương trình môn học của ngành Tiếng Anh thể hiện đầy đủ các thông tin, được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh và cập nhật, đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu của CTĐT. Trong quá trình biên soạn, cập nhật chương trình môn học đã có sự tham gia của các giảng viên, bộ môn, khoa và Hội đồng KH&ĐT cấp trường.

- Bảng mô tả chương trình môn học các học phần được công bố công khai đến các bên liên quan để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Bản mô tả chương trình môn học ngành được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau như: cập nhật

trên website Nhà trường, tư vấn trực tiếp tại các trường trung học phổ thông, được gửi qua các bảng hỏi điều tra hay gửi đến sinh viên tham gia ngành học trong sổ tay sinh viên.

- Phần mềm Quản lý đào tạo đôi khi bị lỗi, gây khó khăn trong công tác giám sát sự tiến bộ của SV. Đôi khi còn khó khăn trong việc phối hợp giữa cán bộ chuyên trách được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV. Số lượng các hoạt động hỗ trợ, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên năm thứ nhất, năm thứ hai chưa nhiều. Bên cạnh đó, vẫn còn một số tồn tại như các bảng tin xung quanh các phòng làm việc của Khoa chưa được trang trí, trình bày một cách sinh động, thể hiện những nét đặc trưng, riêng biệt của những người học tập, nghiên cứu và giảng dạy Tiếng Anh.

3. Về công tác Khảo thí và Đảm bảo chất lượng

- Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM đã có quy trình, quy định về đánh giá kết quả học tập, có các tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được của CDR. Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp để đo lường mức độ đạt được của CDR.

- Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM đã có các tài liệu hướng dẫn xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học. Các tài liệu này được công bố công khai tới người học qua các kênh thông tin đa dạng như: tuần sinh hoạt công dân; buổi học đầu tiên của mỗi học phần; sổ tay sinh viên; website của Nhà trường; các buổi sinh hoạt lớp... Người học hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả kết quả học tập.

- Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng. Các tiêu chí kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được phân định rõ ràng. Đề thi đảm bảo độ tin cậy được Bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế khoa học, được kiểm chứng. Thang chấm và đáp án chấm đảm bảo sự công bằng và tin cậy khi chấm thi.

- Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM có các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá người học. Các quy định đó được công bố công khai, đúng thời gian quy định đến SV và GV.

4. Về công tác quản trị thiết bị vật tư

- Số lượng và diện tích phòng làm việc và các phòng học được xây dựng mới, đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập của sinh viên, các thiết bị được trang bị phù hợp, đáp ứng yêu cầu của việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

- Thư viện của Trường có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo cho các ngành đào tạo nói chung và ngành Tiếng Anh nói riêng. Thư viện được đầu tư đầy đủ thiết bị để phục vụ các hoạt động nghiệp vụ. Thư viện sử dụng các phần mềm hiện

đại để quản lý tài liệu in và tài liệu số. Thư viện có nguồn tài liệu số hóa rất lớn được bổ sung cập nhật hàng năm.

- Phòng thực hành được trang bị hệ thống máy tính đáp ứng đủ nhu cầu người học; phần mềm phù hợp, tương thích, đồng bộ và được kết nối mạng internet hỗ trợ tốt cho việc giảng dạy và học tập.

- Nhà trường có cảnh quan đẹp, rộng và thoáng mát; công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho cán bộ viên chức, GV và SV được chú ý quan tâm; có hệ thống camera theo dõi và bảo vệ khá chuyên nghiệp; có bộ phận y tế phục vụ nhu cầu sức khỏe cho công chức, viên chức, người lao động và sinh viên.

- Nguồn tài liệu tiếng nước ngoài của ngành Tiếng Anh còn hạn chế. Tài liệu nội sinh chưa nhiều. Nguồn kinh phí dành cho bổ sung tài liệu của ngành Tiếng Anh hàng năm còn ít. Việc chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin với các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp còn ít. Một số thiết bị phòng thực hành của khoa Ngoại ngữ đã sử dụng được nhiều năm; phòng thực hành chưa được đầu tư nâng cấp theo hướng hiện đại, chưa theo kịp xu thế đổi mới của cách mạng công nghiệp 4.0 như việc số hóa cơ sở dữ liệu phục vụ người học và người dạy còn hạn chế

5. Về công tác nghiên cứu khoa học

- Hàng năm, trong khoa có tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành Tiếng Anh tham gia nghiên cứu khoa học, viết giáo trình nội bộ.

- Hàng năm, Khoa có tổ chức cho các giảng viên cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng, các giảng viên đã tham gia đầy đủ và đạt được nhiều kiến thức, kinh nghiệm để phục vụ cho công tác giảng dạy.

- Khoa đảm bảo tất cả các cán bộ quản lý, nhân viên và giảng viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

- Hàng năm, tất cả các cán bộ quản lý, nhân viên và giảng viên hoàn thành các nhiệm vụ do khoa, trường giao.

PHẦN IV

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Xác định rõ tự đánh giá là khâu quan trọng trong hoạt động kiểm định chất lượng của nhà trường nói chung và chất lượng chương trình đào tạo trọng điểm ngành Tiếng Anh nói riêng. Vì nó không chỉ tạo cơ sở cho công tác đánh giá ngoài, mà còn là cơ sở để cải tiến chất lượng.

Quá trình tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh được tiến hành trong bối cảnh thuận lợi: Được lãnh đạo Trường tổ chức tập huấn cụ thể, được Cục khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ cung cấp tài liệu hướng dẫn cụ thể và chi tiết, được chuyên gia tư vấn tận tình, và đặc biệt, công tác tự đánh giá phù hợp với nguyện vọng nâng cao chất lượng chương trình đào tạo của tập thể cán bộ, giảng viên và nhân viên Khoa Ngoại ngữ. Nhưng quá trình tự đánh giá của Khoa cũng gặp không ít khó khăn, đó là những khó khăn của việc lần đầu tiên thực hiện công việc này, mất nhiều thời gian trong việc tìm minh chứng, lúng túng trong việc diễn đạt thể hiện phiếu đánh giá tiêu chí v.v.

Phát huy những thuận lợi cơ bản, vượt qua những khó khăn, đến nay, kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh đã được thực hiện, mang lại hiệu quả to lớn: Tập thể giảng viên Khoa Ngoại Ngữ đã tự thấy rõ những mặt mạnh, những tồn tại của chính mình, từ đó đề ra được kế hoạch hành động cụ thể ngay sau khi tự đánh giá.

Chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh đã đạt được 49/50 tiêu chuẩn của 7 tiêu chí, không đạt 1/50 tiêu chuẩn. Kết quả tự đánh giá, một mặt cho thấy chất lượng của chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh được đảm bảo, để từ đó tự tin và phát huy, mặt khác cho thấy những tồn tại cần thay đổi và nghiêm túc khắc phục.

2. Kiến nghị

Quá trình nghiên cứu, thực hiện tự kiểm định chất lượng CTĐT ngành Tiếng Anh, Khoa Ngoại ngữ thấy rằng các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp: hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình kiểm định khoa học phù hợp với việc đánh giá và cải tiến.

▪ Về công tác nhân sự

+ Tiếp tục rà soát, đổi mới chính sách quản lý nguồn nhân lực để duy trì và phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ cao. Xây dựng kế hoạch tuyển dụng giảng viên theo hướng ưu tiên giảng viên có học hàm, học vị cao; có chế độ ưu đãi thu hút nhân tài phù hợp.

+ Tiếp tục rà soát, đổi mới chính sách quản lý nguồn nhân lực và công tác đánh giá thi đua khen thưởng để khích lệ tinh thần làm việc của giảng viên.

+ Khoa Ngoại ngữ cần chú trọng vào việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, tăng cường ký kết hợp tác để mời thêm chuyên gia từ các tổ chức, doanh nghiệp tham gia giảng dạy một số nội dung của các học phần chuyên ngành.

+ Tiếp tục rà soát hoàn thiện các tiêu chuẩn tuyển dụng để lựa chọn được những giảng viên phù hợp, đáp ứng ngày càng cao các yêu cầu của công việc.

+ Nhà trường và Khoa tiếp tục phối hợp tổ chức thêm các lớp bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho giảng viên nhằm nâng cao khả năng sử dụng ngoại ngữ đặc biệt là Tiếng anh cho cán bộ giảng viên để GV trẻ có điều kiện học tập. Tiếp tục quan tâm tạo điều kiện hỗ trợ, khuyến khích giảng viên tham gia các chương trình đào tạo tiến sĩ trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ cho giảng viên.

+ Tiếp tục rà soát, đổi mới chính sách quản lý nguồn nhân lực để duy trì và phát triển đội ngũ nhân viên giỏi, đồng thời phát huy tinh thần tập thể đoàn kết hỗ trợ giúp đỡ nhau cùng hoàn thành nhiệm vụ.

+ Khoa cần tiến hành khảo sát, đánh giá lại nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ; Lãnh đạo khoa bố trí người hỗ trợ nhân viên trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng nhằm giúp nhân viên trợ lý khoa có thể tham gia đầy đủ các khóa tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

+ Khuyến khích giảng viên đi học nâng cao trình độ trong nước và ngoài nước.

+ Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ kế cận, và tuyển dụng giảng viên phù hợp với yêu cầu của ngành để đáp ứng đúng theo tiêu chuẩn số Sinh viên trên mỗi Giảng viên.

▪ **Về công tác quản lý đào tạo.**

Trường cao đẳng Công Thương TP.HCM kiên trì với đảm bảo và nâng cao chất lượng đầu ra (từ đầu vào thấp), xây dựng thương hiệu, uy tín. Nhà trường nâng cấp phần mềm Quản lý đào tạo. Tạo sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các bộ phận chuyên trách được phân công giám sát nhằm phát triển hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học. Bên cạnh đó, Khoa và Nhà trường định kỳ tổ chức các hoạt động hỗ trợ, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên ít nhất một lần/học kỳ

- Lên kế hoạch tăng cường chất lượng công tác cố vấn học tập. Đồng thời qui định cho cố vấn học tập phải thường xuyên tiếp cận với lớp, động viên hướng dẫn phương pháp học tập, tạo khả năng tiếp cận, với tinh thần tự giác học tập, tự nghiên cứu, hiểu rõ quy chế đào tạo và hoạch định kế hoạch học tập cho cá nhân.

- Thường xuyên tổ chức các hội thảo chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học mỗi năm một lần. Website của Khoa cần mở diễn đàn về đổi mới phương pháp giảng dạy

▪ **Về công tác Khảo thí và Đảm bảo chất lượng**

+ Các học phần có tỷ trọng thực hành nhiều, Khoa/Bộ môn sẽ xây dựng hình thức thi thực hành. Bên cạnh đó, Khoa Ngoại ngữ yêu cầu GV công khai rõ ràng các hình thức, phương pháp đánh giá kết quả người học một cách nhanh chóng, kịp thời từ buổi học đầu tiên của mỗi học phần; Hướng dẫn GV sử dụng phần mềm

Quản lý đào tạo, để kịp thời cập nhật điểm lên phần mềm, giúp người học sớm biết kết quả học tập của mình, có kế hoạch học tập tốt hơn.

+ Xây dựng hệ thống ngân hàng đề bài kiểm tra thường xuyên thống nhất với từng học phần, giảm sự phụ thuộc lớn từng GV trong khâu kiểm tra, đánh giá kết quả.

+ Khoa sẽ tổ chức các buổi tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm cho những CVHT mới, chưa có kinh nghiệm trong công việc tư vấn cho SV. Yêu cầu các cố vấn học tập có sự phối hợp chặt chẽ với khoa, nắm bắt tình hình học tập của SV để có những tư vấn tốt hơn cho SV. Tăng cường mối liên kết, tích cực trao đổi thông tin giữa gia đình và khoa thông qua bán cán sự lớp, CVHT, giáo vụ khoa trong việc hỗ trợ SV học tập tốt hơn nữa.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền quy trình khiếu nại kết quả học tập đến người học. Xây dựng nhiều kênh trao đổi như email, website, trực tiếp, mạng xã hội.

+ Lập kế hoạch đầu tư thêm các trang thiết bị phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học cho cán bộ, giảng viên và SV.

▪ **Về công tác quản trị thiết bị vật tư**

+ Cần tiếp tục tăng cường ngân sách của trường cho đầu tư hoàn thiện CSVC, sửa chữa bảo dưỡng và thay thế kịp thời trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH.

+ Đề xuất Nhà trường tăng cường các đầu sách nước ngoài, đặc biệt là các sách mới xuất bản để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới trong lĩnh vực Ngoại ngữ. Tăng cường đầu tư nâng cấp thực hành theo hướng hiện đại, theo sát nhu cầu thực tế của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0;

+ Đẩy mạnh hơn nữa công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn; chú trọng hơn việc thăm khám sức khỏe cho cán bộ giảng viên, công nhân viên chức và sinh viên trong nhà trường.

▪ **Về công tác nghiên cứu khoa học**

+ Tăng số lượng và chất lượng các đề tài nghiên cứu khoa học, và mở rộng các hoạt động nghiên cứu khoa học.

+ Tăng cường liên hệ với các tổ chức, doanh nghiệp trong việc nhận SV thực tập và nhận các đề tài nghiên cứu, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp. Tìm kiếm và hợp tác thêm nhiều doanh nghiệp để tăng thêm cơ hội việc làm cho người học.

TP.HCM, ngày 15 tháng 11 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

PHỤ LỤC

1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Tiếng Anh trình độ Cao đẳng năm 2021
2. Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Tiếng Anh trình độ Cao đẳng năm 2021
3. Bảng mã minh chứng

Số: 409./QĐ-CDCT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

*Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
ngành Tiếng Anh trình độ cao đẳng năm 2021*

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 2043/QĐ-BCT ngày 06 tháng 03 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh - Trình độ cao đẳng năm 2021 gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh - Trình độ cao đẳng năm 2021 có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội; Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng, Trưởng các đơn vị trong Trường và các thành viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;

- Lưu: VT, TTKT&KĐCL.

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Mạnh Tuấn

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TIẾNG ANH
– TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NĂM 2021**

(Kèm theo quyết định số 409 /QĐ-CDCT, ngày 19/04/2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương Tp. Hồ Chí Minh)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Chức vụ trong Hội đồng
1.	Bùi Mạnh Tuấn	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Đỗ Thị Thanh Thủy	Trưởng khoa Ngoại Ngữ	Phó Chủ tịch
3.	Nguyễn Thị Mộng	Giáo vụ khoa	Thư ký
4.	Trần Minh Nhựt	Giám đốc TT Khảo thí – Kiểm định chất lượng	Ủy viên
5.	Nguyễn Tấn Thắng	Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
6.	Trần Vũ Vượng	Chủ tịch công đoàn, Trưởng phòng Tổ chức hành chính	Ủy viên
7.	Đỗ Thanh Vân	Chuyên gia, TS khoa học giáo dục, Phó GD Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động TP. HCM	Ủy viên
8.	Phan Thị Thu	Tổ trưởng bộ môn Anh văn chuyên ngữ	Ủy viên
9.	Nguyễn Ngọc Châu	Giảng viên	Ủy viên
10.	Phạm Thị Lê Vân	Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ VCA	Ủy viên
11.	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Giáo dục Vương Quốc Anh	Ủy viên

Tổng cộng 11 thành viên.

Số: 405. /KH - CDCT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện tự đánh giá chất lượng năm 2021

1. Mục tiêu tự đánh giá:

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên, nhân viên và học sinh, sinh viên trong toàn trường về tầm quan trọng của quy trình xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng và tự đánh giá chất lượng theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng;

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt, qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu Nhà trường.

2. Công cụ tự đánh giá:

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

- Hướng dẫn kèm theo Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ngày 25 tháng 3 năm 2019 về đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

- Hướng dẫn kèm theo Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ngày 25 tháng 3 năm 2019 về đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp và cao đẳng.

3. Quy trình tự đánh giá:

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo được quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động–Thương Binh và Xã Hội, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và gửi báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp về Cục kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp thuộc Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

4. Nhiệm vụ của Hội đồng tự đánh giá chất lượng:

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng;

- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng;

- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng.

5. Thực hiện tự đánh giá chất lượng:

a) Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

Khoa chuyên ngành chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, như sau:

- Căn cứ vào Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Hướng dẫn kèm theo Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp để thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo;

- Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

- Lấy ý kiến các đơn vị có liên quan thuộc Trường, tổng hợp và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

b) Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, như sau:

- Căn cứ vào Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Hướng dẫn kèm theo Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ngày 25 tháng 3 năm 2019 về đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp và cao đẳng.

- Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư số

28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

- Lấy ý kiến các đơn vị có liên quan thuộc Trường, tổng hợp và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng nhà trường.

• **Phân bổ các đơn vị thực hiện thu thập minh chứng, cung cấp nội dung, số liệu theo tiêu chí, tiêu chuẩn phục vụ công tác tự đánh giá chất lượng:**

a) Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo:

STT	Tiêu chí/ tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Tổ chức - Hành chính	Khoa
3.	Tiêu chuẩn 3	Phòng Tài chính Kế toán	Phòng Quản lý Đào tạo; Khoa
II	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa
3.	Tiêu chuẩn 3	Khoa	Phòng Quản lý Đào tạo
4.	Tiêu chuẩn 4	Khoa	Trung tâm HTSV - QHDN
5.	Tiêu chuẩn 5	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa; Phòng Công tác SV
6.	Tiêu chuẩn 6	Trung tâm Khảo thí - KĐCL	
7.	Tiêu chuẩn 7	Phòng Đào tạo thường xuyên	Khoa
III	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Khoa
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Tổ chức - Hành chính	Khoa
3.	Tiêu chuẩn 3	Khoa	Phòng Tổ chức - Hành chính
4.	Tiêu chuẩn 4	Khoa	Phòng QLKH-CN - HTQT
5.	Tiêu chuẩn 5	Khoa	Phòng QLKH-CN - HTQT
6.	Tiêu chuẩn 6	Khoa	Phòng Quản lý Đào tạo
7.	Tiêu chuẩn 7	Phòng Tổ chức - Hành chính	Khoa
8.	Tiêu chuẩn 8	Phòng Tổ chức - Hành chính	Khoa
IV	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản lý Đào tạo	Phòng Đào tạo thường xuyên
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Quản lý Đào tạo	Phòng Đào tạo thường xuyên
3.	Tiêu chuẩn 3	Phòng Quản lý Đào tạo	Phòng Đào tạo thường xuyên

4.	Tiêu chuẩn 4	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa
5.	Tiêu chuẩn 5	Phòng Tổ chức-Hành chính	Trung tâm Khảo thí - KĐCL
6.	Tiêu chuẩn 6	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa
7.	Tiêu chuẩn 7	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa
8.	Tiêu chuẩn 8	Phòng Đào tạo thường xuyên	Phòng Quản lý Đào tạo
9.	Tiêu chuẩn 9	Phòng QLKHCN - HTQT	Khoa
10.	Tiêu chuẩn 10	Phòng QLKHCN - HTQT	Khoa
11.	Tiêu chuẩn 11	Phòng QLKHCN - HTQT	Khoa
12.	Tiêu chuẩn 12	Phòng QLKHCN - HTQT	Khoa
V	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản trị thiết bị	Khoa
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Quản trị thiết bị	Phòng Quản trị thiết bị
3.	Tiêu chuẩn 3	Phòng Quản trị thiết bị	Phòng Quản trị thiết bị
4.	Tiêu chuẩn 4	Khoa	Phòng Quản trị thiết bị
5.	Tiêu chuẩn 5	Phòng Quản trị thiết bị	Khoa
6.	Tiêu chuẩn 6	Phòng Thông tin Thư viện	Khoa
7.	Tiêu chuẩn 7	Phòng Thông tin Thư viện	Khoa
8.	Tiêu chuẩn 8	Khoa	
VI	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Công tác SV	Phòng Quản lý Đào tạo
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Công tác SV	Khoa
3.	Tiêu chuẩn 3	Trung tâm HTSV - QHDN	Khoa
4.	Tiêu chuẩn 4	Phòng Công tác SV	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
VII	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng		
1.	Tiêu chuẩn 1	Trung tâm Khảo thí-KĐCL	Khoa
2.	Tiêu chuẩn 2	Trung tâm Khảo thí-KĐCL	Khoa
3.	Tiêu chuẩn 3	Trung tâm Khảo thí-KĐCL	Phòng Tổ chức-Hành chính
4.	Tiêu chuẩn 4	Trung tâm Khảo thí- KĐCL	Khoa
5.	Tiêu chuẩn 5	Trung tâm Khảo thí- KĐCL	
6.	Tiêu chuẩn 6	Khoa	Trung tâm Khảo thí- KĐCL
7.	Tiêu chuẩn 7	Khoa	Trung tâm Khảo thí- KĐCL
8.	Tiêu chuẩn 8	Khoa	Trung tâm Khảo thí- KĐCL

b) Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

STT	Tiêu chí/ tiêu	Đơn vị thực hiện
-----	----------------	------------------

	chuẩn	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	TIÊU CHÍ 1. MỤC TIÊU, SỨ MẠNG, TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ		
4.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Tổ chức - Hành chính	
5.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Tổ chức - Hành chính	
6.	Tiêu chuẩn 3	Phòng Tổ chức - Hành chính	
7.	Tiêu chuẩn 4	Phòng Tổ chức - Hành chính	
8.	Tiêu chuẩn 5	Phòng Tổ chức - Hành chính	
9.	Tiêu chuẩn 6	Phòng Tổ chức - Hành chính	
10.	Tiêu chuẩn 7	Trung tâm Khảo thí - KĐCL	
11.	Tiêu chuẩn 8	Trung tâm Khảo thí - KĐCL	
12.	Tiêu chuẩn 9	Văn phòng Đảng ủy	
13.	Tiêu chuẩn 10	Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Phòng Tổ chức - Hành chính
14.	Tiêu chuẩn 11	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn phòng Đảng ủy
15.	Tiêu chuẩn 12	Phòng Tổ chức - Hành chính	
II	TIÊU CHÍ 2. HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản lý Đào tạo	
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Quản lý Đào tạo	
3.	Tiêu chuẩn 3	Phòng Quản lý Đào tạo	
4.	Tiêu chuẩn 4	Phòng Quản lý Đào tạo	
5.	Tiêu chuẩn 5	Phòng Quản lý Đào tạo	Các khoa, Trung tâm Khảo thí - KĐCL
6.	Tiêu chuẩn 6	Phòng Quản lý Đào tạo	Các khoa
7.	Tiêu chuẩn 7	Các khoa	Phòng Quản lý Đào tạo
8.	Tiêu chuẩn 8	Trung tâm Khảo thí - KĐCL	
9.	Tiêu chuẩn 9	Phòng Quản lý Đào tạo	Các khoa
10.	Tiêu chuẩn 10	Trung tâm Khảo thí - KĐCL	
11.	Tiêu chuẩn 11	Trung tâm Khảo thí - KĐCL	Các khoa
12.	Tiêu chuẩn 12	Phòng Quản lý Đào tạo	
16.	Tiêu chuẩn 13	Các khoa	
17.	Tiêu chuẩn 14	Phòng Quản lý Đào tạo	
18.	Tiêu chuẩn 15	Phòng Quản lý Đào tạo	
19.	Tiêu chuẩn 16	Phòng Đào tạo thường xuyên	
20.	Tiêu chuẩn 17	Phòng Quản lý Đào tạo	Trung tâm Khảo thí - KĐCL
III	TIÊU CHÍ 3. NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Tổ chức - Hành chính	

2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Tổ chức - Hành chính	Các đơn vị trong trường
3.	Tiêu chuẩn 3	Phòng Tổ chức - Hành chính	Các khoa
4.	Tiêu chuẩn 4	Phòng Tổ chức - Hành chính	Các đơn vị trong trường
5.	Tiêu chuẩn 5	Phòng Quản lý đào tạo	Các khoa
6.	Tiêu chuẩn 6	Các khoa	
7.	Tiêu chuẩn 7	Phòng Tổ chức - Hành chính	
8.	Tiêu chuẩn 8	Phòng Tổ chức - Hành chính	Phòng Quản lý đào tạo
9.	Tiêu chuẩn 9	Các khoa	
10.	Tiêu chuẩn 10	Phòng Tổ chức - Hành chính	Phòng Quản lý đào tạo
11.	Tiêu chuẩn 11	Phòng Tổ chức - Hành chính	
12.	Tiêu chuẩn 12	Phòng Tổ chức - Hành chính	
13.	Tiêu chuẩn 13	Phòng Tổ chức - Hành chính	
14.	Tiêu chuẩn 14	Phòng Tổ chức - Hành chính	
15.	Tiêu chuẩn 15	Phòng Tổ chức - Hành chính	
IV	TIÊU CHÍ 4: CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản lý Đào tạo	
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Quản lý Đào tạo	Các khoa
3.	Tiêu chuẩn 3	Phòng Quản lý Đào tạo	Các khoa
4.	Tiêu chuẩn 4	Phòng Quản lý Đào tạo	Các khoa
5.	Tiêu chuẩn 5	Phòng Quản lý Đào tạo	
6.	Tiêu chuẩn 6	Phòng Đào tạo thường xuyên	
7.	Tiêu chuẩn 7	Phòng Quản lý Đào tạo	Các khoa
8.	Tiêu chuẩn 8	Phòng Quản lý Đào tạo	
9.	Tiêu chuẩn 9	Phòng Đào tạo thường xuyên	
10.	Tiêu chuẩn 10	Phòng QLKH-CN & HTQT	Các khoa
11.	Tiêu chuẩn 11	Phòng QLKH-CN & HTQT	
12.	Tiêu chuẩn 12	Phòng Quản lý Đào tạo	
13.	Tiêu chuẩn 13	Trung tâm Khảo thí - KĐCL	
14.	Tiêu chuẩn 14	Trung tâm Khảo thí - KĐCL	
15.	Tiêu chuẩn 15	Phòng Quản lý Đào tạo	Phòng Thư viện
V	TIÊU CHÍ 5: CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO & THƯ VIỆN		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản trị thiết bị	
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Quản trị thiết bị	
3.	Tiêu chuẩn 3	Phòng Quản trị thiết bị	
4.	Tiêu chuẩn 4	Phòng Quản trị thiết bị	
5.	Tiêu chuẩn 5	Phòng Quản trị thiết bị	Các khoa
6.	Tiêu chuẩn 6	Phòng Quản trị thiết bị	Các khoa

7.	Tiêu chuẩn 7	Phòng Quản trị thiết bị	Các khoa
8.	Tiêu chuẩn 8	Phòng Quản trị thiết bị	Các khoa
9.	Tiêu chuẩn 9	Phòng Quản trị thiết bị	Các khoa
10.	Tiêu chuẩn 10	Phòng Quản trị thiết bị	Các khoa
11.	Tiêu chuẩn 11	Phòng Quản trị thiết bị	Các khoa
12.	Tiêu chuẩn 12	Phòng Quản trị thiết bị	Các khoa
13.	Tiêu chuẩn 13	Phòng Thư viện	
14.	Tiêu chuẩn 14	Phòng Thư viện	
15.	Tiêu chuẩn 15	Phòng Thư viện	
VI	TIÊU CHÍ 6: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ & HỢP TÁC QUỐC TẾ		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng QLKHCN & HTQT	
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng QLKHCN & HTQT	
3.	Tiêu chuẩn 3	Phòng QLKHCN & HTQT	
4.	Tiêu chuẩn 4	Phòng QLKHCN & HTQT	
5.	Tiêu chuẩn 5	Phòng QLKHCN & HTQT	
VII	TIÊU CHÍ 7: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Tài chính - Kế toán	
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Tài chính - Kế toán	
3.	Tiêu chuẩn 3	Phòng Tài chính - Kế toán	
4.	Tiêu chuẩn 4	Phòng Tài chính - Kế toán	
5.	Tiêu chuẩn 5	Phòng Tài chính - Kế toán	
6.	Tiêu chuẩn 6	Phòng Tài chính - Kế toán	
VIII	TIÊU CHÍ 8: DỊCH VỤ NGƯỜI HỌC		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Công tác SV	Phòng Quản lý Đào tạo
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Công tác SV	
3.	Tiêu chuẩn 3	Phòng Công tác SV	
4.	Tiêu chuẩn 4	Phòng Công tác SV	
5.	Tiêu chuẩn 5	Phòng Quản lý Ký túc xá	
6.	Tiêu chuẩn 6	Phòng Tổ chức - Hành chính	Phòng Quản trị thiết bị
7.	Tiêu chuẩn 7	Phòng Công tác SV	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
8.	Tiêu chuẩn 8	Trung tâm HTSV - QHDN	Các khoa
9.	Tiêu chuẩn 9	Trung tâm HTSV - QHDN	
IX	TIÊU CHÍ 9: GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG		
1.	Tiêu chuẩn 1	Trung tâm Khảo thí - KĐCL	
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Tổ chức - Hành chính	
3.	Tiêu chuẩn 3	Trung tâm Khảo thí - KĐCL	

4.	Tiêu chuẩn 4	Trung tâm Khảo thí - KĐCL	
5.	Tiêu chuẩn 5	Trung tâm Khảo thí - KĐCL	
6.	Tiêu chuẩn 6	Trung tâm Khảo thí - KĐCL	Phòng Quản lý Đào tạo

6. Nội dung công việc - thời gian thực hiện

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện
Từ 15/3/2021 đến 31/3/2021	- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng - Thành lập Hội đồng tự đánh giá - Phân công các đơn vị phụ trách theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá	- TTKT& KĐCL
Từ 01/4 đến 15/4/2021	- Tập huấn cho các thành viên Hội đồng tự đánh giá	- TTKT& KĐCL - Chuyên gia
Từ 16/4 đến 30/4/2021	- Nghiên cứu Báo cáo tự đánh giá mẫu; - Nghiên cứu bộ minh chứng mẫu;	- Khoa (CTĐT) - TTKT&KĐCL (CSGDNN)
Từ 01/5 đến 15/6/2021	- Viết dự thảo (lần 1) báo cáo tự đánh giá.	- Khoa viết báo cáo tự đánh giá CTĐT; - TTKT&KĐCL hỗ trợ chuyên môn
Ngày 16/6 đến 15/07/2021	- Thu thập minh chứng theo dự thảo (lần 1) báo cáo tự đánh giá	- Ban thu thập minh chứng
Ngày 16/7 đến 30/07/2021	- Tập huấn, góp ý, chỉnh sửa, bổ sung bản dự thảo (lần 1) báo cáo tự đánh giá theo tiêu chí, tiêu chuẩn đã được phân công	- Chuyên gia
Từ ngày 01/8 đến 15/8/2021	- Tổng hợp, chỉnh sửa, hoàn thành bản dự thảo (lần 2) báo cáo tự đánh giá chất lượng	- Khoa chỉnh sửa báo cáo; - TTKT&KĐCL hỗ trợ chuyên môn
	- Tiếp tục bổ sung minh chứng (nếu có)	- Ban thu thập minh chứng
Từ ngày 16/8 đến 30/8/2021	- Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá chất lượng - Tổng hợp, thống kê, sao lưu minh chứng	- Khoa hoàn thiện báo cáo; - TTKT&KĐCL hỗ trợ Tổng hợp, thống kê, sao lưu minh chứng

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện
Từ ngày 01/9 đến ngày 07/9/2021	- Lấy ý kiến các đơn vị có liên quan tổng hợp và hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng.	- Thư ký Hội đồng
Từ ngày 08/9 đến 10/09/2021	- Phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng. - Họp công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng.	- Hiệu trưởng - Các thành viên Hội đồng;
Từ 11/9 đến 15/12/2021	- Tổ chức Kiểm định chất lượng	

7. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng chi từ nguồn dự toán chi ngân sách thường xuyên và nguồn thu hợp pháp của Nhà trường.

- Công tác thực hiện tự đánh giá chất lượng là nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường năm 2021, là tiêu chí quan trọng để xếp loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân. Yêu cầu tất cả các Phòng, ban, khoa và đơn vị thuộc trường phải tổ chức thực hiện nghiêm túc và đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra. /.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, TTKT&KĐCL.



Bùi Mạnh Tuấn

BẢNG MÃ MINH CHỨNG NGÀNH TIẾNG ANH

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
1	1	1	1.1.01		Quyết định số 5945/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 27 tháng 12 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp II trên cơ sở Trường Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Nhẹ Thủ Đức
2			1.1.02		Quyết định số 418/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 01 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp II thành Trường Cao đẳng Công thương Thành phố Hồ Chí Minh
3			1.1.03		Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM
4			1.1.04		Báo cáo nhu cầu nhân lực các năm 2018, 2019, 2019, 2020, 2021
5			1.1.05		Kế hoạch số 454a/KH-CDCT ngày 17/04/2019 về Kế hoạch điều chỉnh chương trình đào tạo Cao đẳng theo Hệ thống giáo dục nghề nghiệp

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
6			1.1.06		Quyết định số 164/QĐ-CDCT ngày 07/5/2019 thành lập Tổ biên soạn chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh năm 2019 Quyết định số 536/QĐ-CDCT ngày 15/5/2020 Quyết định thành lập Tổ xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo chất lượng cao ngành ngành tiếng Anh
7			1.1.07		Quyết định thành lập Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh năm 2019 Quyết định số 528/QĐ-CDCT ngày 03/09/2021 thành lập Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh năm 2021
8			1.1.08		Quyết định số 366/QĐ-CDCT ngày 08/07./2019 ban hành CTĐT ngành Tiếng Anh năm 2019
9			1.1.10		Địa chỉ website của Trường: www.hitu.edu.vn
10			1.1.11		Các ấn phẩm, tờ rơi, chứng nhận phát sóng, bài báo giới thiệu về trường hàng năm
11			1.1.12		Hình ảnh yêu cầu tuyển dụng người lao động được đào tạo từ ngành Tiếng Anh của các doanh nghiệp,

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
12			1.1.13		Thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp hàng năm
13			1.1.14		Quy hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến 2023-2030- Tầm nhìn đến năm 2045
14			1.1.15		Quyết định số 2631/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến 2020 và tầm nhìn 2025
15			1.1.16		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 195/2017/GCNĐKHD- TCGDNN ngày 28/06/2017 của Tổng cục Dạy nghề.
16	1	2		1.1.03	Quyết định số 52/QĐ-CĐCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM Quyết định số 16/QĐ-CĐCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
17			1.2.01		Quyết định số 656/QĐ-CĐCT ngày 1/11/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM
18			1.2.02		Quyết định 25/QĐ-CĐCNII ngày 22/03/2007 về việc thành lập Khoa NN thuộc Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM
19			1.2.03		Kế hoạch công tác năm Khoa NN năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
20			1.2.04		Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của Khoa NN năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
21			1.2.05		Báo cáo tổng kết hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021;
22			1.2.06		Các Quyết định công nhận danh hiệu thi đua của tập thể, cá nhân Khoa NN từ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
23	1	3	<i>1.3.01</i>		Định mức kinh tế kỹ thuật ngành tiếng Anh năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
24			<i>1.3.02</i>		Định mức chi tối thiểu cho một sinh viên năm 2019, 2020, 2021
25			<i>1.3.03</i>		Báo cáo tài chính năm 2019, 2020, 2021
26			<i>1.3.04</i>		Biên bản xét duyệt quyết toán và thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách các năm 2019, 2020, 2021
27			<i>1.3.05</i>		Bảng tổng hợp thu chi ngành Tiếng Anh các năm 2019, 2020, 2021
28	2	1		<i>1.1.16</i>	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 195/2017/GCNĐKHĐ-TCDN ngày 28/06/2017 của Tổng cục Dạy nghề

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
29			2.1.01		Quyết định số 70/QĐ-CĐCT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy 2020 Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 27/2/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 265/QĐ-CĐCT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy 2021 Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 27/2/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM Quyết định số 536a/QĐ-CĐCT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy 2022 Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 27/2/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM
30				1.1.10	Địa chỉ website của Trường: www.hitu.edu.vn
31			2.1.02		Đề án tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021
32			2.1.03		Kế hoạch tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
33			2.1.04		Thông báo tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021
34			2.1.05		Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021
35			2.1.06		Quyết định thành lập ban thư ký tuyển sinh, ban truyền thông năm 2019, 2020, 2021
36			2.1.07		Biên bản họp hội đồng xét tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021
37			2.1.08		Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển năm 2019, 2020, 2021
38			2.1.09		Quyết định biên chế các lớp và quyết định thí sinh đã trúng tuyển năm 2019, 2020, 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
39			2.1.10		Báo cáo công tác tuyển sinh, tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021
40			2.1.11		Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật trong việc quản lý, điều hành công tác tuyển sinh, quản lý đào tạo năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
41			2.1.12		Ảnh chụp tra cứu kết quả tuyển sinh năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
42			2.1.13		Hồ sơ thí sinh trúng tuyển nhập học ngành Tiếng Anh năm 2019, 2020, 2021
43			2.1.14		Sổ tay sinh viên
44	2	2	2.2.01		Quyết định số 508/QĐ-CDCT ngày 5/9/2019 ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
45				1.1.08	Quyết định số 366/QĐ-CDCT ngày 08/07./2019 ban hành CTĐT ngành Tiếng Anh năm 2019
46				1.1.16	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 195/2017/GCNĐKHĐ-TCDN ngày 28/06/2017 của Tổng cục Dạy nghề
47			2.2.03		Kế hoạch học tập và giảng dạy hàng năm của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
48			2.2.04		Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
49			2.2.05		Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên Khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
50			2.2.06		Kế hoạch giảng dạy của giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
51			2.2.07		Giáo án giảng dạy của giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
52			2.2.08		Sổ lên lớp của giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
53			2.2.09		Sổ tay giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
54				1.3.07	Tập biên bản thanh kiểm tra về công tác đào tạo năm 2019, 2020, 2021
55				1.3.08	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
56			2.2.10		Kế hoạch dự giờ, Phiếu dự giờ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
57			2.2.11		Báo cáo kết quả dự giờ, đánh giá giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
58			2.2.12		Báo cáo tổng kết năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 của Khoa Ngoại Ngữ, Phòng Khảo thí và kiểm định chất lượng.
59	2	3		1.2.02	Quyết định 25/QĐ-CĐCNII ngày 22/03/2007 về việc thành lập Khoa NN thuộc Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM
60				1.1.03	Quyết định số 52/QĐ-CĐCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/2/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CĐCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM
61				1.1.08	Quyết định số 366/QĐ-CĐCT ngày 08/07./2019 ban hành CTĐT ngành Tiếng Anh năm 2019
62				2.2.03	Kế hoạch học tập và giảng dạy hàng năm của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
63				2.2.04	Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
64				2.2.05	Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên Khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
65				2.2.06	Kế hoạch giảng dạy của giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
66				2.2.07	Giáo án giảng dạy của giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
67				2.2.08	Sổ lên lớp của giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
68				2.2.09	Sổ tay của giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
69			2.3.01		Thông báo số 87/TB - CDCT ngày 07/5/2021 V/v dạy học online, phòng chống dịch Covid -19
70			2.3.02		Chương trình đào tạo ngành tiếng Anh năm 2019
71			2.3.03		Chương trình môn học các môn chuyên ngành tiếng Anh theo CTĐT năm 2019
72			2.3.04		Giáo án điện tử các môn học chuyên ngữ
73			2.3.05		File âm thanh và các video dạy môn Phiên dịch, Phiên dịch thương mại, Nghe 1,2 và Nghe thương mại
74			2.3.06		Hình chụp các bài tập, bài kiểm tra, trò chơi, .. được thiết kế sử dụng các phần mềm hỗ trợ giảng dạy

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
75			2.3.07		Hợp đồng gói thầu: phần mềm quản lý đào tạo của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM với Công ty TNHH Công nghệ Anh Quân
76			2.3.08		Các ảnh chụp: website kết nối phần mềm Edusoft; truy cập và tra cứu được các thông tin về: tuyển sinh; thời khóa biểu; lịch thi, kiểm tra; tra cứu điểm hết môn, học phần; điểm đánh giá rèn luyện; kết quả công nhận tốt nghiệp
77	2	4	2.4.01		Biên bản ghi nhớ hợp tác với doanh nghiệp về việc cho sinh viên thực hành, thực tập tại các doanh nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
78			2.4.02		Kế hoạch cho học sinh sinh viên đi thực tập tại các đơn vị năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
79			2.4.03		Các Quyết định về việc cử sinh viên đi thực hành, thực tập tại doanh nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
80			2.4.04		Danh sách phân công giảng viên hướng dẫn thực tập tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
81			2.4.05		Chương trình môn học thực tập tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
82			2.4.06		Báo cáo thực tập và hình ảnh của sinh viên thực tập tại doanh nghiệp năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
83			2.4.07		Bảng điểm môn học thực tập của sinh viên năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
84				2.3.02	Chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh năm 2019
85			2.4.08		Kế hoạch cho sinh viên đi tham quan thực tế tại các doanh nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
86			2.4.09		Báo cáo tham quan thực tế tại doanh nghiệp của sinh viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
87				2.2.12	Báo cáo tổng kết năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 của Khoa Ngoại Ngữ, Phòng Khảo thí và kiểm định chất lượng
88				2.3.02	Chương trình đào tạo ngành tiếng Anh năm 2019
89			2.4.10		Các Quyết định thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp và các Quyết định công nhận tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
90			2.4.11		Danh sách sinh viên tốt nghiệp ngành tiếng Anh năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
91	2	5		2.2.01	Quyết định số 508/QĐ-CDCT ngày 5/9/2019 ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM
92			2.5.01		Quyết định số 705/QĐ-CDCT ngày 10/11/2021 ban hành Quy trình tổ chức thi kết thúc môn học Trường Cao đẳng Công thương TPHCM

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
93			2.5.02		Kế hoạch tổ chức thi, kiểm tra kết thúc môn học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
94			2.5.03		Quyết định thành lập hội đồng thi kết thúc môn năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
95			2.5.04		Quyết định thành lập ban coi thi, ban chấm thi kết thúc môn học năm học học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
96			2.5.05		Danh sách sinh viên dự thi có chữ ký và cán bộ coi thi năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
97			2.5.06		Bài thi lưu KTMH (bản cứng, bản mềm) năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
98			2.5.07		Phiếu chấm bài thi lưu KTMH năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
99			2.5.08		Bảng điểm Sinh viên các môn trong HK năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
100			2.5.09		Ảnh tra cứu điểm trên websie Trường
101				2.3.03	Chương trình môn học các môn chuyên ngành tiếng Anh theo CTĐT năm 2019
102			2.5.10		Bảng điểm đánh giá thường xuyên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
103				1.3.06	Kế hoạch thanh tra đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
104				1.3.08	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
105			2.5.11		Báo cáo thanh tra thi kết thúc môn học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
106			2.5.12		Quyết định số 520/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 V/v ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Công thương thành phố Hồ Chí Minh
107			2.5.13		Bản cứng và mẫu phiếu tự đánh giá rèn luyện năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
108			2.5.14		Ảnh tra cứu điểm rèn luyện trên website của Trường
109			2.5.15		Quyết định số 507/QĐ-CDCT ngày 5/9/2019 về việc ban hành Quy chế in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM
110			2.5.16		Quyết định số 374a/QĐ-CDCT về việc phê duyệt mẫu phôi bằng trung cấp, cao đẳng của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
111				2.4.10	Các Quyết định thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp và các Quyết định công nhận tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
112			2.5.17		Các biên bản họp Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp, công nhận kết quả học tập năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; Bảng thống kê về kết quả tốt nghiệp các khóa năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
113			2.5.18		Quyết định công nhận tốt nghiệp 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
114			2.5.19		Sổ cấp phát bằng
115				1.2.05	Báo cáo tổng kết hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021;
116			2.5.20		Báo cáo Sở LĐTĐXH công tác cấp văn bằng/chứng chỉ hàng năm và báo cáo các trường hợp sai hỏng

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
117			2.5.21		Biên bản kiểm tra và huỷ phôi văn bằng, chứng chỉ bị sai hỏng từ năm 2019 đến 2021
118				2.1.12	Biên bản họp kết luận thanh kiểm tra, giám sát công tác tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ hàng năm
119				2.2.12	Báo cáo tổng kết năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 của phòng QLĐT, Khoa NN
120				2.1.13	Hồ sơ thí sinh trúng tuyển nhập học ngành Tiếng Anh năm 2019, 2020, 2021
121	2	6		2.2.03	Kế hoạch học tập và giảng dạy hàng năm của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
122				2.2.04	Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
123				2.2.05	Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên Khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
124				1.3.06	Kế hoạch thanh tra đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
125				2.2.10	Kế hoạch dự giờ, Phiếu dự giờ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
126				1.3.08	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
127				1.1.05	KH 454a- Kế hoạch điều chỉnh CTĐT Cao đẳng theo hệ thống Giáo dục Nghề Nghiệp
128			2.6.02		Các phụ lục về việc điều chỉnh chương trình môn học

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
129			2.6.03		Phụ lục về điều chỉnh chương trình (Phụ lục 4- Môn đọc 1 và Phụ lục 5- Môn đọc 2)
130				2.1.11	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật trong việc quản lý, điều hành công tác tuyển sinh, quản lý đào tạo năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
131				2.2.12	Báo cáo tổng kết Khoa Ngoại Ngữ, Trung tâm KT&ĐBCL.
132				2.5.11	Báo cáo thanh tra thi kết thúc môn học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
133				1.3.08	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
134				2.2.12	Báo cáo tổng kết Khoa Ngoại Ngữ, phòng QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
135	2	7		1.1.03	Quyết định số 52/QĐ-CĐCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CĐCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM
136				1.1.16	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 195/2017/GCNĐKHĐ-TCDN ngày 28/06/2017 của Tổng cục Dạy nghề
137				2.7.01	Quyết định số 521/QĐ-CĐCT ngày 9/9/2019 ban hành Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục ngành nghiệp của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM):
138	3	1		3.1.01	Danh sách trích ngang giảng viên Khoa Ngoại Ngữ
139				3.1.02	Hồ sơ viên chức Khoa Ngoại Ngữ
140				3.1.03	Danh sách trích ngang các giảng viên dạy các môn học chung

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
141			3.1.04		Danh sách giảng viên thỉnh giảng, giảng viên nước ngoài
142			3.1.05		Báo cáo kết quả đánh giá trình độ giảng viên Khoa Ngoại Ngữ theo Thông tư 08 năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
143	3	2		3.1.01	Danh sách trích ngang giảng viên Khoa Ngoại Ngữ
144				3.1.02	Hồ sơ viên chức Khoa Ngoại Ngữ
145				3.1.03	Danh sách trích ngang giảng viên dạy các môn học chung
146				3.1.04	Danh sách giảng viên thỉnh giảng, giảng viên nước ngoài

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
147				2.2.05	Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên Khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
148				2.2.06	Kế hoạch giảng dạy của giảng viên Khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
149				2.2.07	Giáo án giảng dạy của giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
150				2.2.08	Sổ lên lớp của giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
151				2.2.12	Kế hoạch dự giờ, Phiếu dự giờ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
152				2.2.13	Báo cáo kết quả dự giờ, đánh giá giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
153				2.2.14	Báo cáo tổng kết phòng QLĐT, Khoa Ngoại Ngữ các năm học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
154			3.2.01		Quyết định số 505/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên
155			3.2.02		- Quyết định số 504/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường CD Công Thương TP.HCM
156			3.2.03		Các quyết định cử đi học tập nâng cao trình độ, thực tập tại doanh nghiệp của giảng viên ngành Tiếng Anh năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
157			3.2.04		Danh sách giảng viên Khoa Ngoại Ngữ nâng cao nghiệp vụ chuyên môn
158			3.2.05		Kỷ yếu hội thảo cấp Khoa các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
159			3.2.06		Bảng tính khối lượng các hoạt động NCKH năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
160			3.2.07		Quyết định về việc công nhận giảng viên dạy giỏi cấp Trường năm 2020
161			3.2.08		Hồ sơ đánh giá và phân loại nhà giáo ngành Tiếng Anh năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
162			3.2.09		Báo cáo kết quả cụ thể đánh giá; phân loại nhà giáo của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
163				2.2.14	Báo cáo tổng kết hàng năm Khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
164	3	3		2.3.02	Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Tiếng Anh sử dụng từ năm học 2019

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
165				1.1.08	Quyết định số 366/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Tiếng Anh năm 2019
166				3.2.02	Quyết định số 504/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường CD Công Thương TP.HCM
167				2.2.06	Kế hoạch giảng dạy của giảng viên Khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
168				2.2.08	Các Sổ lên lớp
169				3.1.01	Danh sách trích ngang của giảng viên Khoa Ngoại Ngữ Khoa Ngoại Ngữ
170			3.3.01		Danh sách Sinh viên các lớp Khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
171				3.1.01	Danh sách trích ngang giảng viên khoa Ngoại Ngữ
172			3.3.02		Thống kê giờ giảng hàng năm của nhà giáo Khoa Ngoại Ngữ năm 2019, 2020, 2021
173			3.3.03		Bảng thanh toán lương hàng năm của giảng viên Khoa Ngoại Ngữ năm 2019, 2020, 2021
174			3.3.04		Bảng thanh toán vượt giờ của giảng viên Khoa Ngoại Ngữ năm 2019, 2020, 2021
175			3.3.05		Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
176	3	4		3.1.01	Danh sách trích ngang giảng viên Khoa Ngoại Ngữ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
177			3.4.01		Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021
178				3.2.05	Kỷ yếu hội thảo cấp Khoa các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
179				3.2.06	Bảng tính khối lượng các hoạt động NCKH năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
180				3.2.07	Quyết định về việc công nhận giảng viên dạy giỏi cấp Trường năm 2020
181			3.4.02		Bằng khen của Bộ Lao động thương binh và xã hội cho giảng viên đạt giải nhất hội thi thiết kế bài giảng trực tuyến trong giáo dục nghề nghiệp toàn quốc năm 2021
182			3.4.03		Giấy khen của Tổng cục trưởng Tổng cục giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận của Sở lao động thương binh xã hội.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
183	3	5		3.4.01	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021
184				1.1.03	Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 07/01/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM
185				3.2.03	Các quyết định cử đi học tập nâng cao trình độ, thực tập tại doanh nghiệp của giảng viên ngành Tiếng Anh năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
186				3.5.01	Công văn số 997/DCT-CT về việc mời giảng viên tham gia đề án ngoại ngữ
187				3.5.02	Công văn số 7639/BCT-TCBT về việc bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên dạy tiếng Anh và giảng viên dạy chuyên môn bằng tiếng Anh
188				3.5.03	Kế hoạch số 215/KH-CDCT về bồi dưỡng năng lực dạy học trực tuyến đợt 2

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
189			3.5.04		Thông báo số 66/ TTHTSD về kế hoạch tập huấn và triển khai chương trình đào tạo Cambridge English Empower và đánh giá trình độ tiếng Anh bằng bài thi Linguaskills
190			3.5.05		Thông báo số 21/TB-CDCT về việc mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm GDNN năm 2020
191				3.2.04	Danh sách giảng viên Khoa Ngoại Ngữ nâng cao nghiệp vụ chuyên môn
192			3.5.06		Chương trình, kế hoạch học tập của giảng viên ngành Tiếng Anh năm 2019, 2020, 2021
193			3.5.07		Các hình ảnh giảng viên tham các lớp tập huấn, khóa học tập, chương trình tham quan học tập từ năm 2020 - 2021
194			3.5.08		Báo cáo kết quả học tập của giảng viên ngành Tiếng Anh sau khi tham gia học tập, bồi dưỡng năm 2019, 2020, 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
195			3.5.09		Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động, sinh viên và doanh nghiệp các năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
196			3.5.10		Link khảo sát Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về chất lượng các khóa học tập, bồi dưỡng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
197			3.5.11		Báo cáo kết quả khảo sát Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về chất lượng các khóa học tập, bồi dưỡng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
198	3	6		1.1.03	Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM
199				3.4.01	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021
200				3.1.01	Danh sách trích ngang viên chức Khoa Ngoại Ngữ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
201			3.6.01		Kế hoạch thực tế tại doanh nghiệp của Giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
202				3.2.03	Các quyết định cử đi học tập nâng cao trình độ, thực tập tại doanh nghiệp của giảng viên ngành Tiếng Anh năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
203			3.6.02		Đề cương thực tập tại doanh nghiệp của giảng viên
204			3.6.03		Báo cáo thực tập tại doanh nghiệp của giảng viên
205	3	7		3.1.02	Hồ sơ viên chức Khoa Ngoại Ngữ
206			3.7.01		Bảng mô tả công việc của giáo vụ khoa Ngoại Ngữ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
207			3.7.02		Quyết định 500/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy định về thực hiện Quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức và người lao động tại trường
208				3.2.08	Hồ sơ đánh giá và phân loại nhà giáo ngành Tiếng Anh năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
209				3.2.09	Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, phân loại viên chức và công nhận danh hiệu thi đua của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
210	3	8		3.1.02	Hồ sơ viên chức Khoa Ngoại Ngữ
211				3.7.01	Bảng mô tả công việc của giáo vụ khoa Ngoại Ngữ
212				1.1.03	Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
213			3.8.01		- Quyết định số 17/QĐ-CDCT ngày 17/01/2019 quy định về đánh giá, phân loại và xét thi đua khen thưởng năm 2019 - Quyết định số 456/QĐ-CDCT ngày 15/07/2021 quy định về đánh giá, phân loại và xét thi đua khen thưởng năm 2021
214				3.2.09	Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, phân loại viên chức và công nhận danh hiệu thi đua của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
215				2.2.14	Báo cáo tổng kết hàng năm Khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
216				1.2.06	Các Quyết định công nhận danh hiệu thi đua tập thể và cá nhân của Khoa Ngoại Ngữ từ năm học 2019 đến 2021
217				3.2.08	Hồ sơ đánh giá và phân loại nhà giáo ngành Tiếng Anh năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
218	4	1	4.1.01		Quyết định số 509/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành quy định, quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT trình độ cao đẳng trường CDCT

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
219				1.1.05	KH số 454a/KH-CDCT ngày 17/04/2019; KH số 394a/KH-CDCT ngày 24/02/2021 về việc biên soạn, rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh
220				1.1.06	Quyết định số 164/QĐ-CDCT ngày 07/5/2019; số 536/QĐ-CDCT ngày 15/05/2020 thành lập Tổ biên soạn chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh
221				1.1.07	Quyết định số 323/QĐ-CDCT ngày 26/06/2019; số 528/QĐ-CDCT ngày 03/09/2021 thành lập Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh
222				1.1.08	Quyết định số 366/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Tiếng Anh năm 2019
223	4	2		1.1.06	Quyết định số 164/QĐ-CDCT ngày 07/5/2019; số 536/QĐ-CDCT ngày 15/05/2020 thành lập Tổ biên soạn chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh
224				1.1.07	Quyết định số 323/QĐ-CDCT ngày 26/06/2019; số 528/QĐ-CDCT ngày 03/09/2021 thành lập Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
225				1.1.08	Quyết định số 366/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Tiếng Anh năm 2019
226			4.2.01		BB họp thẩm định CTĐT ngành Tiếng Anh
227	4	3		2.3.02	Chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh
228				2.3.03	Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của ngành Tiếng Anh năm 2021
229			4.3.01		Đường link khảo sát các đối tượng có liên quan về hoạt động dạy và học Khoa NN năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
230			4.3.02		Báo cáo kết quả điều tra lần vết về sinh viên ngành Tiếng Anh sau tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
231			4.3.03		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến doanh nghiệp về sinh viên tốt nghiệp ngành Tiếng Anh năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
232			4.3.04		Báo cáo kết quả thu thập ý kiến CBQL khoa Tiếng Anh về công tác đảm bảo chất lượng đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
233			4.3.05		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của nhà giáo về chương trình, giáo trình đào tạo và các nội dung khác liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
234	4	4		2.3.03	Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của ngành Tiếng Anh năm 2021
235				2.3.02	Chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh
236	4	5		2.3.03	Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của ngành Tiếng Anh năm 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
237	4	6		2.3.02	Chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh
238				2.3.03	Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của ngành Tiếng Anh năm 2021
239	4	7		1.1.07	Quyết định số 323/QĐ-CDCT ngày 26/06/2019; số 528/QĐ-CDCT ngày 03/09/2021 thành lập Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh
240				4.2.01	BB họp thẩm định CTĐT ngành Tiếng Anh
241				2.3.02	Chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh
242				2.3.03	Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học của ngành Tiếng Anh năm 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
243	4	8	4.8.01		Văn bản ghi nhớ về thỏa thuận hợp tác giữa Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh và Trường Cao đẳng Công thương TP. Hồ Chí Minh ngày 18/4/2018
244			4.8.02		Công văn số 117a/CDCT ngày 15/04/2022 của Trường gửi Đại học Kinh Tế Tp.HCM về việc liên kết mở lớp đại học hệ Vừa làm vừa học tại Trường CD Công Thương Tp.HCM
245			4.8.03		Công văn số 1720/ ĐHKT-ĐTTX ngày 07/9/2021 về việc đồng ý liên kết với Trường CD Công Thương Tp.HCM tuyển sinh các khóa đại học hệ Vừa làm vừa học
246			4.8.04		Quyết định số 2792/QĐ-ĐHKT-ĐTTX ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh V/v ban hành Quy định về việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong đào tạo đại học Vừa làm vừa học của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
247			4.8.05		Chương trình đào tạo liên thông trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Đại học Kinh tế Tp.HCM
248			4.8.06		Thông báo tuyển sinh số 96/TB-ĐHKT-ĐTTX ngày 12/01/2021 về việc Tuyển sinh Khóa Văn bằng 1 Đại học Vừa làm vừa học năm 2021 mở tại Trường Cao đẳng Công thương TP. Hồ Chí Minh

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
249			4.8.07		Các thông báo tuyển sinh liên thông trình độ Đại học
250	4	9	4.9.01		Quyết định ban hành kèm theo Danh sách giáo trình sử dụng cho các môn học, mô đun năm 2021
251			4.9.02		Bản in giáo trình ngành tiếng Anh trình độ cao đẳng
252	4	10		1.1.08	Quyết định số 366/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành CTĐT ngành Tiếng Anh năm 2019
253			4.10.01		Kế hoạch xây dựng, điều chỉnh, bổ sung và biên soạn giáo trình năm 2019, 2020, 2021
254			4.10.02		Quyết định của Hiệu trưởng trường Trường CD Công Thương Tp.HCM về việc thành lập Hội đồng khoa học thẩm định giáo trình đào tạo ngành tiếng Anh

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
255			4.10.03		Phiếu đánh giá giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2019
256			4.10.04		Biên bản thẩm định giáo trình
257				4.9.01	Quyết định ban hành kèm theo Danh sách giáo trình sử dụng cho các môn học, mô đun năm 2021
258				4.9.02	Bản in giáo trình ngành tiếng Anh trình độ cao đẳng
259	4	11		4.10.03	Phiếu đánh giá giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2019, 2021
260				4.10.04	Biên bản thẩm định giáo trình

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
261				4.9.01	Quyết định ban hành kèm theo Danh sách giáo trình sử dụng cho các môn học, mô đun năm 2021
262				4.9.02	Bản in giáo trình ngành tiếng Anh trình độ cao đẳng
263	4	12		4.10.02	Quyết định của Hiệu trưởng trường Trường CD Công Thương Tp.HCM về việc thành lập Hội đồng khoa học thẩm định giáo trình đào tạo ngành tiếng Anh
264				4.10.03	Phiếu đánh giá giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2019, 2021
265				4.10.04	Biên bản thẩm định giáo trình
266				4.9.01	Quyết định ban hành kèm theo Danh sách giáo trình sử dụng cho các môn học, mô đun năm 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
267				4.9.02	Bản in giáo trình ngành tiếng Anh trình độ cao đẳng
268	5	1	5.1.01		Bảng thống kê diện tích sử dụng các phòng học lý thuyết, thực hành, giảng đường phục vụ đào tạo
269			5.1.02		Hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng
270			5.1.03		Hình ảnh bố trí thiết bị tại các phòng thực hành máy tính; tiêu lệnh PCCC, bình PCCC
271			5.1.04		Các sơ đồ, hình ảnh phòng hội thảo, phòng chuyên đề, phòng tin học, phòng thư viện
272			5.1.05		Nội quy sử dụng máy, thiết bị; Nội qui phòng học

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
273			5.1.06		Danh mục thiết bị đào tạo hiện có của ngành Tiếng Anh
274			5.1.07		Sơ đồ bố trí dụng cụ PCCC, nội quy PCCC
275			5.1.08		Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy
276			5.1.09		Hợp đồng cung cấp điện, nước của Trường
277				3.3.07	Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
278			5.1.10		Báo cáo của cơ sở đào tạo đánh giá về mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, phòng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho các CTĐT hàng năm

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
279			5.1.11		Đường link khảo sát ý kiến SV, GV, CBQL về phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, hệ thống điện, nước năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
280			5.1.12		Tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến SV, GV, CBQL về phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, hệ thống điện, nước năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
281	5	2	5.2.01		Hồ sơ xuất xứ các máy móc thiết bị thuộc Khoa Ngoại ngữ năm 2019, 2020, 2021
282			5.2.02		Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị và số lượng hiện có của cơ sở đào tạo với danh mục thiết bị và số lượng tối thiểu
283			5.2.03		Biên bản kiểm kê tài sản cố định năm 2019, 2020, 2021
284			5.2.04		Báo cáo chi tiết tài sản cố định năm 2019, 2020, 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
285	5	3	5.3.01		Quy trình đầu tư mua sắm tài sản (QĐ 195A/QĐ-CDCT ngày 04/11/2021 ban hành Quy trình mua sắm tài sản, CCDC, vật tư
286			5.3.02		Quy chế bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất, thiết bị QĐ 618/QĐ-CDCT ngày 10/10/2022 ban hành Quy trình bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ, đột xuất, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất, thiết bị (lý lịch máy, hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị của ngành Tiếng Anh
287			-	2.1.09	Quyết định biên chế các lớp và quyết định thí sinh đã trúng tuyển năm 2019, 2020, 2021
288			-	3.3.02	Danh sách SV các lớp ngành Tiếng Anh năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
289			-	1.2.03	Kế hoạch công tác năm Khoa NN năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
290			-	2.2.03	Kế hoạch học tập và giảng dạy hàng năm của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
291			-	2.2.04	Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
292			-	2.2.05	Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên khoa Ngoại ngữ theo từng học kỳ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
293	5	4	5.4.01		Quyết định số 316a/QĐ-CDCT ngày 02/7/2018 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công
294			5.4.02		Biên bản kiểm tra máy móc, thiết bị phục vụ công tác đào tạo Khoa Ngoại ngữ năm 2019, 2020, 2021
295			5.4.03		Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị phục vụ ngành tiếng Anh
296			5.4.04		Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo hàng năm

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
297			5.4.05		Báo cáo công tác quản lý, bảo dưỡng các thiết bị cho thực hành và biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng năm 2019, 2020, 2021
298			5.4.06		Kết quả khảo sát các đối tượng có liên quan về thiết bị đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
299	5	5	5.5.01		Quyết định số 881/QĐ-CDCT ngày 26/7/2019 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành quy định định mức kinh tế kỹ thuật về đào tạo các ngành tại trường CDCT
300			5.5.02		Quy trình cấp phát, thu nhận trang thiết bị hàng hoá, vật liệu
301			5.5.03		Các đề xuất nhu cầu vật tư của các đơn vị năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
302			5.5.04		Kế hoạch cung ứng vật tư theo kế hoạch đào tạo ngành tiếng Anh

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
303			5.5.05		Hồ sơ xuất nhập vật tư hàng hóa thiết bị năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
304			5.5.06		Sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo CTĐT năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
305			5.5.07		Báo cáo định kỳ hoạt động các kho và lưu trữ theo học kỳ, năm học
306	5	6	5.6.01		Thống kê diện tích sử dụng của Thư viện
307			5.6.02		Danh mục tài liệu tham khảo ngành tiếng Anh được số hóa
308			5.6.03		Danh mục giáo trình ngành Tiếng Anh được số hóa

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
309			5.6.04		Kế hoạch và Báo cáo đánh giá hoạt động của thư viện hàng năm
310			5.6.05		Đường link khảo sát ý kiến Sinh viên và Giảng viên về thư viện
311			5.6.06		Kết quả khảo sát ý kiến Sinh viên và Giảng viên về thư viện
312	5	7	5.7.01		Hợp đồng cung cấp Internet; Tổng Công ty viễn thông viettel
313			5.7.02		Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện
314			5.7.03		Hình ảnh sử dụng trang website thư viện điện tử

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
315			5.7.04		Sổ mượn sách của thư viện
316			5.7.05		Nội quy thư viện
317	5	8	5.8.01		Danh mục các môđun/môn học của CTĐT ngành Tiếng Anh có ứng dụng CNTT
318				2.2.03	Kế hoạch học tập và giảng dạy hàng năm của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
319				2.2.04	Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
320				2.2.05	Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên Khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
321				2.2.06	Kế hoạch giảng dạy của giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
322				2.2.07	Giáo án giảng dạy của giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
323				2.2.08	Sổ lên lớp của giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
324				2.2.09	Sổ tay giảng viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
325				2.3.03	Các ảnh chụp: website kết nối phần mềm Edusoft; truy cập và tra cứu được các thông tin về: tuyển sinh; thời khóa biểu; lịch thi, kiểm tra; tra cứu điểm hết môn, học phần; điểm đánh giá rèn luyện; kết quả công nhận tốt nghiệp
326				2.3.08	Các hình ảnh chụp các bài tập trên liveworksheet, kahoot).

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
327				2.5.10	Bảng điểm Sinh viên các môn trong HK năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
328	6	1		2.1.02	Đề án tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021
329				2.1.03	Thông báo tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021
330			6.1.01		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu năm năm 2019, 2020, 2021
331			6.1.02		Các tài liệu cung cấp cho người học khi nhập học và trong quá trình học (Sổ tay HSSV)
332				2.2.01	Quyết định số 508/QĐ-CDCT ngày 5/9/2019 ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
333			6.1.03		Ban hành Nội quy Học sinh sinh viên
334			6.1.04		Thông báo về mức thu học phí hằng năm của Trường
335			6.1.05		Các QĐ về việc ban hành quy định cấp học bổng khuyến khích học ngành; Quy định xét, miễn giảm học phí cho Học sinh sinh viên của Trường
336			6.1.06		Quy định chính sách hỗ trợ Học sinh sinh viên Trường CDCT TP.HCM
337			6.1.07		Các văn bản quy định chính sách hỗ trợ Học sinh sinh viên
338	6			1.1.03	Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 07/01/2019 của Hiệu trưởng trường

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
					Cao đẳng Công thương TP.HCM; Quyết định số 656/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công thương TP.HCM
339				3.4.01	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021
340	6	2	6.2.01		Các QĐ khen thưởng đối với Học sinh sinh viên các năm - Danh sách sinh viên được khen thưởng các năm
341			6.2.02		Biểu tổng hợp số liệu học sinh khám sức khỏe đầu khóa các năm 2019, 2020, 2021
342			6.2.03		Hợp đồng khám sức khỏe hàng năm
343			6.2.04		Biên bản kiểm kê tài sản thiết bị, dụng cụ y tế

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
344			6.2.05		Thông báo kết luận giao ban năm 2019, 2020, 2021
345			6.2.06		Các biên bản sinh hoạt lớp năm học 2020, 2021, 2022
346				1.2.05	Báo cáo tổng kết năm học hằng năm của Trường
347	6	3	6.3.01		Kế hoạch tư vấn giới thiệu việc làm cho Sinh viên năm học 2020, 2021, 2022
348			6.3.02		Danh sách các nhà tuyển dụng tham gia phiên giao dịch việc làm
349			6.3.03		Các thông báo về tuyển dụng lao động của các Doanh nghiệp đăng trên bảng tin nhà trường các năm

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
350			6.3.04		Các kế hoạch tổ chức khai giảng, bế giảng từ năm 2020-2022
351			6.3.05		Thư mời doanh nghiệp tham dự Lễ tốt nghiệp của HSSV
352			6.3.06		Báo cáo về việc tư vấn và giới thiệu việc làm cho Sinh viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
353			6.3.07		Một số hình ảnh về việc tư vấn việc làm và tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp tại trường
354			6.3.08		Danh sách sinh viên đăng ký tìm việc làm
355			6.3.09		Hình ảnh trên website, facebook, Fanpage; Các thông báo về tuyển dụng lao động của các Doanh nghiệp đăng trên bảng tin nhà trường các năm

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
356	6	4		5.1.02	Hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng
357			6.4.01		Kế hoạch chào đón Tân sinh viên NH 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
358			6.4.02		Hình ảnh chương trình chào đón Tân sinh viên NH 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
359			6.4.03		Hình ảnh các khu hoạt động và khuôn viên trường, Hình ảnh hoạt động thể dục thể thao, phong trào Đoàn Hội
360			6.4.04		Kế hoạch và hình ảnh các hoạt động phong trào do Đoàn Khoa Ngoại ngữ tổ chức cho sinh viên ngành Tiếng Anh
361			6.4.05		Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao cho sinh viên

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
362			6.4.06		Quyết định khen thưởng các hoạt động phong trào trong Học sinh sinh viên
363	7	1		3.5.09	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
364			7.1.01		Phiếu khảo sát doanh nghiệp các năm năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
365			7.1.02		Ảnh chụp Phiếu khảo sát doanh nghiệp về về mức độ đáp ứng của Sinh viên tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp và sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
366			7.1.03		Danh sách các doanh nghiệp đã lấy ý kiến khảo sát năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
367			7.1.04		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến doanh nghiệp về sinh viên tốt nghiệp ngành Tiếng Anh năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
368	7	2		3.5.09	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
369			7.2.01		Phiếu khảo sát Sinh viên tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của Sinh viên tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
370			7.2.02		Ảnh chụp Phiếu khảo sát Sinh viên tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của Sinh viên tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
371				2.4.08	Các Quyết định thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp và các Quyết định công nhận tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
372			7.2.03		Báo cáo kết quả điều tra lần vết về sinh viên ngành Tiếng Anh sau tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
373	7	3		3.5.09	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
374			7.3.01		Phiếu khảo sát Giảng viên, CBQL để thu thập thông tin về dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
375			7.3.02		Bản chụp Phiếu khảo sát Giảng viên, CBQL để thu thập thông tin về dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
376				3.1.01	Danh sách trích ngang cán bộ, giảng viên, nhân viên thuộc Khoa Ngoại Ngữ được thu thập ý kiến hàng năm
377			7.3.03		Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý
378			7.3.04		Danh sách cán bộ, giảng viên, nhân viên thuộc Khoa Ngoại Ngữ được thu thập ý kiến hàng năm
379	7	4		3.5.09	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
380				3.3.03	Danh sách Sinh viên các lớp Khoa Ngoại Ngữ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
381			7.4.01		Ảnh chụp Phiếu khảo sát Sinh viên để thu thập ý kiến về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
382			7.4.02		Danh sách Sinh viên được khảo sát ý kiến về tuyển sinh, về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
383			7.4.03		Báo cáo kết quả khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học (trong đó có tuyển sinh) năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
384	7	5	7.5.01		Kế hoạch số 405/KH-CDCT, ngày 22/03/2021 về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh trình độ cao đẳng năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng - Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công thương TPHCM
385			7.5.04		Quyết định số 409/QĐ-CDCT ngày 19/04/2021 về việc Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban soạn thảo báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM;

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
386			7.5.05		Đường link báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Tiếng Anh trình độ cao đẳng năm 2019, 2020, 2021
387				1.1.11	Địa chỉ website của Trường: www.hitu.edu.vn
388	7	6		2.5.13	Báo cáo tổng kết năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 của phòng QLĐT, Khoa NN
389				7.5.05	Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Tiếng Anh trình độ cao đẳng năm 2019, 2020, 2021
390			7.6.01		Kế hoạch nâng cao chất lượng chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh năm 2019, 2020, 2021
391			7.6.02		Báo cáo kết quả thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2019, 2020, 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng
392	7	7		3.5.09	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
393				7.2.01	Phiếu khảo sát Sinh viên tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của Sinh viên tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
394				7.2.02	Ảnh chụp Phiếu khảo sát Sinh viên tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của Sinh viên tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 (bảng in giấy)
395				2.4.08	Các Quyết định thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp và các Quyết định công nhận tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
396				7.2.03	Báo cáo kết quả điều tra lần vết về sinh viên sau tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
397	7	8		7.1.05	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến doanh nghiệp về sinh viên tốt nghiệp ngành Tiếng Anh năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021